Quyển 96

Thứ 3. NHIẾP TRẠCH SỰ
DUYÊN KHỞI - THỰC - ĐẾ - GIỚI KHẾ KINH
Phần 4

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói chung:

Nghĩa chung thảy, quang thảy
Thọ thảy là rốt sau.

Ốt-Đà-Nam nói riêng:

Nghĩa chung tự loại riêng
Tợ chuyển, sau ba cầu.

Nên biết các cõi lược có 2 chủng: 1. Trụ tự tánh cõi; 2. Tập tăng trưởng cõi.

Trụ tự tánh cõi: là mười tám giới, rơi trong sự tương tục của chính nó, mỗi mỗi quyết định có chủng tử sai biệt.

Tập tăng trưởng cõi: là các pháp hoặc thiện, hoặc bất thiện, vì sanh trong các đời khác, trước đã lớp lớp huân tập khiến kia hiện hành, nên ở

thời nay chủng tử nương gá tương tục mạnh mẽ. Do đây làm nhân, vừa gặp chút duyên liền có thể hiện khởi, quyết định không thể khác được.

Lại nữa, tóm lại mà nói tuy cõi có 18 chủng loại khả đắc, nhưng mỗi một cõi thì nghiệp đi đến từng phẩm loại hữu tình sai biệt, nên có chủng chủng phẩm loại sai biệt, cho nên biết được chúng có vô lượng. Ví như Ác-xoa tụ ở thế gian, trong tụ đây có nhiều phẩm loại, vì cùng một chủng loại nên chỉ nói là một, mà thật ra có vô lượng. Cũng vậy, ở trong mỗi một cõi đây có vô lượng phẩm loại sai khác, vì cùng một chủng loại nên tuy thuyết một, mà thật có vô lượng.

Lại nữa, các cõi như vậy do chỗ tích tập thành của lực thắng giải, nếu trước là thắng giải ác thì tập thành cõi ác, nếu trước là thắng giải thiện thì tập thành cõi thiện. Tùy theo chỗ tập thành, trở lại cùng hữu tình đồng pháp giống nhau như vậy mà chuyển, tức là tất cả giống nhau từ tướng, đến đi, đồng tụ, đồng kiến, đồng ý thắng giải. Như vậy nên nói hữu tình các cõi giống nhau cộng tướng sung mãn mà chuyển.

Lại nữa, do cầu phạm hạnh lực tăng thượng,

nên trước sanh khởi tín, thứ đến ở nơi giới luật triển chuyển thọ học. Ở nơi tội lỗi hiện hành, quán mình quán người mà sanh tàm quý. Lại đối với thiện pháp, phát siêng tinh tấn tu tập không gián đoạn; đối với việc làm và sở thuyết đã lâu đều không quên mất. Nương hai điều đây khiến tâm được định, do tâm định nên có được như thật trí. Như vậy gọi là lực tín tăng thượng, dần dần tiến đến tu tập 3 chủng học: 1. Tăng thượng giới; 2. Tăng thượng tâm; 3. Tăng thượng tuệ. Như đây là tư lương đạo thù thắng của ba học, tức là chánh kiến thế gian, diệu hành huệ xả, dễ cấp dưỡng, dễ vừa lòng, ít muốn vui đủ cùng bốn nhiếp sự. Các tướng "dễ cấp dưỡng" với câu nghĩa sai khác như trong *Thanh văn địa* đã thuyết. Như vậy nên biết gọi là *cầu phạm hạnh* đã được viên mãn.

Người cầu phạm hạnh thành tựu như vậy, trở lại cùng các loại hữu tình giới giống nhau cộng tướng sung mãn triển chuyển. Kẻ xa lìa giới đây, trở lại cùng các loại hữu tình xa lìa giới giống nhau cộng tướng sung mãn triển chuyển. Trong đây nên biết vì quả nương nơi nhân, chẳng phải nhân nương nơi quả. Vô minh giới đuổi theo các giới của sáu xứ

làm duyên, vì sở y riêng khác nên phát khởi chủng chủng phẩm loại vô minh xúc. Chủng chủng phẩm loại vô minh xúc đây lấy làm duyên, nên phát khởi vô minh xúc phát sanh chủng chủng phẩm loại các thọ. Vô minh xúc phát sanh chủng chủng phẩm loại các thọ lấy làm duyên, nên phát khởi vô minh xúc phát sanh các thọ làm duyên tham ái. Vì ái làm duyên nên có thủ, nói rộng cho đến khổ uẩn lớn tích tập. Nên biết đây gọi là nương *cầu hữu* nên kiến lập các cõi.

Lại, vô minh giới theo đuổi các giới của sáu xứ làm duyên khởi vô minh xúc. Vô minh xúc đây lấy làm duyên nên ở nơi các cảnh giới phát khởi không như lý, chấp giữ tướng hảo, chỗ có các tưởng. Tưởng đây làm duyên nên ở nơi các cảnh giới phát khởi mong muốn. Mong muốn làm duyên nên phát khởi chạy theo pháp kia, sanh nhiều tùy tầm tư. Do chạy theo pháp kia, nhiều tùy tầm tư lấy làm duyên, nên phát khởi tưởng nhớ nghĩ sầu ưu khiến thân tâm nhiệt não. Thân tâm nhiệt não lấy làm duyên, nên ở nơi chủng chủng phẩm loại các cảnh giới suy nghĩ tìm cầu sai biệt, đều có thể rõ biết. Như vậy nên biết nương *cầu dục* nên an lập các cõi.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Ba bảy giới nhiếp nhau
Kiến, tưởng và hy kỳ
Tánh sai biệt, kiến lập
Tịch tĩnh, sau ngu phu.

Cõi có 3 chủng: 1. Sắc giới; 2. Vô sắc giới; 3. Diệt giới.

Lại có 7 cõi: 1. Quang minh giới; 2. Thanh tịnh giới; 3. Không xứ giới; 4. Thức xứ giới; 5. Vô sở hữu xứ giới; 6. Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới; 7. Diệt giới.

Nên biết trong đây Sắc giới nhiếp Quang minh giới và Thanh tịnh giới. Vô sắc giới nhiếp bốn vô sắc là Không xứ giới, Thức xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới. Diệt giới trở lại nhiếp Diệt giới.

Lại các tham cõi Sắc do kiến, do thọ hiển phát, nên khắp ở trong tất cả Sắc giới địa an lập quang minh giới và thanh tịnh giới.

Lại biết khắp 7 cõi như vậy, phải nên rõ biết; phương tiện đạt được, phải nên rõ biết, tức sự đạt được các cõi đây phải nên rõ biết; sở vi đạt được,

phải nên rõ biết.

- Biết khắp các cõi như vậy, phải nên rõ biết do 4 nhân duyên: vì có sự trái nhau, tức sở trị, năng trị đối đãi nhau; vì hẹp nhỏ, vô lượng đối đãi nhau; vì có và chẳng phải có đối đãi nhau; vì hữu thượng, vô thượng đối đãi nhau. Tối tăm làm duyên nên thi thiết ánh sáng; bất tịnh làm duyên nên thi thiết thanh tịnh; cõi sắc làm duyên nên thi thiết hư không. Đây gọi là vì có sự trái nhau, tức đối đãi sở trị kia nên thi thiết năng trị. Do sự đối đãi kia, nên ở trong ấy chánh giác tuệ chuyển. Do duyên cảnh thức có lượng hẹp nhỏ lấy làm duyên, nên thi thiết Thức vô biên xứ. Do sở hữu nhỏ bé làm duyên, nên thi thiết Vô sở hữu xứ. Do tất cả *hữu* thù thắng hơn cả hiện tiền lấy làm duyên, nên thi thiết Phi tưởng phi phi tưởng xứ là *hữu vô thượng*. Do hữu thân, chỗ có tương ưng các phiền não đoạn trừ lấy làm duyên, nên thi thiết Diệt giới là *diệt vô thượng*. Nên biết Hữu đảnh còn có pháp vượt hơn, Diệt giới thì ở nơi các pháp đều không gì vượt hơn.

- Hữu tưởng định gọi là hành hữu. Ở trong thứ tự bảy cõi, từ Quang minh giới cho đến Vô sở hữu

xứ giới, tất cả đều là hữu tưởng định, nên đều do thuận theo hành định mà đạt được. Đó là nắm giữ tướng sáng suốt đồng với tưởng quang minh tu tập tam-ma-địa, theo đó thu được tưởng quang minh định. Như vậy do nắm giữ tướng hư không thanh tịnh đồng với tưởng thức vô biên, tưởng vô sở hữu nên biết cũng vậy. Phi tưởng phi phi tưởng xứ do tác ý vô tướng mà phương tiện nhập vào, vì nắm giữ tưởng cực tế là bậc nhất, lúc khởi thắng giải, các hữu tịch tĩnh, tùy thuận thu được đệ nhất hữu định. Vì không tư duy tất cả tướng, vì chánh tư duy vô tướng giới, vì do vô tướng nên thân diệt, theo đó thu được Diệt định, Diệt giới. Hai chủng như vậy chẳng do hành, định tùy theo đó mà đạt được.

- Vì vĩnh viễn hại diệt sở hữu tham Sắc giới, Vô sắc giới, vì không chìm đắm hạ liệt, vì không quá cao cử, vì an trụ giải thoát, như vậy các định được tùy chỗ muốn có lực điều nhu tự tại mà chuyển. Đây gọi là đạt được các cõi.

Lại các cõi đây năng tùy thành tựu tám định giải thoát. Nên biết cõi đầu năng theo đó thành tựu hai định giải thoát thứ nhất và thứ hai. Cõi thứ hai đây năng theo đó thành tựu định giải thoát

thắng tĩnh lự thứ ba. Còn lại năm cõi đây, thứ lớp năng theo đó thành tựu năm định giải thoát.

Lại các thầy ngoại đạo muốn khiến đệ tử ở trong ba xứ được thăng tiến, nên lược thuyết pháp:

1. Có một loại ở cõi thấp Dục giới, vì khiến có được khoái lạc trong người cho đến sanh trời Tha hóa tự tại, nên tuyên thuyết các hành năng cảm quả kia.

2. Có một loại ở cõi trung Sắc giới, vì khiến có được sự sanh đến trong chúng đồng phận Phạm thế gian thảy, nên tuyên thuyết các hành năng thu được quả kia.

3. Có một loại ở cõi diệu Vô sắc giới, vì khiến có được cho đến sanh trong chúng đồng phận Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nên tuyên thuyết các hành năng cảm quả kia.

Như vậy thuyết cõi thấp kém kia làm duyên gọi là lời thấp kém. Cõi trung làm duyên gọi là lời trung. Cõi diệu làm duyên gọi là lời diệu. Các đệ tử kia nghe pháp đây rồi trở lại khởi tưởng hiểu sai biệt như thế. Tưởng hiểu như vậy cũng gọi là tưởng thấp, tưởng trung và tưởng diệu. Như như tưởng ấy, như vậy như vậy phát sanh nhẫn lạc. Nhẫn lạc

như vậy phát sanh kiến thấp, kiến trung và kiến diệu. Kẻ kia do nhẫn lạc kiến như vậy, liền ở nơi sanh xứ sai biệt kia tin hiểu nhẫn cho đến chấp là thù thắng hơn cả, nên tạo tác tăng trưởng nghiệp tương ưng kia. Tin hiểu như vậy gọi là nguyện thấp, nguyện trung và nguyện diệu. Nên biết hai loại người thuyết và hành đây cũng gọi là bổ-đặc-già-la phẩm thấp, trung, diệu.

Lại, người thuyết và người hành kia cũng vì người mà tuyên thuyết pháp thấp, trung, diệu như vậy. Những kẻ kia cũng thu được kết quả sanh như vậy. Lại tức kết quả sanh đây, vì trước sau so lẫn nhau có sai khác, nên an lập các cõi thấp kém, trung, diệu riêng khác. Ba chủng như vậy nếu đem so với Niết-bàn, nên biết tất cả đều nhiếp thuộc cõi thấp kém.

Nếu chư Như Lai thì do thắng nghĩa nên cõi diệu làm duyên, chỉ thuyết lời diệu. Pháp sai biệt còn lại tùy chỗ thích hợp mà biết. Nếu sở hữu hành đi đến các cõi của các bậc thánh, nên biết đều là hiện pháp Niết-bàn.

Có ngoại đạo mạng chung rồi đến sanh trong thế gian đây, vì nhân tăng trưởng nên các duyên

hòa hợp, tạm được xuất gia ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da. Do kẻ kia đời trước là ngoại đạo có kiến hư vọng làm mê loạn, nên thời nay tích tập thành vô minh giới rộng lớn. Do đây làm nhân nên đối với Niết-bàn và Đại sư sanh khởi nghi hoặc, thối mất chánh pháp và Tỳ-nại-da, trở lại quy y ngoại đạo và các pháp ác thuyết. Kẻ kia do lực nhân đời trước huân tập thường xuyên... cho nên gọi là lời thấp... cho đến nói rộng. Còn lại tất cả nên biết như trước đã thuyết.

Lại nữa, ở chỗ ngoại đạo, đệ tử ngoại đạo mỗi mỗi rộng tuyên thuyết kiến thú riêng. Do "nhẫn kiến y" sai biệt nên tóm lược có ba loại. Nếu ba loại đây nương chánh pháp, năng khiến vĩnh viễn xả triền và tùy miên. Do xả triền nên cũng theo đó xả tùy miên, sót thừa cũng không chấp giữ. Như thật rõ biết ở trong hiện pháp do triền kia nên cùng người đấu tranh hơn thua ganh ghét lẫn nhau, năng dẫn tất cả điều vô nghĩa cho mình, cho người. Tức biết đây rồi, xả bỏ tùy miên kia. Do xả đây nên tùy miên sót thừa và nhân các triền sót thừa rốt ráo không chấp giữ.

Ở chỗ ngoại đạo rộng thi thiết kiến thú riêng

biệt, đó là chấp thế gian hoặc thường vô thường, nói rộng cho đến Như Lai diệt rồi về sau chẳng phải có chẳng phải không. Nếu trong đệ tử ngoại đạo có loại là tánh trì độn, nương theo thầy mình hoặc được người khác dạy dẫn, cứ như vậy không suy lường sâu, chấp thủ đắm trước kiên cố, chỉ cho đây là chân thật, khác đây đều là ngu si hư vọng. Kẻ kia ở nơi tất cả kiến thú riêng khác thảy đều nhẫn thọ. Đây gọi là do nhẫn kiến y thứ nhất.

Lại có một loại đệ tử ngoại đạo là tánh trung căn, không phải trì độn, đối với pháp không thể tự nhiên mạnh mẽ tìm hiểu quán sát, cũng không theo lời liền sanh tin hiểu. Nhưng đối với các kiến thú triển chuyển trái nhau lại tùy vui thích hành theo một kiến. Kẻ kia đối với một loại kiến thú thì nhẫn thọ, với loại kiến thú khác thì không nhẫn thọ. Đây gọi là do nhẫn kiến y thứ hai.

Lại có một loại đệ tử ngoại đạo là tánh lợi căn. Kẻ kia đối với pháp có khả năng tự nhiên mạnh mẽ tìm hiểu quán sát. Do thấy các kiến thú ác đã thi thiết đều không đúng lý, nên đối với tất cả đều không vui thích. Do nhân duyên đây đều không nhẫn thọ các kiến thú. Đây lại chia làm hai

loại bổ-đặc-già-la: 1. Hành tà kiến, tánh không kham năng, ý không cầu hiểu; 2. Hành chánh kiến, tánh kham năng, có ý cầu hiểu.

1. Bổ-đặc-già-la tất cả đều không nhẫn thọ đầu tiên, đối với pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, do tỷ lượng không như lý như vậy, không tư duy suy lường sâu, mà chấp cho là không đúng lý, phỉ báng Hiền thánh, nên khởi kiến "vô hữu". Lại ở nơi tất cả các kiến thú khác đều không nhẫn thọ, phương tiện khiến "không chỗ ỷ dựa", cũng khiến hoại diệt "không chỗ tông thừa", hư vọng phân biệt kế chấp hiển thị "không chỗ ỷ dựa". Chỗ dẫn kiến thú thường cùng với tất cả người có kiến riêng khác tranh luận xoay vần não hại lẫn nhau. Đây gọi là do nhẫn kiến y thứ ba.

2. Bổ-đặc-già-la tất cả đều không nhẫn thứ hai, đối với kiến của tất cả kẻ đều không nhẫn thọ trước, cũng không trụ vui thích, trụ tâm cầu hiểu mà đi đến chỗ người này. Sau khi nghe Phật và đệ tử Phật như thật hiển pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da rồi, tự nói: "Ta tất cả đều chẳng nhẫn thọ". Phật, đệ tử Phật rõ biết người kia có ý cầu hiểu, tuệ hiểu biết mãnh lợi, tánh đủ kham nhiệm. Tức

dùng tâm nghĩ biết tâm người kia rồi, đối trước bổ-đặc-già-la mà hỏi rằng: "Ông đối với kiến của tất cả kẻ đều không nhẫn, vậy kiến đây cũng không nhẫn ư?". Kia liền như thật đáp: "Đúng thế!" Như Lai bèn nêu ra trong chánh pháp đây cũng có các chúng đệ tử như vậy, tán thán khích lệ đối với kia, bảo rằng: "Ông cũng giống như nhiều người trong đây, chúng ta đối với tất cả các kiến thú, kể cả kiến "chẳng nhẫn" đều không nhẫn thọ. Ông nếu vậy cũng như người trong chúng đây, tức tất cả kiến y của các triền và tùy miên đều vĩnh viễn đoạn trừ, ở đời đương lai đều không kham năng lãnh thọ các kiến tạp nhiễm. Ông nay cùng chúng đây trọn không sai khác. Những người đồng kiến như vậy đã cực hiếm hoi, ông đối với việc đây mà triển chuyển chút ít lại là hiếm hoi hơn. Nếu ở nơi tất cả triền cùng tùy miên đều kiến "chẳng nhẫn", thì năng vĩnh viễn đoạn trừ kia, đối với tất cả kia rốt ráo không chấp giữ". Như vậy Như Lai, đệ tử Như Lai phương tiện khiến đệ tử ngoại đạo kia đối với chánh trí kiến phát sanh mong muốn thầm khởi niệm đây: "Ta quả không biết đệ tử Như Lai năng đoạn triền cùng tùy miên như vậy". Như Lai

biết người kia đối với chánh trí kiến sanh mong muốn rồi, trở lại càng sách tấn khuyến phát tâm mong muốn của kia, khiến kia kính vâng lãnh thọ. Như Lai vì muốn khiến kia y chỉ hai lực đối trị là tư trạch và tu tập, vĩnh viễn đoạn tất cả triền và tùy miên, nên tuyên thuyết pháp yếu, khiến đây đạt được trí kiến không điên đảo, tư duy suy xét: "Những kẻ an trụ khác với chánh pháp "năng trái bỏ tất cả triền và tùy miên" đây có các kiến y, năng khiến triển chuyển xoay vần chia rẽ lẫn nhau. Do nhân duyên đây đấu tranh não hại nhau, năng dẫn tất cả những điều vô nghĩa cho mình cho người. Các thánh đệ tử Phật đối tất cả kia đều không chấp thủ. Giả sử có người đến hỏi cũng không ký biệt". Quán sát thấy các lỗi lầm họa hoạn như vậy rồi, nương lực tư trạch mà xả ly các triền. Do nhân duyên đây, đối với kiến y kia năng vĩnh viễn hại diệt; đối với kiến y còn sót thừa, bởi nương chánh kiến cũng khiến kia không còn tồn tại. Kế đến, người kia vì muốn vĩnh viễn đoạn trừ các triền, nhổ bật tùy miên, nên tu niệm tuần thân, ở nơi thân hữu sắc, quán tánh vô thường; ở nơi thân nhiễm trước, tịnh tu nơi tâm; ở nơi phần vị các thọ

của tự thân, do môn vô thường quán tánh vô thường. Vì như thật rõ biết các danh sắc, nên ở nơi các lậu tâm được giải thoát. Quán thân hoại rồi, đương lai các thọ thảy đều đoạn diệt. Lại ở nơi thân đây trụ tưởng sẽ hoại, cho đến mạng đang tồn tại đây thường năng lãnh thọ lìa hệ buộc của các thọ. Như vậy gọi là nương lực tu tập xả ly tùy miên. Nên biết trong đây do tham khuể si... khiến đời đương lai các khổ sanh... hòa hợp trói buộc, cũng khiến hiện pháp khởi nghiệp tạp nhiễm, cũng khiến hân cầu sự nhiễm vị lai; lại buông bỏ chấp thủ sự việc quá khứ rồi, chấp trước sự việc hiện tại đang hiện tiền. Lắm ý gọi là chống đối. Lắm lời gọi là cãi vã. Do ba tổn não gọi là tổn hại. Quán vô thường... tướng đây như đã thuyết ở trước trong phần *Thanh văn địa*.

Lại nữa, tu bất tịnh, từ và bi đối trị tham, khuể và hại. Vì chưa đoạn hẳn kia, vì trong sở y, phẩm thô trọng của kia vẫn còn chủng tử nên năng sanh kia, tùy chỗ thích hợp gọi là dục tham giới, khuể giới và hại giới. Do có đây nên lúc thuận theo cảnh dục, khuể, hại hiện tiền, nương không như lý tác ý tư duy, ở nơi ba chủng cảnh không như

lý nắm giữ tướng hảo, tưởng phát sanh. Nếu tưởng đây sanh rồi, do chấp kiên cố nên biết phát khởi hai chủng quá hoạn hiện pháp và hậu pháp.

Trong đây sao gọi là chấp kiên cố? Sao gọi là quá hoạn hiện pháp? Sao gọi là quá hoạn hậu pháp? Nếu do lực tưởng đã sanh tăng thượng, tương tợ như trước hân cầu vui muốn phân biệt phát sanh nhiệt não tầm cầu sanh khởi, do nhân duyên đây gọi là tưởng chấp kiên cố. Lại khi tầm cầu ở nơi ba xứ đây, do đây làm nhân, đối với các hữu tình phát khởi tà hạnh; hoặc kham chịu sở hữu ưu khổ năng sanh ở hiện pháp, do nhân duyên đây gọi là có khổ; hoặc không kham chịu, nhưng do kia đang hiện tiền, nên gọi là có thiếu thốn.

Lại có khổ và có thiếu thốn đây dụng 2 thứ làm duyên: 1. Dụng tay, đá, dao, gậy cùng lời thô của người khác... làm tăng thượng duyên, do duyên đây gọi là có tai hại; 2. Lấy việc an trú tạp nhiễm bên trong làm tăng thượng duyên, do duyên đây gọi là có thiêu não. Như vậy gọi là quá hoạn hiện pháp. Tức do nhân đây, ở đời đương lai sanh đến các đường ác, như vậy gọi là quá hoạn hậu pháp.

Lại đối với phẩm hắc đã lãnh thọ đây mà lại

thêm chấp kiên cố, nên biết cũng như nhà bằng cỏ lau khô là chỗ nương tựa thêm sức cho lửa kia; như trùng trong thiện pháp, đem lửa tà tưởng quăng vào trong ấy, thêm sức cho lửa kia năng thiêu rụi. Nên biết bổ-đặc-già-la đây như trùng, tất cả thiện pháp đều bị thiêu hại. Nếu không chấp kiên cố, nên biết thối lui hoại mất công đức thiện pháp. Trái với tất cả tướng trên, tùy chỗ thích hợp nên biết ra khỏi xa lìa, tưởng không khuể, không hại... an trụ hết thảy thiện sai khác.

Lại đối trong đây, tuệ văn-tư-tu năng khiến không chấp kiên cố phẩm hắc, năng khiến gìn giữ kiên cố phẩm bạch. Nếu khuyết ba chủng diệu tuệ đây, năng khiến chấp đắm kiên cố phẩm hắc, năng khiến không gìn giữ kiên cố phẩm bạch.

Lại nữa, Như Lai có 2 pháp rất hy hữu kỳ lạ: 1. Hiển thị tất cả pháp đều không có ngã; 2. Hiển thị tất cả hữu tình mình làm, người làm đều không hoại mất. Trong đây lược có 2 chủng hữu tình: 1. Phẩm tại gia; 2. Phẩm xuất gia.

Hữu tình tại gia vì cầu tài bảo, ban đầu mạnh mẽ phát gia hạnh, gọi là phát khởi cõi. Đối với việc đây nếu chưa đạt được, thuận theo tinh tấn,

các tâm dũng mãnh vượt qua nhân duyên chướng ngại, tức so với trước kia gọi là thế lực cõi. Nếu đã đạt được, lúc bị hết thảy sự tổn hại của muỗi ruồi, do thuận tinh tấn nên ở nơi chướng ngại kia mà không động chuyển, gọi là nhậm trì cõi. Tức các cõi đây từ nơi chốn này đến nơi chốn khác, từ chưa xả bỏ đến đã xả bỏ, gọi là xuất ly cõi. Tức hữu tình kia vì tài bảo nên có đầy đủ hai điều, đó là phát khởi gia hạnh không gián đoạn, ân trọng và gia hạnh không trì hoãn chậm chạp, gọi là dũng mãnh cõi.

Hữu tình xuất gia trước vui xuất gia, vì cầu xuất gia nên sanh "dục" quyết định, gọi là phát khởi cõi. Nương phẩm xuất gia, đối với thiện pháp rộng lớn phải đạt được không khiếp nhược, gọi là thế lực cõi. Ở nơi các khổ do chủng chủng rỉ lậu phát sanh, ở nơi các khổ do phát siêng tinh tấn phát sanh và ở nơi các khổ do các giới của thân không điều hòa phát sanh, không bị lui mất hư hoại, gọi là nhậm trì cõi. Ở nơi sự chứng đắc hạ liệt không sanh vui đủ, gọi là xuất ly cõi. Cho đến mạng còn tồn tại, thường tu gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân trọng, gọi là dũng mãnh cõi.

Như vậy tất cả các giới và tận sở hữu các phẩm loại cõi kia đều phải nên rõ biết.

Lại nữa, ở trong các cõi lược có 2 chủng tánh cõi sai biệt. Những gì là hai?

1. Tánh loại khác của các cõi sai biệt: đó là nhãn giới khác, sắc giới khác, nhãn thức giới khác... như vậy cho đến ý thức giới khác.

2. Tánh tự loại của các cõi sai biệt: tức ở cõi kia hoặc thuận thọ khổ, hoặc thuận thọ lạc, hoặc thuận thọ không khổ không lạc. Do đây làm duyên năng sanh ba thọ.

Lại nữa, do 4 nhân duyên nên biết kiến lập 3 chủng ba cõi, 2 xuất ly cõi.

Sao là bốn? 1. Vì không xuất ly, xuất ly ngoại xứ; 2. Vì không xuất ly, xuất ly nội xứ; 3. Vì không rốt ráo xuất ly, rốt ráo xuất ly; 4. Vì không tăng thượng mạn.

1. Không xuất ly, xuất ly ngoại xứ: nên biết trong đây dụng tham năm diệu dục bên ngoài làm duyên, kiến lập Dục giới. Tức do nghĩa xuất ly cõi đây, kiến lập Sơ tĩnh lự Sắc giới đầu tiên. Do nghĩa xuất ly tầm hỷ lạc, nên kiến lập ba chủng tĩnh lự cao hơn. Do nghĩa xuất ly chủng chủng tán tưởng

sắc có đối ngại, kiến lập Không vô biên xứ nhiếp lấy Vô sắc giới. Do nghĩa xuất ly tưởng không, thức, vô sở hữu kiến lập cõi cao hơn nhiếp lấy Vô sắc giới. Như vậy vì nghĩa không xuất ly, xuất ly ngoại xứ, nên biết kiến lập ba cõi sai biệt.

2. Không xuất ly, xuất ly nội xứ: trong Sắc giới đầy đủ sáu nội xứ viên mãn. Trong Vô sắc giới đều đã siêu vượt năm hữu sắc xứ, duy còn lại ý xứ. Ở trong Diệt giới đều đã siêu vượt tất cả sáu xứ. Như vậy vì nghĩa không xuất ly, xuất ly nội xứ, nên biết kiến lập ba cõi sai biệt.

3. Không rốt ráo xuất ly, rốt ráo xuất ly: trong Sắc giới, chẳng phải ở đây rốt ráo xuất ly Dục giới. Trong Vô sắc giới, chẳng phải ở đây rốt ráo xuất ly Sắc giới nên biết cũng vậy. Nếu các hữu vi thảy đều tịch diệt, nên biết đây là rốt ráo xuất ly. Như vậy vì nghĩa không rốt ráo xuất ly, rốt ráo xuất ly, nên biết kiến lập ba cõi sai biệt.

4. Không tăng thượng mạn: do biết khắp nên biết kiến lập năm chủng, sáu chủng các xuất ly cõi, như *Tam-ma-hí-đa địa* đã biện tướng đây.

Lại nữa, nếu các Bí-sô chuyên chí vui tịch tĩnh siêng tu Chỉ Quán, lược do 5 tướng nên biết

tâm đây gọi là đắc giải thoát: 1. Huân tu Chỉ nơi tâm, nương Quán giải thoát các tùy phiền não phẩm Chỉ; 2. Huân tu Quán nơi tâm, nương Chỉ giải thoát các tùy phiền não phẩm Quán; 3. Hai chủng chuyển vận song song, lìa tâm tùy hoặc, giải thoát tất cả sở hữu các hành kiến đạo sở đoạn; 4. Tức do đây nên giải thoát tất cả sở hữu các hành tu đạo sở đoạn, trụ Hữu dư y Bát-niết-bàn giới; 5. Giải thoát tất cả khổ, các hành y, trụ Vô dư y Bát-niết-bàn giới.

Lại ở trong thiện pháp Tỳ-nại-da lược có 2 pháp rất hy hữu kỳ lạ của Thầy và đệ tử: 1. Kiến bình đẳng tùy khởi ngôn thuyết; 2. Kiến tối thắng tùy khởi ngôn thuyết. Hai chủng như vậy trong pháp ngoại đạo đều chẳng thể có được, vì sở tác sai biệt, vì xa lìa Niết-bàn.

Lại nữa, ngu phu thế gian lược có 2 chủng tướng ngu si: 1. Vui tích tập hành, năng dẫn mình người hành nghĩa không lợi; 2. Ở nơi bốn xứ không được thiện xảo.

1. Năng dẫn hành nghĩa không lợi có 4 chủng tướng. Những gì là bốn? Vì năng sanh khởi 4 chủng khổ: 1. Khổ do người khác gây ra; 2. Khổ do bên

trong gây ra; 3. Khổ do thời gây ra; 4. Khổ do thân gây ra.

Khổ do người khác gây ra: Hoặc có dịch bệnh do phi nhân làm; hoặc có tai hoạnh do người làm; hoặc đã bị bức bách, hoặc sợ sẽ bị bức bách, hoặc đối với sự việc chưa bức bách mà sanh hãi sợ. Như vậy gọi là do người khác tăng thượng phát sanh các thứ khổ.

Khổ do bên trong gây ra: Các giới trái nhau là nhân duyên sanh ra tật bệnh, gọi là tai hoạn. Điều yêu thích bị biến hoại, điều mong cầu bị thiếu thốn phát sanh tâm nhiễm não, gọi là ưu não. Như vậy gọi là do bên trong tăng thượng phát sanh các thứ khổ. Đây lại nên biết như trước, hoặc đã bị bức bách, hoặc sợ sẽ bị bức bách, hoặc đối với việc chưa bức bách mà sanh hãi sợ.

Khổ do thời gây ra: Các phẩm loại khổ như vậy quá khứ đã gặp, vị lai sẽ gặp, hiện tại nay gặp. Như vậy gọi chung là do thời sai khác phát sanh các khổ.

Khổ do thân gây ra: Tự mình tập hành tà hạnh làm nhân năng khiến phát sanh khổ. Do nhân duyên đây cũng khiến người hành như vậy,

năng khiến phát sanh khổ. Như vậy gọi là do thân phát sanh các thứ khổ.

Nên biết trong đây 3 chủng khổ trước gọi là năng dẫn bản thân hành nghĩa không lợi, 1 chủng khổ sau gọi là năng dẫn người hành nghĩa không lợi.

2. Bốn xứ không được thiện xảo: Tức là ở trong các cõi, các xứ, duyên khởi và xứ phi xứ đều không thể thông đạt rõ biết.

Trái với tướng trên nên biết tức là hai tướng thông tuệ.

Lại do *vô sắc ý xứ*, tự loại sở y, sở duyên lưu chuyển sai biệt, nên biết kiến lập có 18 cõi. Do *năm sắc xứ*, thể tánh sở y an lập, vận chuyển, rong ruổi sai biệt, nên biết kiến lập sáu giới hữu dư. Thể tánh sở y an lập sai biệt tức là bốn địa... Thể tánh sở y vận chuyển sai biệt tức là không giới. Thể tánh sở y rong ruổi sai biệt tức là thức giới. Do nghĩa nương tựa tầm tư và tưởng phẩm nhiễm phẩm tịnh, nên biết kiến lập sáu cõi hữu dư, đó là dục, khuể, hại, gồm cả đối trị kia. Do nghĩa nương tựa tham sân si phược, nên biết kiến lập sáu cõi hữu dư, đó là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả và vô minh. Nếu phi

lý tác ý tư duy, tức liền sanh khởi tầm tư tà tưởng. Nếu như lý tác ý tư duy, tức liền sanh khởi tầm tư chánh tưởng.

Lại do nghĩa ba cõi nhiễm tịnh, hai phẩm vào khắp hành, nên biết kiến lập bốn cõi hữu dư, đó là bốn uẩn được nhiếp bởi danh.

Lại do sự nhiễm, sự tịnh, tức bất tịnh, thanh tịnh đây tăng thượng, như trước đã thuyết nghĩa "không xuất ly, xuất ly ngoại xứ", nên biết kiến lập ba cõi hữu dư, đó là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới; như trước đã thuyết nghĩa "không xuất ly, xuất ly nội xứ", nên biết kiến lập ba cõi hữu dư, đó là Sắc giới, Vô sắc giới và Diệt giới.

Lại do nghĩa "hai sự xuất ly, không xuất ly nội ngoại xứ" tăng thượng, tức lắng nghe chánh pháp hoặc bất chánh pháp, như lý tư duy hoặc chẳng như lý tư duy, nương ba chủng ngôn sự sai biệt, nên biết kiến lập ba cõi hữu dư, đó là cõi quá khứ, cõi vị lai và cõi hiện tại.

Lại do nghĩa sở tri các khổ phiền não phẩm thượng trung hạ, nên biết kiến lập ba cõi hữu dư, đó là cõi thấp kém, cõi trung và cõi diệu. Hoặc có khổ và phiền não phẩm thượng, gọi là cõi thấp

kém. Hoặc có khổ và phiền não phẩm trung, gọi là cõi trung. Hoặc có khổ và phiền não phẩm hạ, gọi là cõi diệu. Như vậy biết khắp cõi thấp kém, trung, diệu.

Lại do nghĩa xa lìa nhân duyên và do nghĩa tu tập đối trị đây, nên biết kiến lập ba cõi hữu dư, đó là cõi thiện, cõi bất thiện và cõi vô ký.

Lại do tu thiện thanh tịnh sai biệt, nên có nghĩa khuyết phược, nghĩa không phược, nghĩa đủ phược, nên biết kiến lập ba cõi hữu dư, đó là cõi học, cõi vô học và cõi phi học phi vô học.

Lại do nghĩa hàng hữu học, vô học và các ngu phu kia hoặc cùng chung, không cùng chung, thành tựu pháp thế xuất thế, nên biết kiến lập hai cõi hữu dư, đó là cõi hữu lậu và cõi vô lậu.

Lại do nghĩa thế gian, xuất thế gian kia hoặc thường, vô thường, hoặc hữu thượng, vô thượng sai biệt, nên biết kiến lập hai cõi hữu dư, đó là cõi hữu vi và cõi vô vi. Tất cả đều vì hướng đến Niết-bàn, đều lấy Niết-bàn đây làm biên cuối cùng cho sự tu tập thành thục phạm hạnh, cho nên vượt quá đây thì không kiến lập cõi.

Lại sở hữu thiện xảo về tướng của các xứ duyên

khởi và xứ, phi xứ nên biết như đã biện ở trước trong *Thanh văn địa.*

Lại nếu lược thuyết tướng thiện xảo của xứ và phi xứ, đó là hoặc nương hành hướng đến năm đường, hoặc nương hành hướng đến Niết-bàn. Tất cả hành đây lược có ba chủng là thấp kém, trung bình, thù thắng. Hành hướng đến đường ác gọi là thấp kém. Hành hướng đến đường thiện gọi là trung bình. Hành hướng đến Niết-bàn gọi là thù thắng. Vì cớ sao? Vì tận cùng của hành hướng đến đường thiện đây, tức hành tất cả thiện không sót thừa, mới năng chiêu cảm sự viên mãn cùng tột của thế gian, đó là năng cảm được thân Chuyển luân vương, hoặc thân Đế Thích, hoặc thân Ma-la, hoặc thân Đại phạm. Lại không có bổ-đặc-già-la thứ hai khác, hoặc nam hoặc nữ sánh được với thân trên. Hành hướng đến Niết-bàn nên biết năng chứng pháp tánh thắng vượt hơn so với tất cả hữu tình, đó là Thanh văn Bồ-đề, Độc giác Bồ-đề và Vô thượng Bồ-đề. Nhưng chư Phật Như Lai so với tất cả kia lại càng tối thắng, tất cả bổ-đặc-già-la trong tam thiên đại thiên thế giới không người sánh xứng.

Lại, người sở hữu an trụ Bồ-đề có ít công đức, nếu so với người thế gian thành tựu vị tăng thượng, còn là thù thắng, hà huống Như Lai. Việc kia lại thế nào? Đó là ở nơi xứ đây, bổ-đặc-già-la có đầy đủ chánh kiến, không năng hiện hành thành tựu vị thế gian tăng thượng mà các loại dị sanh kham nhiệm hiện hành, nên biết tất cả như kinh đã rộng thuyết.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Tự tánh, cùng nhân duyên
Kiến, nhiễm, số thủ thú
Chuyển sai khác, đạo lý
Tịch tĩnh, sau quán sát.

1. Tự tánh các thọ, phải nên rõ biết; 2. Nhân duyên các thọ, phải nên rõ biết; 3. Ở nơi thọ sanh khởi chánh kiến, phải nên rõ biết; 4. Ở nơi thọ sanh khởi tạp nhiễm, phải nên rõ biết; 5. Ở nơi thọ, bổ-đặc-già-la năng lãnh thọ, có hai lực là tư trạch, không tư trạch sai biệt, phải nên rõ biết; 6. Ở nơi thọ, bổ-đặc-già-la giải thoát, không giải thoát, phẩm lưu chuyển sai khác, phải nên rõ biết; 7. Đạo lý các thọ đều là khổ, phải nên rõ biết; 8. Các thọ

tịch tĩnh, dừng nghỉ sai biệt, phải nên rõ biết; 9. Ở nơi thọ quán sát các tướng thọ, phải nên rõ biết.

1. Tự tánh: Nói tóm lược ba thọ là tự tánh thọ.

2. Nhân duyên: Ba phẩm loại xúc là nhân duyên thọ.

3. Ở nơi thọ sanh khởi chánh kiến: Các thọ lạc vì pháp biến hoại, vì nương tựa tham, vì tham là nhân các khổ đương lai, do đây nên quán thọ lạc là khổ. Nếu các thọ khổ lúc hiện tại tiền tánh não hại, như trúng tên độc mà chưa nhổ được, do đây nên quán thọ khổ như tên. Thọ không phải khổ lạc, vì đã diệt hoại tức vô thường, vì đang lúc hiện tiền tức pháp diệt, vì cả hai lúc lại năng thuận theo tiếp nối, do đây nên quán thọ không phải khổ lạc tánh là vô thường, tánh là pháp diệt. Như vậy ở nơi thọ mà sanh khởi chánh kiến, năng tùy nhập vào chỗ có các thọ thảy đều là khổ.

4. Ở nơi thọ sanh khởi tạp nhiễm: Ở trong thọ lạc có tham tùy miên. Ở trong thọ khổ có sân tùy miên. Ở thọ không phải khổ lạc có vô minh tùy miên. Đây gọi là ở nơi thọ phát khởi tạp nhiễm. Ở nơi phần vị của sở hữu các thọ hiện tiền như lạc...

tất cả đều chưa đoạn trừ sự đuổi theo ngủ ngầm của phiền não tùy miên, do duyên kia sở hành mỗi mỗi riêng khác, nên các triền sanh khởi. Đây về sau có phiền não tùy miên đuổi theo trói buộc, tức gọi là ở nơi kia tương tục tùy miên. Vì muốn vĩnh viễn hại các tùy miên, nên tu phạm hạnh thuần thục, chẳng phải chỉ vì trừ khiển nhân duyên các triền.

5. Ở nơi thọ, bổ-đặc-già-la năng lãnh thọ, có hai lực là tư trạch, không tư trạch sai biệt: Bổ-đặc-già-la không có lực tư trạch, lúc lãnh nạp thọ khổ tâm rất ưu buồn, tức là lúc hoặc thân, hoặc tâm hiện tiền lãnh nạp thọ khổ đây. Còn lại thọ lạc, thọ không phải khổ lạc vì chưa đoạn trừ, nên tùy theo đó mà tương ưng. Do đây gọi là hiện thấy đầy đủ hầm thọ tối tăm mà khó đến được tận đáy. Bổ-đặc-già-la có lực tư trạch, nên biết tất cả trái với tướng trên.

6. Ở nơi thọ, bổ-đặc-già-la giải thoát, không giải thoát, phẩm lưu chuyển sai khác: Bổ-đặc-già-la nơi các thọ tâm chưa giải thoát, hoặc chỉ ở nơi thọ khổ lãnh nạp trọn vẹn, giống như một người trúng hai mũi tên độc, hai mũi tên tức dụ cho ba thọ. Hoặc tâm nhiễm ô lãnh nạp, tức là do tham

sân si. Hoặc tương ưng lãnh nạp, tức là do khổ sanh... Như vậy kẻ kia vì ở hiện pháp có khổ phẩm thượng, vì ở hiện pháp có các tạp nhiễm, vì ở hậu pháp có các khổ, do vậy ở nơi các xứ mà lãnh thọ nhiễm não của chúng.

Lại bổ-đặc-già-la ở nơi các thọ tâm giải thoát, nên biết tất cả trái với tướng trên. Nhưng đây có sự sai biệt ở chỗ tức lãnh nạp đầy đủ ba thọ.

Lại nếu có thọ lưu chuyển, ở trong chỗ nương sanh rồi hư hoại tiêu tán, nhanh chóng biến đổi suy tàn, không trải qua nhiều thời tương tợ tương tục mà chuyển, nên quán thọ đây giống như gió xoáy. Nếu có các thọ lưu chuyển trải qua ít thời, dừng lại tương tục tương tợ, không nhanh chóng biến hoại, nên quán thọ đây như sắc loại khách trọ trong nhà trọ.

Lại tự tánh các thọ kia nương tựa phẩm nhiễm tịnh riêng khác, nên biết gọi là phẩm loại thọ sai biệt. Thọ có mùi vị là các thọ thế gian. Thọ không mùi vị là các thọ xuất thế gian. Thọ nương đắm say vui thích là các thọ nhiễm ô ở năm diệu dục. Thọ nương ra khỏi xa lìa là các thọ đồng hành các thiện định địa, thiện bất định địa do tất cả xuất ly,

viễn ly sanh khởi.

7. Đạo lý các thọ đều là khổ: Đó là các thọ khổ, tất cả chúng sanh hiện tiền đều biết là khổ, nên không giả mượn thành lập. Hai thọ còn lại do hai nhân duyên nên biết là khổ. Đó là thọ chẳng phải khổ lạc và các hành năng thuận theo thọ đây, do vô thường nên biết là khổ. Thọ lạc và các hành năng thuận theo thọ đây, do pháp tánh biến hoại nên biết là khổ. Do đạo lý đây nên biết các thọ thảy đều là khổ.

8. Các thọ tịch tĩnh, dừng nghỉ sai biệt: Các thọ kia nên biết lược có 3 chủng tịch tĩnh: 1. Do nương thượng định địa, nên các thọ ở hạ địa đều được tịch tĩnh; 2. Do tạm thời không hiện hành mà được tịch tĩnh; 3. Do đương lai rốt ráo chẳng chuyển mà được tịch tĩnh. Nên biết trong đây tạm thời không hành chuyển, gọi là tịch tĩnh. Khiến đây rốt ráo thành pháp không hành chuyển, gọi là dừng nghỉ.

Vui luận nói, tức là rộng sanh khởi nói năng luận bàn. Nhiễm ô vui muốn triển chuyển phát khởi chủng chủng luận bàn, gọi là ngôn ngữ. Ngôn ngữ như vậy nếu chánh chứng nhập định Sơ tĩnh

lự, tức liền tịch tĩnh.

Lại tầm tứ thô năng phát ngôn ngữ, hoặc người chưa đắc định, hoặc người đã đắc rồi từ định khởi, năng phát ngôn ngữ thì chẳng phải đang tại định. Người ở tại định tuy có tầm tứ vi tế tùy chuyển, mà không năng phát ngôn ngữ, cho nên ở vị đây gọi là tất cả ngôn ngữ tịch tĩnh. Đây gọi là môn nghĩa sai biệt thứ nhất.

Lại thầy Du-già ở nơi tham sân si thấy sâu quá hoạn, lãnh nạp các thọ an trụ lìa hệ buộc của tham sân si, luôn luôn biết khắp, luôn luôn đoạn diệt tham sân si kia. Cho nên ở nơi tham sân si tâm đây được lìa nhiễm, giải thoát.

9. Ở nơi thọ quán sát các tướng thọ: Do 7 hành, ở trong các thọ quán 7 tướng thọ: 1. Quán tự tánh các thọ; 2. Nhân duyên lưu chuyển, hoàn diệt hiện tại; 3. Nhân duyên lưu chuyển đương lai; 4. Nhân duyên hoàn diệt đương lai; 5. Nhân duyên tạp nhiễm; 6. Nhân duyên thanh tịnh; 7. Thanh tịnh.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Thọ sanh khởi, liệt thảy

Tướng sai khác của thọ
Kiến thảy là tối thắng
Biết sai biệt, hỏi, đáp.

Tất cả hữu tình nên đoạn các thọ. Tóm lược có 3 nhân duyên khiến các thọ được sanh khởi: 1. Duyên dục, đó là ở đời vị lai; 2. Duyên tầm, đó là ở đời quá khứ; 3. Duyên xúc, đó là ở đời hiện tại cảnh giới hiện tiền.

Sao gọi là tất cả hữu tình? Chúng hữu tình lược có 8 chủng: 1. Chúng tại gia; 2. Chúng xuất gia; 3. Chúng chưa lìa tham đối với các dục; 4. Chúng đã lìa tham đối với các dục; 5. Chúng chưa lìa tham Sơ tĩnh lự; 6. Chúng đã lìa tham Sơ tĩnh lự; 7. Chúng các ngoại đạo chưa lìa tham từ Sơ tĩnh lự trở lên cho đến Phi phi tưởng xứ, năng nhập định thế gian, đầy đủ tà kiến cho đến tà giải thoát trí; 8. Chúng ở trong nội pháp năng nhập định thế gian, đầy đủ chánh kiến cho đến chánh trí giải thoát, và chúng an trụ nội pháp năng nhập định xuất thế gian. Do biết khắp các thọ mà tám chúng đây nương năng lãnh nạp các thọ, nên biết thâu nhiếp khắp các chúng hữu tình.

Lại, chúng tại gia hoặc chúng xuất gia ở trong các dục mà chưa lìa tham, do ba nhân duyên khiến các thọ nhiễm ô được sanh khởi: 1. Do lực nhiễm trước; 2. Do lực tác ý; 3. Do lực cảnh giới.

Nên biết trong đây các kẻ tại gia truy cầu các dục để thọ dụng, phát sanh vui muốn là do lực nhiễm trước; tức không như lý tư duy việc đã từng lãnh thọ trước kia, là do lực tác ý; đối với cảnh giới đang hiện tiền, lại hiện tại thọ dụng, là do lực cảnh giới. Nên biết bổ-đặc-già-la như vậy vì duyên dục, duyên tầm, duyên xúc hiện hành nên chẳng được tịch tĩnh, lấy đây làm duyên phát sanh ba thọ.

Lại do ban đầu dục, tầm, xúc nhiễm ô hiện hành, nên lãnh nạp duyên kia sanh khởi các thọ. Nếu kia sanh rồi, nhiễm trước không xả, cũng không trừ khiển, như vậy thọ kia trường thời tương tục lưu chuyển chẳng dứt, chẳng được tịch tĩnh. Vì duyên không tịch tĩnh, trường thời tương tục lãnh nạp các thọ.

Lại dục tầm xúc kia vì ban đầu trường thời tương tục hằng hiện hành; vì duyên kia, phẩm kia, chỗ có phiền não rơi trong sự tương tục chưa vĩnh

viễn đoạn trừ, nên gọi là duyên không tịch tĩnh. Đây gọi là môn nghĩa sai biệt thứ hai.

Những người xuất gia chưa lìa tham, ở nơi các dục năng xả bỏ, nên lực nhiễm trước nhiếp thọ dục tuy được tịch tĩnh, mà lực tác ý và lực cảnh giới nhiếp thọ hoặc tầm hoặc xúc chưa tịch tĩnh. Do nhân duyên đây, tuy kia sống một mình mà chưa khéo tu đối trị tầm, chưa hành ly dục tất cả; đối với cảnh từng lãnh thọ, có tác ý tầm tư không như lý hiện hành; đối với các cảnh giới thắng diệu hiện tiền, có xúc hiện hành. Như thế dục đã được tịch tĩnh, còn lại tầm và xúc chưa tịch tĩnh. Nếu ở nơi tầm tư thấy sâu quá thất, đã khéo tu đối trị kia rồi mà chưa hành rốt ráo ly dục tất cả, do nhân duyên đây tầm đã tịch tĩnh, chỉ còn xúc chưa được tịch tĩnh, nên lúc gặp cảnh thắng diệu hiện tại tiền, các xúc nhiễm ô liền lại sanh khởi. Nếu người ở nơi các dục đã lìa tham, nên biết tất cả đều được tịch tĩnh. Đây gọi là môn nghĩa sai biệt thứ nhất.

Lại có một loại ở trong các dục chưa lìa tham, ở nơi các dục sở hữu tham dục chưa vĩnh viễn đoạn trừ, ở nơi các tầm nhiễm xúc chưa vĩnh viễn đoạn trừ, do đây tất cả đều chưa tịch tĩnh. Nếu ở nơi các

dục tham cõi Dục đã đoạn, chứng Sơ tĩnh lự, bấy giờ dục đã tịch tĩnh mà tầm chưa tịch tĩnh. Nếu ở Sơ tĩnh lự đã lìa tham, cho đến ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ chưa lìa tham, thì hai thứ dục và tầm đã tịch tĩnh, nhưng xúc chưa tịch tĩnh. Vượt qua Hữu đảnh, tất cả đều được tịch tĩnh. Đây gọi là môn nghĩa sai biệt thứ hai.

Lại, chúng ngoại đạo năng nhập định thế gian, đầy đủ tà kiến cho đến tà giải thoát trí, do kia làm duyên sanh khởi các thọ, nên ở nơi kia có sự nhiễm trước. Lại do phẩm phiền não tùy phược kia, nên duyên không tịch tĩnh như vậy mà các thọ sanh khởi.

Lại, chúng trụ nội pháp năng nhập định thế gian, đầy đủ chánh kiến cho đến chánh giải thoát trí, do kia làm duyên sanh khởi các thọ, nên ở nơi kia có sự nhiễm trước. Lại do phẩm phiền não tùy phược kia, nên duyên không tịch tĩnh như vậy mà các thọ sanh khởi.

Lại chúng an trụ nội pháp năng nhập định xuất thế gian, nếu nương hướng đạo triển chuyển, việc mình chưa rốt ráo nên phát khởi các dục, đó là vì đắc điều chưa đắc, vì chứng điều chưa chứng,

vì xúc điều chưa xúc; mong cầu như vầy: "Ta ở xứ đây lúc nào sẽ đắc", nói rộng như trước dục tầm xúc chưa tịch tĩnh. Do đây làm duyên nên lúc bấy giờ các thọ sanh khởi. Nếu ở nơi việc mình đã được rốt ráo, dục được tịch tĩnh, do duyên tịch tĩnh liền có các thọ tịch tĩnh bậc nhất không gì vượt hơn sanh khởi. Người kia ở nơi tất cả sở hữu các thọ, như thật rõ biết phương tiện ra khỏi xa lìa. Cho nên ở trong các Sa-môn đệ nhất nghĩa được chấp nhận là Sa-môn, ở trong các Phạm chí được chấp nhận là Phạm chí. Nếu không rõ biết phương tiện ra khỏi xa lìa các thọ kia, nên biết ở trong các Sa-môn đệ nhất nghĩa đều không chấp nhận cho kia là Sa-môn, Phạm chí. Nên biết trong đây tất cả các thọ không có khác biệt, đều từ xúc làm duyên. Lại tức duyên dục đây, cũng là duyên tầm, cũng là duyên cảnh giới ngu si nhiếp lấy vô minh, cũng là duyên ấy. Như vậy tất cả đều không chánh tư duy và rơi trong sự tương tục của phẩm phiền não, lấy đó làm tập kia. Do đây diệt nên kia cũng tùy diệt. Đạo chánh kiến... nên biết gọi là năng hướng đến diệt hành.

Lại nữa, các Thánh đệ tử trụ thân tác chứng

xa lìa hỷ, năng đoạn năm pháp, năng tu năm pháp khiến được viên mãn. Nên biết tướng đây như *Tam-ma-hý-đa địa* trước đã rộng biện. Lại hỷ, lạc, xả phẩm liệt, trung, thắng, đó là ở Dục giới và ở bốn tĩnh lự, như chỗ thích hợp nên biết tướng đây. Lại vì xả ở Đệ tứ tĩnh lự địa đều xa lìa tất cả quá hoạn, nên gọi là thiện thanh tịnh. Nếu xả của các địa cao hơn, lại có thể lập là thù thắng không ái vị.

Lại nữa, do 10 chủng tướng nên biết sự sai khác của các thọ: 1. Thắng nghĩa sai khác; 2. Sở y lưu chuyển sai khác; 3. Tự tướng sai khác; 4. Tánh tận sở hữu sai khác; 5. Tự tướng phẩm loại sai khác; 6. Môn lưu chuyển sai khác; 7. Môn tạp nhiễm sai khác; 8. Sở trị, năng trị sai khác; 9. Thời sai khác; 10. Sát-na triển chuyển sanh khởi sai khác.

Trong đây, nếu có người không hiểu biết nói lời như vầy: "Thọ chỉ có hai chủng, chỗ gọi là khổ và lạc". Tuy lại nói có không khổ không lạc, nhưng chỗ hiển là khổ lạc vô tánh. Cho nên Thế Tôn nương khổ lạc tịch tĩnh như vậy mà giả thuyết là có.

Thế Tôn vì muốn khai thị khiến kia hiểu nên nói lời như vầy: "Lạc có hai chủng, chỗ gọi là dục

lạc và xa lìa lạc". Xa lìa lạc đây lại có 3 chủng: 1. Liệt lạc; 2. Trung lạc; 3. Thắng lạc. Liệt lạc: từ Vô sở hữu xứ trở xuống. Trung lạc: đệ nhất hữu. Thắng lạc: tưởng thọ diệt.

Đã "có" là lý thọ lạc, cũng gọi là tịch tĩnh, đó là ở trong sơ, nhị, tam tĩnh lự. Thọ không phải khổ lạc cũng gọi là tịch tĩnh, đó là ở Đệ tứ tĩnh lự trở lên cho đến Hữu đảnh. Tất cả thọ "không" cũng gọi là tịch tĩnh, đó là tại Diệt định. Nhưng trong phạm vi đệ nhất nghĩa, Phật Thế Tôn thuyết có ba chủng lạc tịch tĩnh hơn cả. Đó là các Bí-sô tâm ở nơi tham đây lìa nhiễm, giải thoát; như ở nơi tham, thì ở nơi sân, ở nơi si nên biết cũng vậy. Như vậy tất cả tổng có ba lạc: 1. Lạc phải xa lìa; 2. Lạc cần tu tập, trụ hữu thượng; 3. Lạc tối cực rốt ráo giải thoát, trụ vô thượng.

Lạc phải xa lìa là lạc của các dục. Lạc cần tu tập là các lạc từ Sơ tĩnh lự cho đến Hữu đảnh. Lạc trụ hữu thượng là Diệt tận định, đây cũng gọi là lạc nên tu tập. Lạc tối cực rốt ráo giải thoát, trụ vô thượng là như trước thuyết ba lạc thù thắng hơn cả. Chẳng phải dựa theo thọ lạc mà nói ở Diệt tận định có lạc, nhưng vì đoạn trừ thọ lạc nên gọi là

lạc. Lại, trụ lạc đây thật thù thắng.

Lại tức nương định đây mà "hữu lạc" khả đắc, nên gọi là lạc. Như có người từ định khởi rồi có chỗ lãnh thọ, tác lời như vầy: "Ta đã trụ nhiều sắc loại tịch tĩnh lạc trú tối thắng như thế như thế". Do nương đây nên gọi là "hữu lạc".

Lại nữa, nếu có Bí-sô nương tựa sắc loại kiến văn cùng hữu tưởng lạc được không gián đoạn, theo đó thu được các lậu vĩnh viễn tận, nên biết kiến đây gọi là kiến tối thắng, cho đến hữu đây gọi là hữu tối thắng. Từ vô ngã kiến lại chẳng tìm cầu kiến thù thắng khác ngoài vô thường kiến, tức đây không gián đoạn tùy thu được lậu tận, cho nên kiến đây gọi là kiến tối thắng. Đã nương tựa kiến đây, lại do 4 môn mới năng theo đó thu được các lậu vĩnh viễn tận: 1. Hoặc theo người lắng nghe chánh pháp; 2. Hoặc nương bốn lạc trú hiện pháp; 3. Hoặc nương ba chủng tưởng định, đó là từ Không vô biên xứ cho đến Vô sở hữu xứ; 4. Hoặc hữu cõi trời, hoặc hữu cõi người, từ đây mà biết lắng nghe đây so với lắng nghe khác, lạc đây so với lạc khác, tưởng đây so với tưởng khác, hữu đây so với hữu khác, nói là tối thắng.

Lại nữa, do khắp rõ biết nên biết khắp các sự. Ở nơi Khổ đế đây được giải thoát khắp, ở nơi Tập đế đây được giải thoát thù thắng, ở Diệt đế đây năng chánh tác chứng, ở Đạo đế đây năng chánh tu tập. Đối với biên khổ, chân chánh năng tùy đắc, tức là ở Khổ đế được giải thoát khắp. Ở nơi các lậu tận năng tùy chứng đắc, tức là ở nơi Tập đế được giải thoát thù thắng. Nên chán nên lìa nên giải thoát, tức là ở Diệt đế năng chánh tác chứng. Ở nơi vô thường... tùy quán trụ, tức là ở Đạo đế năng chánh tu tập.

Lại do 10 tướng nên rõ biết cảnh sự sai biệt: 1. Các hành đã sanh hệ thuộc mạng căn trụ vững, nhân sai biệt; 2. Các hành hữu sắc, vô sắc triển chuyển nương nhau trụ vững, lưu chuyển sai biệt; 3. Các hành vô sắc nhập môn pháp tánh vô thường sai biệt; 4. Tâm, các tạp nhiễm y xứ sai biệt; 5. Tất cả các hành, tất cả phẩm loại đều chung là khổ sai biệt; 6. Nghiệp tịnh bất tịnh, quả, môn, thọ dụng sai biệt; 7. Ngằn mé của sở hành hữu thức hỷ lạc sai biệt; 8. Ngằn mé chỗ nương ái, khuể sai biệt; 9. Ngằn mé nơi sanh đến, vui thích, chấp đắm, ẩn giấu, an trụ của hữu tình sai biệt; 10. Ngằn mé chỗ

nương đọa vào cõi ác sai biệt.

Lại sự phẩm thanh tịnh nên đạt được, nên tu tập tăng thượng có 10 chủng sai biệt khác nhau: 1. Tu tập thiện pháp không gián đoạn tăng thượng có vô biên sai biệt; 2. Y chỉ tâm giải thoát, tuệ giải thoát sai biệt; 3. Ngằn mé thắng tam-ma-địa sai biệt; 4. Ngằn mé ở nơi tất cả cảnh sở tri tâm bị trói buộc sai biệt; 5. Giải thoát phương tiện sai biệt; 6. Giải thoát sai biệt; 7. Hiểu biết hết thảy nghĩa chân thật sai biệt; 8. Hiện tiền hiểu biết hết thảy, sau thọ học ba học sai biệt; 9. Hiện pháp lạc trú lúc đang học, lúc đã học sai biệt; 10. Chánh chứng thần thông rộng hành sai biệt.

Lại nữa, tức nương *sai biệt* đã thuyết như trên, nên sanh khởi luận hỏi. Người nêu vấn đề, tức vì chưa rõ nghĩa lý. Người trả lời, tức là đã rõ nghĩa lý. Nên biết trong đây do 4 nhân duyên chẳng nên cùng luận bàn với người năng thỉnh hỏi; do 4 nhân duyên chẳng nên cùng luận bàn với người năng trả lời.

Bốn chủng trước: 1. Ở nơi hiện lượng: tức là khi người trả lời chỉ bày hiện lượng thảy, mà người thỉnh hỏi không lãnh thọ thông hiểu; 2. Ở nơi

đúng lý: khi người trả lời chân chánh thì thiết phân biệt so sánh, mà người thỉnh hỏi không lãnh thọ thông hiểu; 3. Ở nơi nhân: cần yếu phải tự tu hành tự nhiên sẽ hiểu rõ, mà người thỉnh hỏi không lãnh thọ thông hiểu; 4. Ở nơi chẳng phải nhân: bậc luận chánh trí thân cận tự diễn thuyết, mà đối với chí giáo đây người thỉnh hỏi cũng không lãnh thọ thông hiểu. Cho nên đối với người năng thỉnh hỏi như vậy, thì không nên cùng luận bàn.

Bốn chủng sau: 1. "Tất cả hành đều là vô thường; tất cả các pháp đều không có ngã; tất cả nơi sanh đến đều chẳng đáng vui; nghiệp tịnh, bất tịnh trọn không hoại mất", đây là một hướng trả lời; 2. Hoặc "Nghiệp do cố tư duy gây tạo sẽ lãnh thọ khổ", đây chẳng phải một hướng trả lời; hoặc "Thành tựu xả, ở trong hiện pháp quyết định Bát-niết-bàn", đây cũng chẳng phải một hướng trả lời; 3. Hoặc có người hỏi rằng: "Tạo tác nghiệp rồi đến cõi thiện chăng?". Nên hỏi lại rằng: "Ông hỏi nghiệp nào?". Nếu có người hỏi rằng: "Tu tập đạo rồi đắc Niết-bàn chăng?". Nên hỏi lại rằng: "Ông hỏi đạo nào, là thế gian, hay là xuất thế gian?"; 4. Người luận trả lời trực tiếp, tức là nương theo tất

cả sở hữu kiến thú. Như vậy gọi là bốn chủng chân chánh trả lời người hỏi, gọi là khéo năng trả lời, nên có thể cùng luận bàn. Trái với tướng đây không nên cùng luận bàn.

Lại nữa, chư Phật Như Lai có 2 ký biệt: 1. Cùng ngoại đạo; 2. Không cùng.

Cùng ngoại đạo: ký các đệ tử sẽ sanh đến nơi đó.

Không cùng ngoại đạo: trọn chẳng ký biệt có người sanh...

Có hai chỗ nương khiến "lửa thức" cháy mạnh: 1. Ái vi tế; 2. Danh sắc thô. Nếu thức do ái Dục giới và ái Sắc giới sanh khởi, thì danh sắc làm chỗ nương. Ái nếu dừng dứt, thì thức đây trụ tương tục tùy chuyển cho đến giới hạn thọ lượng. Nếu thức do ái Vô sắc giới sanh khởi, chỉ duyên "danh" đây mà được trụ vững. Ái nếu đoạn diệt, thì thức trụ tương tục tùy chuyển cho đến giới hạn thọ lượng.

Lại ở Sắc giới, ái đây làm chỗ nương sanh thức trung hữu, tức ái làm chỗ nương khiến ở trung hữu Bát-niết-bàn, tạm an trụ như vậy. Ái đây nếu đoạn trừ, tức bấy giờ thức ấy tàn diệt.

Lại có 2 chủng ý sanh thân: 1. Ý sanh thân

Sắc giới; 2. Ý sanh thân Vô sắc giới. Đây do định địa, môn ý phương tiện mà năng tập thành hai sanh thân.

Lại chư Như Lai lược có 2 chủng khéo tránh luận người: 1. Năng tránh *không nên ký*, nên tác luận bất định; 2. Năng tránh *nên ký*, nên tác luận bất định.

Như thuyết nghĩa riêng của hỷ lạc sắc... thì nghĩa riêng của hỷ lạc thủ... nên biết cũng vậy.

Quyển 97

Thứ 4. NHIẾP TRẠCH SỰ
PHÁP BỒ ĐỀ PHẦN KHẾ KINH
Phần 1

Như vậy đã thuyết nhiếp trạch Duyên Khởi, Thực, Đế, Giới, nay Ta sẽ thuyết nhiếp trạch **Pháp Bồ-đề phần**.

Ốt-Đà-Nam nói chung:

Niệm trụ và chánh đoạn
Thần thông cùng căn, lực
Giác, đạo chi, dứt niệm
Học, chứng tịnh theo sau.

Ốt-Đà-Nam nói riêng:

Sa-môn, nghĩa Sa-môn
Hỷ lạc, tất cả pháp
Phạm hạnh, số thủ thú
Vượt, hai nhiễm đi sau.

Nay thuyết "Nương bốn niệm trụ tu tập tăng

thượng". Do 4 nhân duyên nên biết nội pháp có Sa-môn, đạo và có rốt ráo; ngoại pháp quyết định không Sa-môn, đạo, cũng không rốt ráo. Nên biết các luận còn lại thì Sa-môn, đạo, cùng với rốt ráo tất cả đều không.

Sao gọi là *Sa-môn nội pháp*? Các Sa-môn lược có 4 chủng: 1. Sa-môn thắng đạo; 2. Sa-môn luận đạo; 3. Sa-môn mạng đạo; 4. Sa-môn nhiễm ô đạo. Bốn tướng Sa-môn đây hoặc lược, hoặc rộng như *Thanh văn địa* đã biện.

Sao gọi là *đạo nội pháp*? Là tám chi Thánh đạo. Nếu chỗ nào thi thiết tám chi Thánh đạo, thì sẽ thi thiết nhiễm ô đạo theo sau. Nếu bốn chủng Sa-môn ở nơi đạo đây tự hành tà hạnh, thì chẳng phải khí cụ sanh đạo. Do nhân duyên đây, nên thi thiết kiến lập có nhiễm ô đạo. Ngoại pháp còn chẳng thể thi thiết nhiễm ô đạo, hà huống thi thiết các đạo khác.

Sao gọi là *rốt ráo nội pháp*? Đó là đoạn trừ các thủ. Các thủ đoạn rồi đương lai sẽ rốt ráo không tương tục trở lại.

Sao gọi là *bốn nhân duyên*? 1. Vì nương bốn xứ, đắc bốn chứng trí; 2. Vì giải thoát bốn chủng

ngoại tùy phiền não; 3. Vì đệ tử nội pháp và đệ tử ngoại đạo không đồng phẩm loại; 4. Vì Đại sư nội pháp và thầy ngoại đạo không đồng phẩm loại.

1. *Sao gọi là nương bốn xứ? Sao gọi là đắc bốn chứng trí?* Bốn xứ: 1. Ba kiết vĩnh viễn đoạn trừ, xứ dừng nghỉ; 2. Không thối đọa pháp, xứ thế lực; 3. Quyết định hướng đến Bồ-đề, xứ chủng loại; 4. Nhiều nhất bảy lần trở lại hữu, xứ tùy hành. Nương bốn xứ đây, ở nơi Phật Pháp Tăng và tịnh giới đắc bốn chủng chứng trí thanh tịnh.

2. *Sao gọi là giải thoát bốn chủng ngoại tùy phiền não?* 1. Giải thoát ngoại tùy phiền não hiện pháp; 2. Giải thoát ngoại tùy phiền não hậu pháp; 3. Giải thoát ngoại tùy phiền não do triển chuyển xoay vần chống trái nhau; 4. Giải thoát ngoại tùy phiền não do ở nơi các thánh đế không thể tuyên thuyết, không thể giác ngộ.

Nên biết trong đây các ngoại đạo vì khuyết niệm trụ, nên không chánh niệm, không trụ chánh biết, lãnh nạp các thọ hoặc vui, hoặc khổ, hoặc chẳng phải khổ vui sai khác. Ở nơi vui phát khởi nhiễm, ở nơi khổ phát khởi khuể, ở nơi chẳng phải khổ vui lại phát khởi ngu si. Đây gọi là ngoại tùy

phiền não hiện pháp thứ nhất.

Lại do kia nhiễm khuể si như vậy, nên lấy thọ làm duyên sanh ái hậu hữu, lấy ái làm duyên phát sanh các thủ. Vì có ái thủ, lấy thủ làm duyên thành tựu trọn vẹn ở nơi hữu, nói rộng cho đến tụ thuần khổ lớn tích tập tăng trưởng. Đây gọi là ngoại tùy phiền não hậu pháp thứ hai.

Lại các ngoại đạo vì lấy thân kiến làm căn bản của chủng chủng kiến thú với ý hiểu mỗi mỗi riêng khác, nên đây kia triển chuyển xoay vần chống đối lẫn nhau. Đây gọi là ngoại tùy phiền não thứ ba.

Lại, các ngoại đạo đối khắp tất cả bốn Thánh đế còn không có đủ năng lực thi thiết giáo đây, huống chi giác ngộ. Cho nên kia ở nơi thầy mình, tông mình, trí tuy được tăng thượng mà thật không biết đọa trong cõi vô minh. Đây gọi là ngoại tùy phiền não thứ tư.

Người trụ nội pháp ở nơi tất cả việc trên đều năng giải thoát.

3. *Sao gọi là đệ tử nội pháp và đệ tử ngoại đạo không đồng phẩm loại?* Đệ tử ngoại đạo hoặc rơi trong thường kiến, biên *có;* hoặc rơi trong đoạn

kiến, biên *không*; đêm dài tích tập, phát khởi nhiều che giấu giữ gìn, do gần gũi lắng nghe, tư duy nhiễm trước, do tu tập nhiễm trước. Đệ tử nội pháp hành trung đạo, hành xa lìa hai biên.

4. *Sao gọi là Đại sư nội pháp và Thầy ngoại đạo không đồng phẩm loại?* Thầy ngoại đạo ở nơi tất cả thủ tuy cũng tuyên thuyết luận "Biết khắp đoạn trừ", mà ở nơi các thủ không thể thi thiết biết khắp đoạn trừ chân chánh. Do kẻ kia gốc căn bản chọn xuất gia xả dục, nên ở nơi dục thủ lập biết khắp đoạn trừ, chẳng phải ở nơi tự kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ mà lập biết khắp đoạn trừ.

Nếu cùng với các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn kiến không đồng phận mà giới cấm đồng phận, kẻ kia ở nơi kiến thủ cũng năng tùy phần đó lập biết khắp đoạn trừ, chẳng lập ở nơi giới cấm thủ và ngã ngữ thủ.

Nếu cùng với các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn kiến không đồng phận, giới cấm cũng không đồng phận, thì kẻ kia ở nơi kiến thủ và giới cấm thủ cũng năng tùy phần đó lập biết khắp đoạn trừ, chẳng lập ngã ngữ thủ. Vì cớ sao? Bởi ngã ngữ thủ đây, tất cả

ngoại đạo ở mọi thời thảy đều cùng có. Cho nên ngoại đạo ở trong ngã ngữ thủ của mình, của người đều không thể thi thiết luận biết khắp đoạn trừ.

Lại kia tuy năng phân xả các thủ, mà ở đương lai trở lại năng thủ, vì chưa thể vĩnh viễn đoạn. Như vậy, ngoại đạo ở trong các thủ vì chưa hoàn toàn đoạn trừ, vì chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nên chưa chạm đến rốt ráo. Nên biết Đại sư nội pháp tất cả trái với tướng trên.

Như vậy nên biết Đại sư nội pháp và thầy ngoại đạo không đồng phẩm loại.

Lại nữa, nương bốn niệm trụ tu tập tăng thượng lược do ba xứ, ba địa, ba chủng bổ-đặc-già-la, nên biết thâu nhiếp khắp các nghĩa Sa-môn.

1. Ba xứ: a. Cảnh; b. Trí; c. Chứng.

Cảnh: là sáu giới như địa... cùng sáu xúc xứ làm thể sở y. Sáu xúc xứ đây cùng mười tám ý hành làm thể sở y. Mười tám ý hành năng khiến tâm tạp nhiễm.

Trí: là tâm thanh tịnh tăng thượng, nương xứ tuệ.

Chứng: là nương xứ tuệ tăng thượng, hoặc

nương xứ đế, hoặc nương xứ xả, hoặc nương xứ tịch.

- Thế nào là nương xứ tuệ? Hoặc tuệ làm chỗ nương, ở trong gia hạnh chân chánh nhiếp thuộc dị sanh địa, chân chánh tu thiện pháp làm nhân duyên, không phóng dật, nhập hữu học địa. Hoặc tuệ làm chỗ nương, chứng A-la-hán trong vô học địa, đắc tận trí nên như thật rõ biết "Ta sanh đã tận". Hoặc học, vô học xuất thế trí, sau là tuệ các thế gian.

- Thế nào là nương xứ đế? Đã đoạn trừ các phiền não, đạt được tám Thánh đạo chi. Do nương xứ đây, đương lai các thứ khổ rốt ráo chẳng sanh. Do đây rốt ráo không bị mất chánh niệm, gọi là nương xứ đế.

- Thế nào là nương xứ xả? Tức đã đoạn trừ sự kia. Do nương xứ xả đây, nên đối với sự đã đoạn không hành tạp nhiễm, hiện pháp lạc trú.

- Thế nào là nương xứ tịch? Vì đoạn diệt kiết sót thừa và sự sót thừa, phương tiện siêng tu, như đạo đã đắc làm chỗ nương, đối với kiết và sự sót thừa năng xả không sót.

Tóm lại mà nói: Tất cả như vậy vì muốn chạm đến chứng đắc mà huân tu trí đây; đã chạm đến

chứng đắc rồi, bèn thu được thánh đạo và quả thánh đạo. Quả lại có hai chủng, đó là: phiền não đoạn trừ cùng với sự đoạn trừ.

Trong đây, nương xứ thứ nhất chứng chỗ chưa chứng. Nương xứ thứ hai xả khổ vị lai. Nương xứ thứ ba, năng tùy huân tập thân cận hiện pháp lạc trú. Nương xứ thứ tư, đoạn chưa viên mãn năng khiến viên mãn. Vì nương các xứ như vậy, các thầy Du-già đối với việc cần làm đều được rốt ráo. Đó là đối với chỗ chưa chứng, nương xứ thứ nhất năng chứng; đối với khổ vị lai, nương xứ thứ hai năng xả; đối với hiện pháp lạc trú, nương xứ thứ ba năng trụ; đối với đoạn diệt bậc thượng chưa viên mãn, nương xứ thứ tư năng viên mãn. Như vậy tất cả phải nên rõ biết đều do bốn nương xứ.

Trong đây, chỗ thu được thánh đạo trước gọi là đạo tịch tĩnh. Vì đoạn vị thượng của sự và phiền não, lúc đang tu tập, đối với sự đoạn trừ phải càng thêm tăng trưởng, đối với phiền não nên đoạn trừ lại phải phòng hộ khiến không thối lui.

2. Ba địa: 1. Gia hạnh chân chánh nhiếp thuộc dị sanh địa; 2. Hữu học địa; 3. Vô học địa.

3. Ba chủng bổ-đặc-già-la: 1. Bổ-đặc-già-la dị sanh chánh gia hạnh; 2. Bổ-đặc-già-la hữu học; 3. Bổ-đặc-già-la vô học.

Trong đây sao gọi là do trí quán sát cảnh giới sở tri, chứng chỗ nên chứng? Đó là ở trong gia hạnh chân chánh dị sanh địa, bổ-đặc-già-la dị sanh chánh hành, do quán sát riêng nội ngoại năm giới, ở nơi thân trụ quán tuần thân, tức là tâm giải thoát và tuệ giải thoát làm tăng thượng, nên kia khởi gia hạnh như lý như vầy: "Ở trong các giới, chỉ trụ quán là tưởng giới, chỉ có giới, đều không có ngã". Nương lực tư trạch, đối với các sắc giới đã xa lìa tham, mà ở nơi sở duyên kia vẫn chưa thể đoạn trừ. Ở đời vị lai vì không mong cầu, ở đời hiện tại vì không đắm trước, nên được gọi là đã lìa tham. Nhưng chưa thể vĩnh viễn hại diệt tùy miên của tham kia, nên gọi là ở nơi sở duyên chưa thể đoạn trừ. Vị kia dụng tâm giải thoát làm lực tăng thượng, nên xa lìa tham đây, tâm được thanh tịnh. Nhưng ở nơi sở duyên vẫn chưa thể đoạn trừ, nên có vị thượng của tham kia sót thừa, phải càng tu sửa trị. Từ đây về sau ở nơi cảnh giới nhiếp thuộc sáu xúc xứ, quán sát không điên đảo, ở trong các

thọ trụ quán tuần thọ. Trải qua quán duyên sanh tánh vô thường, nương lực tư trạch, nên ở nơi các thọ giới cũng xa lìa tham, mà ở nơi cảnh sở duyên kia vẫn chưa thể đoạn trừ. Vị kia do tuệ giải thoát lấy làm lực tăng thượng, xa lìa vô minh; nương các minh xúc phát sanh các thọ, như lý tác ý tương ưng với sở hữu thiện pháp; ở nơi tất cả thọ phát sanh tạp nhiễm, trụ nhàm chán xả bỏ. Vì đã xa lìa đối với vô minh xúc phát sanh thọ làm duyên khởi tham, nên gọi là được thanh tịnh, nhưng ở nơi tùy miên chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nên có vị thượng của tham kia sót thừa cần phải tu sửa trị. Từ đây về sau, ở nơi 18 ý hành quán sát không điên đảo, ở nơi tâm và pháp đồng thời an trụ quán tuần tâm pháp. Vị kia khởi nghĩ: "Mười tám ý hành như vậy là bậc nhất hơn cả", tức là sở hữu các tịch tĩnh giải thoát, vượt qua các sắc, ở tại vô sắc; ở nơi năng thuận xả khởi các ý hành. Lại khởi nghĩ đây: "Nếu ta nương ý hành thắng diệu đây, ở nơi thanh tịnh xả hoặc định, hoặc sanh đắm trước trói buộc ghi nhớ, nhân đây tâm ta liền thành tạp nhiễm". Biết như vậy nên xả bỏ mà không nhớ nghĩ, đây gọi là ở nơi tâm trụ quán tuần tâm. Lại ở nơi các xứ quán

tánh vô thường, đây gọi là ở nơi pháp trụ quán tuần pháp. Vị kia bấy giờ ở nơi ba tưởng định cùng các hành Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đệ nhất hữu còn lại đã xa lìa tham, nên gọi là ở nơi cõi tưởng và cõi hành đã xa lìa tham, còn lại như trước đã thuyết.

Như vậy, vị kia ở trong gia hạnh chân chánh nhiếp dị sanh địa đã tịnh tu tâm rồi, vì muốn chứng hội tâm học giải thoát, lại ở nơi tất cả thân thọ tâm pháp quán "chỉ có pháp, đều không có ngã"; ở nơi tất cả hữu, thâm tâm nhàm chán xả bỏ, không khởi gia hạnh cho là "ngã sẽ có" hoặc "ngã sẽ không", như thật biết rõ trong đây không có "ngã có", "ngã không". Do kia như thật biết như vậy, nên dần dần nơi ba lậu kiến tu sở đoạn, tâm được giải thoát. Để đạt được tận trí, kia quán sát đương lai tất cả các thọ không lại lưu chuyển, các thọ đây không lưu chuyển do thân diệt, nên lúc bấy giờ nương các lậu tận thu được tận trí là tối bậc nhất. Hữu học, dị sanh nương xứ các tuệ vẫn còn cấu, nay đạt được đây quyết định không cấu. Lại tức tuệ đây đối với việc đoạn trừ các phiền não, diệt đế, dụng hành tịch tĩnh duyên theo đó mà trụ, tạm thời thất niệm cũng không bị khuynh

động. Như vậy sở hữu tâm, tuệ giải thoát không bị sự xen tạp xâm phạm của quên mất chánh niệm. Như trước thì vị dị sanh và vị hữu học dụng kia vẫn còn có quên mất pháp, nên đế không viên mãn. Vị vô học ở tất cả thời vì tánh như thật, vì đế viên mãn, nên nương xứ đế thành tựu bậc nhất; do năng xả bỏ tất cả nương, nên nương xứ xả thành tựu bậc nhất; quả của tất cả đạo tích tập thành tựu gọi là khéo tu đạo, không phải như các dị sanh và hữu học, nên nương xứ tịch thành tựu bậc nhất.

Hỏi: Vì nhân duyên gì chỉ ở vị vô học thì bốn chủng nương xứ được gọi là bậc nhất, chẳng phải ở vị dị sanh và vị hữu học?

Đáp: Vì ở trong hai vị dị sanh và hữu học đây, rỉ lậu nhỏ thấp nhất cũng không thể biết, huống là biết rỉ lậu trung, thượng. Ở dị sanh địa rỉ lậu thêm nhiều, vị hữu học có rỉ lậu bậc trung, ít có thể biết. Trong đây những gì gọi là rỉ lậu? Nên biết như trước các động cử... thuyết gọi là rỉ lậu. Ở vị vô học kia, vì tất cả đều vĩnh viễn đoạn, vì hướng đến viên mãn tánh tịch mặc, gọi là Mâu-ni tối cực tịch tĩnh; vì đã vĩnh viễn hại diệt nhân

đương lai; vì khổ sanh lão tử, trước, giữa, sau dừng dứt hẳn; vì ở hiện pháp, vào thời hành, đối với pháp thế gian, bốn chủng tham ái vĩnh viễn lặng dứt, bốn chủng sân khuể vĩnh viễn lặng dứt; vì vào thời trụ, chẳng vui ồn tạp, vĩnh viễn ngừng dứt.

Lại nữa, nay thuyết "Nương sở hữu pháp Bồ-đề phần" tu tập tăng thượng viên mãn. Do 7 nhân duyên nên biết kiến lập 7 chủng chánh pháp. Những gì là bảy? 1. Vì sở duyên tác ý do văn mà thành tựu; 2. Vì sở duyên tác ý do tư và tu mà thành tựu; 3. Tức ba chủng tác ý đây vào lúc gia hạnh có sự sai khác; 4. Vì đối với việc thọ dụng tài bảo, khắp thọ dụng tài bảo khéo thông đạt; 5. Vì đối với việc thọ dụng tài, pháp, tùy theo từng giai đoạn từ người mà được; 6. Vì khi đến rốt ráo, bên trong lìa tăng thượng mạn, không bị hoại mất; 7. Vì đối với người cũng lìa tăng thượng mạn, không bị hoại mất. Trong đây nương các tướng chỉ, cử, xả, tu tập biết thời, như *Thanh văn địa* và *Tam-ma-hý-đa địa* đã biện. Nghĩa ăn uống... sai biệt, nên biết như *Thanh văn địa* đã biện.

Lại ở trong đây người thọ dụng tài bảo là chúng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả... Người

thọ dụng pháp là chúng Sa-môn. Ta nên hành như vậy: là khéo hộ thân, khéo hộ các căn, khéo trụ chánh niệm. Nên như vậy đứng: khi đi đến trước cửa các bậc trưởng lão, nếu không cho phép thì chẳng được vào, nếu được vào rồi mà không cho phép thì chẳng nên tự tiện đi đến chỗ ngồi mà ngồi. Nên ngồi như vậy: không nên đung đưa tất cả thân phần, cho đến nói rộng. Nên nói như vậy: tức dụng 5 chủng lời nói: 1. Nói đúng lúc; 2. Nói đúng lý; 3. Nói đúng lượng; 4. Nói tịch tĩnh; 5. Nói chánh trực. Nên im lặng như vậy: vào năm lúc sau cần phải im lặng: hoặc quá động loạn, hoặc bài bác lẫn nhau, hoặc trụ chống đối lẫn nhau, hoặc mời thỉnh, hoặc cùng tranh luận. Trong lúc chờ đợi nói xong, thì nên yên lặng.

Sao gọi là nói đúng thời? Là không lộn xộn, hoặc tầm tư vội gấp, hoặc không vui nghe, hoặc lúc không an trụ oai nghi chân chánh mà có sở thuyết. Lại đúng như thứ lớp việc nên làm trước lúc thuyết, tán thán khích lệ mới khởi ngôn thuyết. Lại phải đợi người luận nói xong mới phát khởi lời nói. Hết thảy loại như vậy gọi là lời nói đúng lúc.

Sao gọi là nói đúng lý? Nương bốn đạo lý năng

dẫn nghĩa lợi, đúng như thật mà nói, gọi là nói đúng lý.

Sao gọi là nói đúng lượng? Văn câu đầy đủ, nghiêm túc, viên mãn; điều nói ra có sự xác quyết, chỉ thuyết đúng như thật không tăng không giảm, không dùng văn từ tạp loạn vô nghĩa. Hết thảy loại như vậy gọi là lời nói đúng lượng.

Sao gọi là nói tịch tĩnh? Lúc mở lời nói không quá lớn, cũng không ồn náo, thân không hưng phấn thái quá, miệng không lớn tiếng gào thét mà thuyết, gọi là nói tịch tĩnh.

Sao gọi là nói chánh trực? Không hư ngụy dối trá, không nhân hư cấu mà thuyết, lìa siểm khúc nên phát lời thuần chất. Như vậy gọi là nói chánh trực. Ở nơi các thiện pháp như tín... chưa thành tựu, không khởi thượng mạn cho là đã thành tựu. Đối với sự thấp kém đây cũng không tăng thêm cho là rộng lớn. Chỉ ở nơi thật có cho đến đúng sở hữu, như thật rõ biết, nên tự nói có, nên tự nói biết.

Lại lấy tín làm dẫn đầu, thọ trì tịnh giới. Trì giới làm dẫn đầu, cầu pháp đa văn. Do đây làm dẫn đầu, xả bỏ các lỗi lầm, khắp tất cả tiền của, thân

mạng không lòng luyến tiếc. Do đây làm dẫn đầu, tâm được định tĩnh chứng như thật trí. Năm pháp như vậy, do bốn nhân duyên mà được hiển phát: 1. Do người dạy; 2. Vì lực tăng thượng của giáo, bên trong tự chứng được; 3. Vì tầm tư đồng sanh biện tài thù thắng; 4. Vì trước xuyên suốt huân tập đạt được công đức đồng sanh tương ưng bậc thiện nam tử. Lược có 2 loại bổ-đặc-già-la: tức là nêu song song cả hai chủng. Hai loại bổ-đặc-già-la như vậy: tức là phân biệt cả hai chủng. Vì hai loại bổ-đặc-già-la đây thù thắng hơn cả: nên biết tức là chọn lựa hai chủng sai biệt đây.

Lại nữa, tu tập 7 pháp thiện đạt được hai điều lợi ích thù thắng. Đó là trong hiện pháp được vui khinh an, thông hiểu tánh cảnh chân thật, phát sanh hỷ thù thắng, do nhân duyên đây an trụ nhiều hỷ lạc. An trụ đây rồi, năng như lý tư duy, nhanh chóng chứng đắc các lậu vĩnh viễn tận.

Lại nữa, nương pháp Bồ-đề phần tu tập tăng thượng, ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, lược do các học và quả các học thâu nhiếp tất cả pháp.

Sao gọi là các học? Là 3 chủng học: 1. Tăng

thượng giới; 2. Tăng thượng tâm; 3. Tăng thượng tuệ.

Sao gọi là quả các học? Là 2 quả Niết-bàn: Hữu dư y và Vô dư y.

Sao gọi là tất cả pháp? Tức là "dục" thiện pháp, thanh tịnh xuất gia. Vì chứng Niết-bàn nên trước thọ trì giới, dần dần thứ lớp cho đến thành tựu cứu cánh Niết-bàn. Cho nên tuyên thuyết "dục" làm căn bản tất cả các pháp.

Lại nương tịnh giới dẫn phát thỉnh cầu chánh pháp, nhiếp thọ đa văn. Do lực nghe chánh pháp tăng thượng, nên năng nhanh chóng huân tập chứng tăng ngữ minh xúc, cho nên nói kia lấy làm tập xúc.

Lại kia đều lưu chuyển hướng đến minh xúc phát sanh các thọ, cho đến Hữu dư y Bát-niết-bàn giới làm ngằn mé sau. Lại kia vì cầu an lạc mà phát khởi, nên biết lạc đây tánh một hướng không tội, cho nên nói kia học nhiếp lấy pháp làm lưu chuyển hướng đến thọ.

Lại kia vì cầu có được minh xúc và nương minh xúc phát sanh các thọ, khởi văn-tư-tu thành tựu tác ý, cho nên nói kia làm tác ý sanh.

Lúc bấy giờ ở nơi bốn niệm trụ, do phẩm Quán, niệm dụng Quán làm nương và nội tâm Chỉ làm tăng thượng, cho nên nói kia niệm làm tăng thượng.

Lại niệm tăng thượng khởi Chỉ, về sau hiện quán thánh đế, diệu trí làm thượng thủ triển chuyển, cho nên nói kia định làm thượng thủ.

Lại ở trong các hiện quán thánh đế, tuệ làm tối thắng, tức năng vĩnh viễn tận các lậu không sót thừa, cho nên nói kia tuệ làm tối thắng.

Lại do tất cả lậu vĩnh viễn tận, nên thành tựu rốt ráo minh xúc sanh thọ đồng hành giải thoát. Tức giải thoát đây, không phải do lớp lớp tùy đắc tất cả học nhiếp lấy pháp, mà chỉ do đắc ngay. Trong giải thoát đây, tất cả lạc là tối đệ nhất, vì tánh không tội, cho nên nói kia tức dụng giải thoát làm kiên cố.

Lại tâm thiện giải thoát như vầy, hoặc các minh xúc phát sanh thọ... hoặc học nhiếp lấy sở hữu các pháp, kể cả thân sở y, ở nơi Vô dư y Bát-niết-bàn giới nhậm vận tự nhiên rốt ráo tịch diệt. Cho nên nói kia đều lấy Niết-bàn làm ngằn mé sau. Nên biết trong đây vì dục làm tăng thượng, thọ trì tịnh giới, gọi là tăng thượng giới học. Nương

theo xúc thọ tăng thượng tâm tuệ, giữ gìn phương tiện chỗ có tác ý hoặc niệm, hoặc định, kể cả gia hạnh kia, gọi là tăng thượng tâm học. Tuệ làm tối thắng gọi là tăng thượng tuệ học. Như vậy nên biết gọi là ba học. Nương tựa giữ gìn kia, giải thoát kiên cố, là Hữu dư y Bát-niết-bàn giới, quả học thứ nhất. Niết-bàn làm ngằn mé sau là Vô dư y Bát-niết-bàn giới, quả học thứ hai. Như vậy lược thuyết học và quả học nhiếp lấy tất cả pháp.

Lại năng chứng tư lương các học và các quả học đây, nên biết đối trị 8 chủng quá hoạn, tu tập 9 tưởng.

Sao gọi là 8 chủng quá hoạn? 1. Đắm trước lợi dưỡng cung kính; 2. Ái ẩn tàng, yêu thích sâu các hành hậu hữu; 3. Giải đãi lười biếng; 4. Thân kiến; 5. Tham trước mỹ vị; 6. Ở nơi chủng chủng sự mỹ diệu của các thế gian, vui thích mong muốn tham ái; 7. Nương theo phóng dật phương tiện hành ác; 8. Nương theo tà nguyện tu tập phạm hạnh.

Sao gọi là tu tập 9 tưởng? 1. Tu tập tưởng xuất gia; 2. Tu tập tưởng vô thường; 3. Tu tập tưởng vô thường khổ; 4. Tu tập tưởng khổ vô ngã; 5. Tu tập tưởng nhàm chán trái lìa thực; 6. Tu tập tưởng tất

cả thế gian chẳng đáng vui; 7. Tu tập tưởng chết; 8. Tu tập tưởng thế gian bình đẳng, không bình đẳng; 9. Tu tập tưởng có, không, ra khỏi, chìm đọa, quá hoạn, xuất ly. Nên biết trong đây chỗ có thân nhiếp lấy hành bình đẳng, hành như pháp, thì năng đến các đường thiện. Thân, ngữ, ý nghiệp đều thiện, gọi là bình đẳng. Chỗ có thân thâu nhiếp hành không bình đẳng, hành phi pháp, thì năng đến đường ác. Thân, ngữ, ý nghiệp đều bất thiện, gọi là không bình đẳng.

Lại trụ ở đây hoặc sanh, hoặc trưởng như vậy, năng sanh sở hữu các thứ khổ hậu hữu, gọi là có. Từ tiền tế ấy, ở trong hiện pháp có khổ chết diệt, gọi là không. Còn lại ra khỏi, chìm đọa... nên biết như trước đã rộng phân biệt.

Lại nữa, các chúng ngoại đạo nghe pháp bất chánh tăng thượng phát sanh tưởng không như lý. Lấy tưởng đây làm chỗ nương, nên phát khởi vô minh sanh khởi các thọ. Do đây làm chỗ nương nên phát sanh các lậu. Nhưng các ngoại đạo ở nơi các lậu đây không như thật biết, ở nơi vô minh xúc phát sanh thọ cũng không như thật biết, ở nơi việc lắng nghe các pháp bất chánh tăng thượng phát

sanh tà tưởng cũng không như thật biết. Ở nơi ba điều trên không như thật biết, nên phát khởi cầu dục, phát khởi cầu hữu, cũng lại phát khởi cầu tà phạm hạnh, cùng cầu có, không. Ngoại đạo kia lại ở nơi các dục không như thật biết, ở nơi nghiệp hậu hữu không như thật biết, ở nơi các thứ khổ đây không như thật biết. Trong đây năm chủng trước là tập đế xứ, một chủng rốt sau là khổ đế xứ. Như vậy ngoại đạo ở nơi tập đế và khổ đế đây mà không như thật biết.

Lại tức ở nơi tập đế và khổ đế đây, lược do 2 tướng không như thật biết: 1. Tạp nhiễm; 2. Thanh tịnh.

Tạp nhiễm lại có 4 tướng: 1. Tự tánh; 2. Nhân; 3. Quả; 4. Nhân quả sai biệt.

Thanh tịnh lại có 2 chủng: 1. Tập khổ diệt; 2. Hướng đến diệt hành. Ngoại đạo kia ở trong bốn Thánh đế như vậy, vì khuyết chánh trí nên không năng tu tập pháp Bồ-đề phần. Do nhân duyên đây, chỗ tu hành phạm hạnh của ngoại đạo kia không được gọi là tận cùng rốt ráo. Tức do duyên đây không được gọi là thấu đạt rốt ráo, vì không tận lậu. Người trụ nội pháp trái với tướng trên, chỗ tu

phạm hạnh tối cực rốt ráo, gọi là thấu đạt rốt ráo, vì tận các lậu.

Lại nữa, ở nơi 6 chủng bổ-đặc-già-la sau, nương pháp nhiễm tịnh, nương Như Lai sở hữu căn trí đại sĩ và nương đương lai pháp sanh khởi mà trí chuyển.

Sao gọi là 6 chủng bổ-đặc-già-la? Có một loại bổ-đặc-già-la trong sanh đời trước, ở nơi pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da Phật sở thuyết, phát sanh tịnh tín, nói rộng cho đến sanh khởi cái thấy chánh trực. Người kia ở sanh đời nay, trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da, thân cận người không đúng chánh pháp, lắng nghe pháp bất chánh, tác ý phi lý. Ở trong hiện pháp, ban đầu sanh khởi các tà kiến, vui thích các nghiệp tạp nhiễm. Người kia lúc bấy giờ thành tựu thiện pháp của sanh đời trước, cùng sở hữu các pháp bất thiện ở hiện pháp. Lại vào thời sau, người kia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, thân cận bậc thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý, cũng do nhân xa xưa nên xả bỏ pháp ác thuyết Tỳ-nại-da. Ở nơi tưởng ác thuyết, các pháp bất thiện, không sanh nhiễm trước, nhanh chóng năng khiển trừ tận diệt. Ở đương lai người kia thành tựu pháp thanh tịnh. Đây gọi là bổ-đặc-già-

la thứ nhất.

Lại có một loại bổ-đặc-già-la ở trong sanh đời trước, đồng hành hai pháp là thiện thuyết và ác thuyết Tỳ-nại-da. Do kia làm nhân, ở trong hiện pháp thành tựu thiện pháp và bất thiện pháp. Người kia sanh ở đời nay, ban đầu như trước ở trong pháp thiện thuyết cho đến đạt được tác ý như lý. Ở trong hiện pháp, các pháp bất thiện xưa diệt mất, pháp bất thiện mới không sanh trở lại; còn các thiện pháp xưa được tăng trưởng, thiện pháp mới liền sanh. Các sở hữu bất thiện xưa kia vì chưa đoạn tùy miên, nên chúng vẫn còn tùy triển chuyển đuổi theo. Nhưng nay an trụ không phóng dật, nên tất cả đều năng đoạn trừ. Ở đương lai, người kia triển chuyển thành pháp thanh tịnh. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ hai.

Lại có một loại bổ-đặc-già-la ở trong sanh đời trước chỉ hành hạnh ngoại đạo. Sanh ở đời nay, do trước kia thường xuyên tập xuất gia, thường xuyên tập tà kiến làm nhân, nên ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, gặp duyên hòa hợp được xuất gia. Đã xuất gia rồi lại sanh tà kiến, trụ kiến thủ của mình mà tạo nghiệp vô gián,

cũng đoạn thiện căn, một hướng kết thành các pháp bất thiện, quyết định sanh vào các đường ác. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ ba.

Ba bổ-đặc-già-la như vậy, nên biết bổ-đặc-già-la thứ nhất trước thuần ở nội pháp huân tập nhân hành, ở trong thiện pháp trước hành phóng dật, sau không phóng dật. Bổ-đặc-già-la thứ hai, trước ở cả hai nội, ngoại pháp đồng huân tập nhân hành, ở trong hiện pháp nên biết một hướng hành không phóng dật. Bổ-đặc-già-la thứ ba trước thuần ở ngoại pháp huân tập nhân hành, ở trong hiện pháp một hướng hành nhiều phóng dật.

Ba bổ-đặc-già-la như vậy, lại có ba bổ-đặc-già-la khác trái với tướng trên. Trong đây bổ-đặc-già-la thứ nhất trước thuần ở ngoại pháp huân tập nhân hành, ở trong hiện pháp trước không phóng dật, sau hành phóng dật. Bổ-đặc-già-la thứ hai trước ở cả hai nội ngoại pháp đồng huân tập nhân hành, ở trong hiện pháp chuyên hành phóng dật. Bổ-đặc-già-la thứ ba trước thuần ở nội pháp huân tập nhân hành, ở trong hiện pháp một hướng tu không phóng dật.

Lại trong đây, đời trước chỗ huân tập nhân

thiện, bất thiện giống như hạt giống, ở đời nay pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da giống như ruộng tốt cho các hạt giống thiện, như ruộng khô cằn đối với các hạt giống bất thiện đời trước. Trái tướng đây, tức ở đời nay pháp ác thuyết Tỳ-nại-da giống như ruộng tốt lành cho hạt giống bất thiện, như ruộng khô cằn đối với các hạt giống thiện đời trước.

Lại, kia đời trước lực nhân tăng thượng, nay thiện pháp phát khởi giống như ánh sáng, các pháp bất thiện cùng với tất cả kia như vô minh tối tăm là năng đối trị. Bất thiện pháp kia cùng tất cả sở hữu thiện pháp và tất cả kia như ánh sáng, là sở đối trị. Như vậy, các pháp bất thiện đời trước như than nóng, vì có nghĩa năng thiêu đốt thân tâm. Ở đời nay, pháp ác thuyết Tỳ-nại-da như bỏ thêm cỏ khô vào lửa kia. Lại ở đời trước sở hữu thiện pháp như than nóng, vì có nghĩa năng thiêu đốt phiền não; ở đời nay, pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da như bỏ thêm cỏ khô vào lửa kia.

Lại, kia ở đời trước chỗ có các xứ thiện pháp, nay pháp ác thuyết Tỳ-nại-da vì bị tổn giảm, giống như đặt hòn đá nơi đất lạnh, không có khí ấm nóng. Lại kia đời trước chỗ có các xứ bất thiện

pháp, nay pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da vì bị đoạn diệt, nên giống như đặt hòn đá nơi đất lạnh, không có khí ấm nóng.

Trong đây, chư Như Lai bậc Đại sĩ vô thượng sở hữu trí lực căn thắng liệt, đối với căn do nhân thiện, bất thiện đời trước huân tập mà thành, tùy chỗ thích hợp như thật rõ biết. Lại ở hiện pháp môn nhiễm tịnh chuyển, sanh khởi các pháp nhiễm tịnh đương lai, cũng tùy chỗ thích hợp như thật rõ biết, nên nói thành tựu rất kỳ lạ hy hữu.

Lại nữa, vượt qua hành đến đường thiện và vượt qua hành đến đường ác có sự sai biệt, nên biết đây lược có 5 môn không đồng. Do 5 môn đây, ở nơi vượt qua của chính mình như thật rõ biết; ở nơi vượt qua của người khác, đó là chư Phật và đệ tử Phật, cũng chân chánh biết khắp.

Sao gọi là hành đến đường ác? Các ngoại đạo sở hữu tất cả thân kiến làm căn bản. Các ác kiến thú, kể cả sở duyên kia, kể cả sở y kia lấy làm chỗ nương, phát sanh chủng chủng ác dục và hại, hoặc sở hữu vô lượng pháp ác bất thiện như sát sanh... như kinh rộng thuyết, cho đến sở hữu các hành phi pháp, hành không bình đẳng lấy làm rốt sau, năng

đến xứ hiểm ác, năng đến địa ngục, năng đến các đường ác sai khác. Nếu đến các xứ kia, gọi là sanh vào cõi ác, lãnh thọ nhân kia, năng cảm các quả dị thục phi ái. Như vậy gọi là hành đến đường ác.

Các Thánh đệ tử đa văn, đối với sở duyên sanh các kiến thú, hoặc ở nơi tự sở y khiến khởi chấp trước, hoặc các sở hữu năng đến tất cả đường hiểm ác, các ác dục... nói rộng cho đến các hành phi pháp, hành không bình đẳng lấy làm rốt sau, hoặc trú ở xứ kia lãnh thọ quả phi ái hiểm ác... tất cả như vậy, như thật tùy quán chẳng phải ngã ngã sở, tức ở trong đây quyết định không ngã, cũng không ngã sở. Quán như vậy rồi, lúc ở nơi các thánh đế đắc hiện quán, vì các kiến thú tùy miên căn bản kia đều vĩnh viễn nhổ sạch, nên gọi là đoạn. Ngoài ra tất cả đều rốt ráo không tương tục. Trong đây, Thánh đệ tử đối với việc lấy kiến thú kia làm căn bản, là nguyên nhân năng đi vào xứ hiểm ác... quyết định không tạo làm, quyết định không đến xứ hiểm ác kia. Đây gọi là môn vĩnh viễn tổn hại hành đến đường ác thứ nhất.

Các Thánh đệ tử do nhân duyên đây, tự bên trong năng như thật rõ biết lìa ngã thánh. Ngoài

ra, dị sanh tuy năng dụng đạo thế gian vượt qua bất thiện năng đến đường ác và vượt qua đường ác, thu được bốn chủng hiện pháp lạc trú, hoặc vượt qua các sắc, vô sắc, tịch tĩnh giải thoát, thì cũng không thể rốt ráo tổn hại các đường ác, về sau vẫn có thể tương ưng. Cho nên người kia chuyển lưu, tuy cực năng lìa ái Dục giới, Sắc giới, tạm thời thu được lạc trú tăng thượng thù thắng, mà đương lai năng trở lại tạo tác sự sát sanh... lại đi vào các đường ác. Các Thánh đệ tử đa văn tư duy: "Ta quyết định không tạo tác sự sát sanh... cho đến nói rộng. Đối với các hành phi pháp, hành không bình đẳng, ta quyết định không tạo làm". Đây gọi là môn vĩnh viễn tổn hại trong thánh pháp Tỳ-nại-da, tức là năng tổn hại hành đến đường ác. Như vậy, chư Phật và đệ tử Phật năng như thật biết khắp môn vĩnh viễn tổn hại khác.

Lại, các Thánh đệ tử hành như vậy, vì muốn vượt qua "hành đến đường ác" sót lại chưa đoạn. Thánh đệ tử đây ở nơi sự thực hành trước không sanh vui đủ; ở nơi lậu tận phẩm thượng, khởi "dục" hân lạc phát tâm chánh nguyện; ở nơi các đạo thế tục đã đắc, thấy sâu quá hoạn, rõ biết các

đạo kia không thể rốt ráo lìa khổ. Đây gọi là môn phát tâm nguyện muốn vượt qua "hành đến đường thiện" bậc nhất.

Phát tâm nguyện rồi, ở khắp tất cả đường thiện hậu hữu phát sanh ái vị, thấy sâu quá hoạn, tâm sanh chán lìa như đường hiểm ác. Vui thích ngưỡng mộ tịch tĩnh hiện pháp Niết-bàn, nên chánh tu phương tiện. Do đây, như điều trước đã đắc thắng tiến hành hướng đến Niết-bàn. Đây gọi là môn năng tiến đến.

Các vị kia tu đạo, dần dần ly dục cho đến năng nhập Đệ nhất hữu định. Nếu ở nơi thượng xả sanh nhiều ái vị nhân duyên phóng dật, ở trong hiện pháp không Bát-niết-bàn, chỉ gọi là người hành quả Bất hoàn phẩm thượng. Đây gọi là môn hành phẩm thượng đi sau.

Nếu lại ở nơi kia thấy sâu quá hoạn, ở nơi thượng xả không sanh ái vị, vị kia ở hiện pháp năng chứng Niết-bàn. Đây nương Hữu dư y Bát-niết-bàn mà thuyết. Như vậy gọi là môn Bát-niết-bàn. Do môn đây nên như thật rõ biết tự mình Bát-niết-bàn, vượt qua tất cả hành đến đường thiện. Đối với sự vượt qua của người, đó là chư Phật và đệ

tử Phật, cũng chánh biết khắp.

Trong đây môn vĩnh viễn tổn hại thứ nhất nên biết vượt qua hành đến đường ác. Bốn môn đi sau là phát tâm nguyện, tiến đến, hành phẩm thượng, Bát-niết-bàn, nên biết vượt qua hành đến đường thiện.

Lại nữa, các Thánh đệ tử đã thấy dấu vết đế mà chưa ly dục, nên biết lược có hai chủng tạp nhiễm, đó là: dục tạp nhiễm và hậu hữu tạp nhiễm. Nơi hai chủng đây, các Thánh đệ tử phải siêng gia hạnh tịnh tu nơi tâm. Các Thánh đệ tử vì muốn đoạn trừ dục tạp nhiễm, nên lúc siêng năng phương tiện thứ lớp nương ba hành, đó là: hành hướng đến vô động, hành hướng đến vô sở hữu xứ, hành chứng nhập vô động, vô sở hữu, phi tưởng phi phi tưởng xứ định. Đây do đối trị đoạn và đối trị phần xa nên vượt qua dục tạp nhiễm.

Vị kia nếu vì đoạn trừ hậu hữu tạp nhiễm, lúc siêng năng phương tiện, đã lìa ái Dục giới mà chưa lìa ái Sắc giới, tư duy "Ngã sở nào sẽ chẳng có? Ngã nào sẽ chẳng có? Ngã sẽ chẳng có, ngã sở sẽ chẳng có, hoặc nay sở hữu, hoặc xưa sở hữu", tất cả ngã như vậy đều xả bỏ. Đã chân chánh tu tập đạo đối trị

năng đoạn chỗ có hậu hữu sai biệt rồi, lìa ái Sắc giới cho đến năng nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ định. Nếu trong hiện pháp, ở nơi thượng xả đây sanh nhiều ái vị, không Bát-niết-bàn, thì vị kia không hoàn toàn giải thoát tất cả sở hữu hậu hữu tạp nhiễm. Nếu ở nơi thượng xả không sanh ái vị, ở trong hiện pháp năng Bát-niết-bàn, thì năng hoàn toàn giải thoát tất cả sở hữu hậu hữu tạp nhiễm.

Nên biết trong đây, hoặc vì đối trị dục tạp nhiễm mà tu đạo đối trị, thứ lớp cho đến năng nhập Đệ nhất hữu định; hoặc vì đối trị hậu hữu tạp nhiễm mà tu đạo đối trị, thứ lớp cho đến năng nhập Đệ nhất hữu định, hai chủng như vậy gọi là đồng giải thoát. Đối với việc đây, các bậc thánh, chẳng phải thánh, dị sanh đều có thể đạt đến, cho nên giải thoát đây không gọi là giải thoát của bậc thánh. Nếu ở nơi hữu thân khổ của tất cả cho đến Hữu đảnh như thật biết rồi, vượt qua Hữu đảnh, ở trong hiện pháp vĩnh viễn đoạn tất cả sở hữu tạp nhiễm. Giải thoát như vậy chỉ có các bậc Thánh mới năng thành tựu, nên giải thoát đây gọi là giải thoát của bậc Thánh.

Tất cả như vậy tổng có năm xứ: 1. Hành hướng

đến vô động; 2. Hành hướng đến Vô sở hữu xứ; 3. Hành hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; 4. Hiện pháp Niết-bàn; 5. Giải thoát của bậc Thánh.

Lại có 3 chủng lỗi lầm họa hoạn của các dục: 1. Các dục năng là nhân duyên khiến phát sanh tham dục khi tiếp xúc cảnh giới thuận thọ lạc; 2. Các dục năng là nhân duyên khiến phát sanh sân khuể khi tiếp xúc cảnh giới thuận thọ khổ; 3. Các dục năng là nhân duyên sanh vô minh phát khởi giận dữ khi tiếp xúc cảnh giới thuận thọ không khổ không lạc.

Lại các dục đây nên quán chúng có 3 lỗi lầm họa hoạn: 1. Do tự tánh: là do hư vọng phân biệt phát sanh tham ái; 2. Do sở duyên: hoặc trong, hoặc ngoài của năm chủng cảnh sắc; 3. Do trợ bạn: tưởng điên đảo tương ưng tác ý không như lý.

Lại, càng lìa dục của các địa trên, phương tiện tâm càng thù thắng, gọi là rộng lớn. Vì cớ sao? Do phương tiện kia càng lên các địa trên càng chuyển tăng thượng, chuyển thù thắng, nên tu tâm kia gọi là rộng lớn. Nếu người năng chán lìa địa dưới thế gian, nên biết quyết định dụng hành vô thường... chán hoại chế phục. Đối với địa trên, cõi cần đạt

được, cũng tạm thời dụng phương tiện khởi tưởng tịch tĩnh nhậm trì nơi tâm.

Lại phát sanh tin hiểu "Ta đã đắc", ở nơi xứ ấy đầy đủ an trụ, nên biết tức là vị kia ở trong đạo gia hạnh tu tập tịnh tín, ở nơi xứ ấy sanh tâm tịnh tín. Do tịnh tín đây lực tăng thượng, nên tu tập tinh tấn, niệm, định, tuệ. Từ Sơ tĩnh lự thứ lớp cho đến Thức vô biên xứ, các định vô động đều năng chứng nhập.

Lại do tuệ đây nên khởi thắng giải: "Ta đã năng nhập định như vậy". Đây tức năng cảm quả sanh ở Thức vô động xứ. Nếu trong hiện pháp không Bát-niết-bàn, hoặc không cầu tiến lên địa cao hơn, thì ở đương lai vị kia quyết định đến vô động xứ đây.

Lại do 3 duyên ở nơi các địa, nên biết kiến lập là vô động xứ. Đó là do đoạn trừ tán động của dục bên ngoài, nên lập Sơ tĩnh lự là vô động xứ. Do các động tầm tứ hỷ lạc trong Sắc giới địa đoạn trừ, nên lập Đệ tứ tĩnh lự là vô động xứ. Tưởng động của chủng chủng hữu sắc, hữu đối, mỗi mỗi sai biệt đoạn trừ, nên lập Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ là vô động xứ. Trong Đệ nhị và Đệ tam tĩnh lự,

chỗ có các động về sau đoạn trừ, nên biết cũng được gọi là vô động xứ. Thức vô biên xứ do đắc xa lìa duyên động của môn bên ngoài Không vô biên xứ, nên biết kiến lập là vô động xứ. Tóm lại mà nói: Duyên sở hữu định không diêu động, nên đều gọi là vô động. Ngằn mé định đây cao nhất là Thức vô biên xứ, cho nên nên biết đến xứ đây kiến lập là vô động. Tức tất cả duyên sở hữu định đây đều gọi là tưởng định hữu thượng. Từ đây trở lên duyên vô sở hữu định, nên biết gọi là tưởng định vô thượng. Từ đây trở lên lại gọi là Phi tưởng phi phi tưởng xứ định. Nên do ba phần như vậy mà tuyên thuyết ba hành.

Do ba chủng môn, các Thánh đệ tử chán hoại các dục; đã chán hoại rồi, dần dần năng nhập cho đến Thức vô biên xứ định, cho nên kiến lập năng hướng đến ba chủng hành vô động xứ.

1. Hoặc sắc tưởng, hoặc vô động tưởng, ở nơi các địa dưới thấy sâu chán hoại rồi, năng nhập Vô sở hữu xứ định. Đây gọi là hành năng hướng đến Vô sở hữu xứ thứ nhất.

2. Tức ở nơi xứ đây ngằn mé tu tập là đạo vô lậu. Đạo vô lậu đây lại có hai chủng: 1. Hữu thượng;

2. Vô thượng. Như hữu tưởng định, thì đạo vô lậu hữu thượng cùng đồng với hành vô thường; đạo vô lậu vô thượng cùng đồng với hành vô ngã. Do hành hữu thượng nên đối địa dưới đã sâu chán hoại rồi, nhập xứ định đây. Do hành vô thượng nên ở nơi tất cả pháp địa dưới địa trên tư duy vô ngã, năng nhập vô lậu Vô sở hữu xứ định. Hành vô thượng đây nên biết gọi là hành hướng đến thứ hai.

3. Hành hướng đến thứ hai đây lại do hai hành có sai biệt, nên kiến lập hai chủng. Thế nào là hai hành? Đó là năng y trí và sở y trí sai biệt.

Trong đây, *năng y vô ngã trí* là các sở hữu hoặc hữu tình giới, hoặc thân ta; ở trong đều không có ngã sở thuộc xứ, đó là địa phương, khu vực; ngã sở thuộc người, đó là các hữu tình; ngã sở thuộc sự, đó là hoặc cha, hoặc mẹ, hoặc bạn, hoặc chủ... hết thảy loại như vậy. Như kia đối với ngã chẳng phải thuộc xứ, chẳng phải thuộc người, chẳng phải thuộc sự, như vậy ngã cũng đối với kia chẳng phải thuộc xứ, chẳng phải thuộc người, chẳng phải thuộc sự.

Trong đây, *sở y vô ngã trí* tức là các thế gian *không,* không có thường và ngã, ngã sở. Trong đây đều không thường, ngã, ngã sở chân thật khả đắc,

chỉ có các pháp. Như vậy thế gian đã hẳn là không, nên lại có ai thuộc xứ, thuộc người, thuộc sự? Cho nên, nên biết vô ngã trí trước là năng y, vô ngã trí sau là sở y. Phi tưởng phi phi tưởng xứ không do đạo vô lậu, chỉ do tưởng chán hoại Vô sở hữu xứ, nên năng nhập xứ định đây, ở trong ấy duy chỉ có hành nhất hướng.

Lại ở trong đây ngã sở nào sẽ chẳng có? Đó là do khổ của sanh... nên nói ngã có khổ. Ngã nào sẽ chẳng có? Tức lấy khổ của sanh... làm ngã. Phát sanh tâm vui muốn như vậy rồi, chân chánh siêng gia hạnh; chân chánh gia hạnh rồi thu được "sở hữu" trước sau sai biệt. Do nhân duyên đây lại thu được quyết định "Ngã sẽ chẳng có, ngã sở sẽ chẳng có". Hoặc nay sở hữu, đó là nay hiện pháp tạo tác tăng trưởng sở hữu nghiệp mới; hoặc xưa sở hữu, đó là các nghiệp cũ; ở nơi tất cả quả dị thục "sở hữu" như vậy đều không mong cầu, đều xả bỏ tất cả, không chút đoái luyến.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

An lập, ngằn mé, thuần
Và như lý, duyên khởi

Tu, thời, chướng, tự tánh
Thuyết, đoạn, sau khởi tu.

Trong đây, an lập bốn niệm trụ làm đạo chi đầu tiên, ba mươi bảy chủng pháp Bồ-đề phần là rốt sau. Tướng đây hoặc lược, hoặc rộng, nên biết như *Thanh văn địa* đã thuyết.

Lại nữa, do bốn niệm trụ, nên biết tất cả ngằn mé sự sở tri. Do ngằn mé sự sở tri, lại nên rõ biết ngằn mé sự trí.

Lại nữa, bốn niệm trụ đây do tu tập gia hạnh dục, tinh tấn... mới thành tựu trọn vẹn viên mãn. Nên biết ngoại trừ bốn chủng niệm trụ đây không có cái nào khác đồng phận đạo đây hoặc cảnh sở duyên đây. Do đạo đây, cảnh đây năng tận các lậu, thành tựu Niết-bàn. Do không có đạo thanh tịnh thứ hai, nên nói thuần chỉ có "một chánh đạo năng đi đến".

Lại thuần có "một chánh đạo năng đi đến" đây, do 2 nhân duyên năng khiến hữu tình rốt ráo thanh tịnh: 1. Do lực tư trạch; 2. Do lực tu tập. Trong đây, sầu là ưu nhiễm ô, dật là trạo đồng hành nhiễm hỷ Dục giới. Sầu lấy bốn chủng pháp thế gian làm chỗ nương. Dật lấy bốn chủng thế

pháp khác làm chỗ nương. Ở nơi bốn niệm trụ mà siêng tu gia hạnh, nương lực tư trạch vượt qua sầu dật. Do nương lực tu tập thế gian, đắc lìa dục ái, xả bỏ ưu khổ. Do nương lực tu tập xuất thế gian, nên vượt qua tất cả hữu thân khổ, cũng năng chứng đắc diệu pháp chân thật tám Thánh đạo chi và quả thánh đạo. Tất cả hữu tình nên biết đều do hai chủng lực tu tập và tư trạch đây, nên thành tựu tất cả chủng rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, nếu ở nơi bốn chủng sở duyên là thân... mà phát khởi chủng chủng tác ý không như lý, tức liền trái lìa với bốn chủng niệm trụ. Vì trái lìa đây, tức bèn trái lìa tác ý như lý. Vì trái lìa tác ý như lý, tức trái lìa sở hữu thánh đạo do như lý của bậc thánh không gián đoạn năng phát khởi, như chi chánh kiến... Vì trái lìa đây, tức bèn trái lìa tất cả thánh đạo. Vì trái lìa thánh đạo đây, bèn là trái lìa đạo quả cam lồ cứu cánh Niết-bàn.

Lại, thầy Du-già đã rõ biết nhân duyên sanh thân... rồi, lại ở nơi các pháp như thân... ba đời, trụ quán vô thường. Do trụ quán vô thường như vậy, nên ở nơi các hậu hữu trọn không nương tựa trụ ái hậu hữu. Lại trong hiện pháp, ở nơi tất cả hành

hoặc nội hoặc ngoại, đều chẳng chấp thủ ngã cùng ngã sở. Lại ở vị lai nên biết an trụ tùy quán tập pháp. Ở đời quá khứ nên biết an trụ tùy quán diệt pháp. Ở đời hiện tại, vì sanh rồi không gián đoạn tận diệt pháp, nên biết an trụ tùy quán tập diệt pháp. Do vị kia ban đầu ở nơi pháp như thân... quán tánh duyên sanh ngộ nhập vô thường. Đã ngộ nhập tánh vô thường như vậy, đối với các xứ ái kiến tạp nhiễm... trụ nhiều tu tập sửa trị tịnh tâm. Tác ý như vậy mới được viên mãn. Do đây làm chỗ nương, năng tùy đạt được rốt ráo lậu tận.

Lại tóm yếu mà nói, tất cả pháp là thiện, bất thiện, hoặc phẩm tạp nhiễm, hoặc phẩm thanh tịnh. Trong đây nên biết các phẩm tạp nhiễm đều dụng tác ý không như lý làm huân tập. Các phẩm thanh tịnh đều dụng tác ý như lý làm huân tập. Tất cả như vậy lược chung gọi là tác ý làm huân tập.

Lại nữa, tu các niệm trụ hoặc lược hoặc rộng, tướng đây nên biết như *Thanh văn địa* đã thuyết.

Lại nữa, đạo lý tu tập niệm trụ đây, chẳng phải nay khi Thế Tôn xuất hiện nơi đời mới bắt đầu tuyên thuyết; chẳng phải nay Thánh đệ tử mới

bắt đầu chuyên chú tu tập. Nhưng ở quá khứ vô thủy đến nay, ở nơi các niệm trụ đã từng tu tập lưu chuyển, ở đời vị lai nên biết tu tập cũng không cùng tận.

Lại nữa, đời quá khứ, vị lai, hiện tại đây, vì vô lượng thiện pháp xuất thế gian sanh khởi nương tựa, nên thuyết bốn chủng niệm trụ như vậy gọi là "tụ thiện".

Lại nữa, năng chướng ngại "tụ thiện" như vậy nên thuyết năm cái, gọi là "tụ bất thiện".

Lại nữa, do bốn pháp sở tri thân... có vô biên sự khác biệt, trí tuệ Như Lai ở nơi kia không ngăn ngại, cũng không giới hạn. Vì trí vô biên nên Như Lai sở thuyết giáo pháp vô thượng cũng không có giới hạn. Như vậy giáo pháp do hai duyên mà được hiển: 1. Do văn; 2. Do nghĩa. Môn nghĩa sai biệt không có số lượng, giáo pháp văn câu khai hiển môn nghĩa cũng không có số lượng. Ở nơi văn câu đây tuyên thuyết không trùng lặp, triển chuyển vô biên, biện tài vô tận. Cho nên Như Lai thành tựu pháp hy kỳ chưa từng có, khéo năng tuyên thuyết sở hữu giáo pháp, ở trong một nghĩa năng dùng vô lượng văn câu thiện xảo vi diệu phương tiện khai

thị, mà tuyên thuyết không trùng lặp.

Lại, ở nơi thánh giáo vì khéo thành tựu trí tông nghĩa thú, nên gọi là có hướng đến. Vì khéo thành tựu diệu tuệ câu sanh do văn-tư mà thành, nên gọi là có ý. Vì thành tựu định, nên gọi là có niệm. Vì thông đạt đế, nên gọi là có tuệ. Nên biết trong đây chủng thứ nhất là nêu chung, ba chủng sau giải thích riêng.

Lại nữa, có các Bí-sô ở nơi pháp như thân... trước do văn-tư tác ý như lý, chỉ an trụ quán pháp như thân... Biết tất cả pháp tánh vô ngã rồi, không chỉ ở nơi văn-tư tác ý đây mà sanh vui đủ, chỉ mong cầu định cao hơn, tâm giải thoát. Vì cầu định nên trụ chốn viễn ly, chỉ duyên thân... dụng chín hành tướng an trụ nơi tâm, khiến tâm bên trong tịch tĩnh. Do hai nhân duyên khởi bốn niệm trụ, gọi là khéo phát khởi: 1. Như thật trí do như lý tác ý; 2. Như thật trí do tam-ma-địa. Tuệ đây không do hỏi, chỉ do như thật trí mà sẽ đắc rốt ráo.

Lại nữa, có các Bí-sô ở nơi ba đối trị sẽ được tùy chỗ muốn, được không khó khăn, được không trở ngại, đó là tưởng vô thường, hoặc quán nhân từ, hoặc vô tướng định. Vị kia do ba chủng đối trị

như vậy, tùy chỗ thích hợp như trước đã thuyết, tức ở nơi thân... cảnh giới khả ý... trụ tưởng chán nghịch, tưởng không chán nghịch, buông bỏ hai chủng kia, xả niệm chánh biết. Do nhân duyên đây gọi là khéo tu tập niệm trụ.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Trước các căn, ái vị
Trước sau có sai khác
Nắm tướng và các triền
Quả lợi lớn đi sau.

Có 3 chủng căn năng làm chướng ngại đối với các niệm trụ và tất cả tụ thiện, nên biết gọi là tụ pháp bất thiện. Những gì là ba? 1. Căn ác hạnh, năng khiến đương lai trụ khổ đường ác; 2. Căn tầm tư, năng khiến hiện pháp trụ khổ không an ổn; 3. Căn căn, vì cùng căn ác hạnh và căn tầm tư làm căn bản, nên gọi là căn căn. Nên biết trong đây ba bất thiện căn tham sân si năng cùng thân... ác hành làm căn. Ba tưởng dục... năng cùng tầm tư dục... làm căn. Ba cõi Dục... nên biết năng cùng ba căn tham... và ba căn dục tưởng... làm căn.

Lại nữa, có các Bí-sô siêng tu gia hạnh nơi

bốn niệm trụ, dụng đạo thế gian lìa Dục giới ái, nói rộng cho đến đầy đủ an trụ Đệ nhất hữu định. Nhưng ở định đây sanh nhiều ái vị, tức ở định đây sanh tưởng vui đủ, không siêng cầu đắc thượng định chưa đắc. Ở trong thánh pháp Tỳ-nại-da đây chẳng gọi là bậc đại sĩ. Vì cớ sao? Bởi tâm đây chưa được thiện giải thoát. Trái với tướng đây được danh là bậc đại sĩ.

Lại nữa, có các Bí-sô ở nơi cảnh thân... tinh cần an trụ quán tuần thân... dùng chín tướng hành an trụ nơi tâm, khiến nhiếp "tâm gom bên trong". Nên biết tâm đây ở nơi Xa-ma-tha sở trị khiến tâm hôn trầm trì trệ không được giải thoát. Vì không giải thoát nên nương "tâm gom" đây, trong thân liền sanh khởi các tánh hôn trầm, trong tâm sanh khởi các tánh trì trệ. Bấy giờ ở nơi niệm trụ khéo an trụ tâm. Như thật rõ biết đây sanh khởi tùy phiền não rồi, liền từ gom bên trong đây trở lại thâu nhiếp tâm, an đặt tâm ở cảnh tướng tịnh diệu bên ngoài, đó là duyên vào công đức hạnh của chư Phật... và giữ gìn tâm khiến an trụ ở đó. Do duyên đây nên phát sanh hoan hỷ, nói rộng cho đến do môn diệu cử, ở nơi cảnh sở duyên khiến tâm được

định, từ Xa-ma-tha sở đối trị các tùy phiền não mà được giải thoát. Từ đây về sau, như thật rõ biết ở nơi tùy phiền não tâm được giải thoát. Trong nghĩa hành đây tức là nương tựa cầu nhờ bên ngoài. Đã đạt được nghĩa đây, trở lại như trước thâu nhiếp tâm gom vào bên trong, mà không bị sự não loạn của các tùy phiền não kia. Tâm gom bên trong rồi, không cần phải nương tựa cầu nhờ nữa, mà tự nhiên như thật rõ biết đối với bên ngoài tâm được giải thoát. Người kia trước ở duyên bên ngoài, ở hành tướng tầm tư có sự chế phục, có gia hạnh để chế phục mà khó thể chuyển vận, thì nay đều được tự tại giải thoát, buông xả, trụ an lạc, đã đắc thành tựu trọn vẹn thắng Xa-ma-tha. Như vậy, vị kia ở nơi bốn chủng niệm trụ khéo an trụ tâm, năng chánh rõ biết sự thực hành trước sau sai khác.

Lại nên biết bổ-đặc-già-la đây trước đã tu hành Tỳ-bát-xá-na, lấy Tỳ-bát-xá-na làm chỗ nương, ở nơi Xa-ma-tha, tu hành Du-già.

Lại nữa, có các Bí-sô ở nơi các niệm trụ siêng tu gia hạnh Tỳ-bát-xá-na lấy làm chỗ nương, ở nơi Xa-ma-tha vui tu quán hạnh. Vị kia phải nên bên trong nhiếp lấy tâm mình ở nơi Xa-ma-tha, nắm

giữ tướng như vầy: "Ta nay tư duy chỗ nào, tư duy làm sao, mà tâm nhiếp thọ Xa-ma-tha lại bị não loạn của thân tâm hôn trầm trì trệ, Xa-ma-tha sở trị". Lại "Ta nay tư duy chỗ nào, tư duy làm sao khiến tâm được Xa-ma-tha nhiếp thọ mà không bị pháp kia làm não loạn". Nếu Bí-sô kia không nắm lấy tướng trạng tâm mình như thế, chỉ tự rõ biết do tùy phiền não khiến nhiễm ô tâm và ở nơi ngoại duyên nắm giữ tướng tịnh diệu. Do đây làm nhân, tuy năng tạm thời trừ khiển tùy hoặc hiện tại hiện tiền, nhưng ở thời sau nếu lại như trước nhiếp tâm gom bên trong, trở lại bị tùy hoặc nhiễu não, chẳng được tĩnh định. Nếu cũng như trước không nắm giữ tướng tâm mình, do nhân duyên đây bị tùy phiền não lớp lớp nhiễu loạn, lại chẳng năng đắc nghĩa nên vui cầu, lại bị sự tổn não của sầu ưu. Trải qua thời gian lâu dài chẳng thể thu được nội tâm lặng dứt, không thể nương Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na làm tiền dẫn thu được chánh niệm chánh biết thanh tịnh tăng thượng bậc nhất. Do không đạt được nội tâm lặng dứt, nên không thể thu được bốn tăng thượng tâm hiện pháp lạc trú. Do không thu được chánh niệm chánh trí tăng

thượng bậc nhất, nên không năng đắc chỗ trước chưa đắc là vô thượng an ổn cứu cánh Niết-bàn. Trái với tướng trên, nên biết tức là tất cả phẩm bạch, cho đến thu được chỗ trước chưa được, vô thượng an ổn cứu cánh Niết-bàn. Trong đây, người lo việc ăn uống của chư Tăng ví như thầy Du-già. Chủ, tức ví như ở nơi nội Xa-ma-tha nhiếp thọ tâm. Mùi vị thức ăn dụ cho nắm giữ tướng. Y phục vật thực thượng diệu dụ ở nơi nội tâm Xa-ma-tha... Nên biết sở hữu các phẩm hắc dụ cho các ngu phu. Sở hữu các phẩm bạch dụ cho các bậc trí.

Lại nữa, có các Bí-sô ở nơi các niệm trụ chánh siêng tu tập mà là dị sanh, hoặc có cảnh giới thắng diệu khả ái đang hiện tại tiền, hoặc lại riêng ở một mình mà đắc các tướng trạng. Do quên mất chánh niệm, nên lấy tưởng không như lý làm chỗ nương, bỗng nhiên phát khởi tham triền mãnh lợi. Người kia ở nơi triền đây, thân tâm nhàm chán hổ thẹn như thân mình bị đọa ở chốn ách nạn cực dơ uế, phát khởi tư duy, tâm xa lìa mạnh mẽ. Do hành như vậy, nên ở nơi triền kia tâm được giải thoát. Đã giải thoát rồi, tâm sanh hoan hỷ, từ đây về sau khởi nhàm chán mạnh mẽ. Đã nhàm chán mạnh

mẽ, sau đắc tưởng vô thường, như cày lớn vạch đất thành những đường dài, ở nơi thánh đế như thật hiện quán, lấy đây làm chỗ nương, nương tựa Niết-bàn.

Lại ở nơi hàng hữu học tác ý quán sát, ở nơi cảnh thắng diệu tư duy tướng tịnh diệu. Tuy chưa vĩnh viễn đoạn tham tùy miên, nếu lúc tham triền bỗng nhiên sanh khởi hiện tiền, tầm phải đối với kia thấy sâu quá hoạn. Vì muốn đoạn triền đây và tùy miên, nhập vô tướng định, như vậy năng đoạn pháp chưa đoạn còn lại. Từ định khởi rồi như thật rõ biết tất cả đã đoạn, lãnh thọ giải thoát hỷ lạc vi diệu, như thật quán thấy tự mình thành tựu đại trí lực, nên gọi là mạnh mẽ hưng thạnh, các lực ma đều trở nên yếu kém.

Lại nữa, công đức do tu bốn niệm trụ dẫn dắt nên biết năng cảm quả tối thắng tăng thượng rốt ráo, gọi là có quả lớn. Nên biết vì năng cảm lợi ích thù thắng của lạc tối thắng tăng thượng, nên gọi là có lợi lớn.

Quyển 98

Thứ 4. NHIẾP TRẠCH SỰ PHÁP BỒ ĐỀ PHẦN KHẾ KINH

Phần 2

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Thầy tà, trụ núi Tuyết
Khuyến, thoát, hệ thuộc, tịnh
Thứ tự, giới viên mãn
Tuệ, kết thành đi sau.

Có các ngoại đạo gặp duyên hòa hợp ở nơi chúng đệ tử tự lập làm thầy, chuyên cầu lợi dưỡng, chuyên cầu cung kính, chuyên cầu tự lợi. Có quyến thuộc trong dòng tộc muốn cầu xuất gia ở chúng kia, ngoại đạo kia nhân đó bảo rằng: "Ngươi với ta trước đây không có tất cả vật dụng nuôi thân để thọ dụng. Nay ngươi nên vì ta đi đến xứ người, giấu lỗi lầm của ta, khen ngợi đức ta. Ta cũng sẽ vì ngươi làm việc như vậy. Hai người chúng ta thay phiên nương hộ lẫn nhau, phải ở nơi quốc vương,

các bậc đồng đẳng với vua, cho đến tất cả thương chủ lớn... thu được nhiều lợi dưỡng cung kính". Nếu lúc các thầy ngoại đạo nói lời như thế, gọi là chuyên tự lợi.

Nhưng đệ tử đây không chấp nhận, nói lại rằng: "Đừng có cái nhìn như vậy! Kẻ nào hộ như thế chưa gọi là tự hộ, lỗi lầm này khiến đi vào đường ác. Nếu tự ngăn phòng lỗi lầm đây mới gọi là tự hộ mình. Do vậy ông nên tự hộ cho mình trước. Tôi cũng sẽ tự hộ mình bằng cách khác. Tôi đã chẳng thể hộ cho ông, ông cũng chẳng nên hộ tôi".

Trong nghĩa đây, nên biết đệ tử là người nói như lý, là người thông huệ, vì xem trọng đương lai. Nên biết thầy kia là người nói không như lý, là người ngu si, vì xem trọng hiện tại. Lại còn tạp nhiễm xúc não với người, do tạp nhiễm nên không thể tự hộ; nhân đây não người, không được gọi là hộ người.

Trong đây, như trước đã thuyết thân cận... đoạn các phiền não, gọi là đang tự hộ. Từ đây về sau, do đoạn làm nhân nên không não người... gọi là đang hộ người. Nên biết trong đây không sân, không hại là nghĩa không não. Không duyên mà khởi hai

tâm lợi và lạc, không duyên mà khởi hai tâm từ và bi, nên biết như đây là nghĩa ai mẫn. Do ai mẫn nên không não đối với người. Tất cả ai mẫn như vậy trái với tướng kia.

Lại nữa, núi Tuyết dụ cho pháp Phật thiện thuyết Tỳ-nại-da. Trong đây nói tóm lược có 3 phần khá được: 1. Vô học địa; 2. Hữu học địa; 3. Dị sanh địa. Trong đây lấy khỉ vượn dụ cho tâm tương ưng các tác ý không như lý. Thợ săn dụ cho ma. Ở vô học địa đều không có hai chủng kia năng hành. Ở hữu học địa cho đến Bất hoàn độc nhất có "khỉ vượn" dụ cho tâm tương ưng tác ý không như lý năng hành, chẳng phải chỗ năng hành của "thợ săn" dụ ma. Ở dị sanh địa đều có cả hai chủng năng hành.

Lại các ngu phu kia hư vọng quán cảnh khác, năng ra khỏi cảnh khác, truy cầu cảnh khác, bị cảnh khác trói buộc, cho nên ở nơi cảnh chẳng được giải thoát.

Lại nữa, do ở nơi chánh pháp lắng nghe thọ trì, quán sát nghĩa lý, tùy pháp hành pháp, như thứ tự ấy nên biết khuyến khích giáo hóa an lập nơi bốn nghĩa.

Lại nữa, có 3 pháp năng đoạn trừ tất cả tham triền của dâm dục phẩm thượng, hà huống tham triền của các dục thấp kém. Những gì là ba? 1. Lực tinh tấn; 2. Lực không phóng dật; 3. Lực đối trị. Do lực tinh tấn, nên tham dâm dục kia đã sanh khiến không tồn tại vững chắc. Do hai lực còn lại, nên kia chưa sanh khiến chẳng được sanh. Người siêng tu chánh hạnh như vậy, vì muốn đoạn trừ ác đã sanh và muốn ác chưa sanh khiến chẳng sanh.

Lại nữa, ở nơi bốn Niệm trụ tu tập ân trọng, tướng đây như *Thanh văn địa* đã thuyết. Nói hệ thuộc ma: là ở Dục giới. Đối với đây, quả Bất hoàn đã năng siêu vượt. Hệ thuộc chết: là từ Dục giới cho đến Hữu đảnh. Đối với đây, đến A-la-hán mới năng siêu vượt. Nói các hữu tình không thanh tịnh: là các dị sanh. Nói thanh tịnh: là các bậc hữu học. Nói sáng sạch: là các bậc vô học.

Lại nữa, có 3 chủng chứng tịnh, khiến người chưa thanh tịnh năng thanh tịnh, người đã thanh tịnh năng khiến sáng sạch. Nên biết trong đây các hữu học phẩm thượng gọi là thanh tịnh. Các hữu học phẩm hạ gọi là không thanh tịnh, do các vị kia tu đạo chưa đắc thanh tịnh. Còn lại như trước thuyết.

Lại nữa, nên biết tu bốn Niệm trụ lược có 5 chủng thứ tự: 1. Lực tín tăng thượng thanh tịnh xuất gia; 2. Luật nghi giới; 3. Luật nghi căn; 4. Vui viễn ly; 5. Các "cái" thanh tịnh. Những người tại gia tuy lớp lớp tu các Niệm trụ, phòng hộ, được tịnh tín, các cái thanh tịnh, nhưng khuyết các học xứ, cho nên sự tu học không được viên mãn.

Lại nữa, do 3 nhân duyên nên biết Bí-sô đầy đủ giới, thành tựu cấm giới, tịnh mạng viên mãn. Những gì là ba? 1. Sở hành viên mãn: từ các việc như mua bán cho đến hại, trói, cắt, đoạn, đánh, đập, chà xát... thảy đều xa lìa; 2. Nhiếp giữ viên mãn: từ các việc chăn nuôi voi, ngựa... cho đến các việc chăn nuôi các loài sanh từ vỏ... thảy đều xa lìa; 3. Thọ dụng viên mãn: y phục đủ che thân, thức ăn đủ no bụng, liền sanh vui đủ. Đối với vật nuôi thân khác, phi thời mà ăn... thảy đều xa lìa.

Lại nữa, bốn pháp là Thân, Thọ, Tâm, Pháp như bốn đường lớn. Nơi thân kia mà sanh tác ý không như lý, như mong muốn lúa thóc hoa màu xấu. Nơi thân kia mà sanh như lý tác ý, như mong muốn lúa thóc hoa màu tốt đẹp. Nên biết Dục giới là bất định địa, giống như da. Sắc giới, Vô sắc giới

đều là định địa, giống như thịt. Vô minh như máu. Ở trong ba cõi, do ba chủng lậu đây nên thành nghĩa rỉ lậu.

Lại nữa, chỗ có chủng chủng vô lượng pháp ác bất thiện như tham... như trước đã thuyết, do hai nhân duyên, nếu kết thành thì chẳng thể tu tập bốn chủng niệm trụ, chẳng phải không nhân duyên. Những gì gọi là hai? 1. Vì có triền tham... hiện tiền; 2. Vì ở nơi triền đây không thấy lỗi lầm. Nếu triền hiện tại tiền, khiến tâm bị tạp nhiễm chẳng thể tu tập. Tuy tánh tạm xa lìa, nhưng vì nhiễm trước, vì có luyến tiếc, nên ở nơi các pháp năng thuận theo tham... tâm bị tán động, thường theo dòng chìm nổi, chủng chủng tầm tư hằng theo đó nhiễu loạn, cho nên chẳng thể tu tập niệm trụ. Nếu chẳng vậy, các hữu tình nơi tánh không nhiễm trước sâu đều lẽ chẳng cần tu bốn niệm trụ. Nếu có việc đây, thì không tồn tại pháp "năng tu bốn Niệm trụ".

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Dũng, lực, tu đẳng trì
Môn khác, sau thần túc.

Nên biết kiến lập 4 chủng chánh đoạn, như *Thanh văn địa* đã rộng phân biệt, trong đó tuyên thuyết "Dũng" là cú thứ năm.

Sao gọi là Dũng? Như trước đã thuyết, tức là kham năng nhẫn thọ các khổ do phát siêng tinh tấn, khổ do các rỉ lậu, khổ do giới của thân không điều hòa, khổ do những việc tổn não của người như phát lời thô ác. Nếu không bị nhân duyên khổ đây khiến thối xả tu tập gia hạnh chánh đoạn, nên biết gọi là dũng.

Lại nữa, nên biết kiến lập 4 chủng Thần túc, như *Thanh văn địa* đã rộng phân biệt. Nếu nói tóm lược thì do 4 chủng lực gìn giữ tâm khiến định, cho nên kiến lập 4 chủng Thần túc. Sao gọi là bốn? 1. Lực ý lạc thanh tịnh; 2. Lực chuyên cần; 3. Lực tâm hỷ lạc; 4. Lực chánh trí.

Nên biết trong đây, do lực thứ nhất nên ở nơi tam-ma-địa phát sanh vui muốn, từ đây vì muốn chứng đắc nên chuyên cần tu tập. Do lực thứ hai nên ban đầu trụ tâm khiến an định. Do lực thứ ba nên tâm đã trụ định, không bị tán động trở lại, không bị tốc chuyển theo bên ngoài. Do lực thứ tư nên quán sát phiền não sở trị của đẳng trì; đối với

những điều đã đoạn, chưa đoạn như thật rõ biết. Lại ở nơi tướng nhập, trụ và xuất đẳng trì, năng khéo phân biệt rõ ràng. Như thế lại ở nơi chỗ có các tướng Xa-ma-tha, hoặc các tùy phiền não Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na và năng đối trị các tùy phiền não kia, đều như thật rõ biết. Lạc đẳng trì, tức là ở trong đẳng trì chỉ có sở tác đẳng trì như vậy. Ngoài đây ra lại không có, hoặc thêm hoặc hơn.

Lại nữa, do 5 nhân duyên tóm lược tướng tu tập Thần túc: 1. Do xa lìa tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha; 2. Do xa lìa tùy phiền não phẩm Tỳ-bát-xá-na; 3. Do ở nơi cảnh giới sở duyên phẩm Tỳ-bát-xá-na tâm bị hệ phược; 4. Do ở nơi cảnh giới sở duyên phẩm Xa-ma-tha tâm bị hệ phược; 5. Do ở nơi cảnh giới sở duyên của cả hai phẩm tâm bị hệ phược.

- Tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha là dục... đồng hành giải đãi và dục... đồng hành hôn trầm thụy miên. Nên biết chính dục... đồng hành hôn trầm thụy miên làm tánh nương tựa cho dục... đồng hành giải đãi.

- Tùy phiền não phẩm Tỳ-bát-xá-na là dục... đồng hành trạo cử và dục... đồng hành tán động bởi

diệu dục. Nên biết dục... đồng hành tán động bởi diệu dục làm tánh nương tựa cho dục... đồng hành trạo cử.

Lại ở trong đây, do dục... đồng hành giải đãi nơi phẩm Xa-ma-tha khiến trụ tạp nhiễm, nhưng không năng khiến các Xa-ma-tha thảy đều diệt mất. Do dục... đồng hành hôn trầm thụy miên nơi phẩm Xa-ma-tha khiến trụ tạp nhiễm, cũng lại năng khiến các Xa-ma-tha thảy đều diệt mất. Do dục... đồng hành trạo cử nơi phẩm Tỳ-bát-xá-na khiến trụ tạp nhiễm, mà không năng khiến Tỳ-bát-xá-na thảy đều diệt mất. Dục... đồng hành tán động bởi diệu dục nơi phẩm Tỳ-bát-xá-na khiến trụ tạp nhiễm, cũng khiến tất cả Tỳ-bát-xá-na thảy đều diệt mất.

- Cảnh giới sở duyên phẩm Tỳ-bát-xá-na là tưởng trước, sau. Phân biệt tướng tưởng đây nên biết như *Thanh văn địa* đã thuyết.

- Cảnh giới sở duyên phẩm Xa-ma-tha là tưởng trên, dưới. Tướng đây nên biết cũng như trước đã thuyết.

- Cảnh sở duyên của cả hai phẩm là tưởng quang minh, ở nơi hai phẩm kia vì có dao động nên

có các quang ảnh đồng hành tâm tu. Lại chẳng phải chỉ có dục... tương ưng cùng với giải đãi mà còn có chủng khác, gọi là đồng hành giải đãi. Cũng vậy, tinh tấn có nghĩa tương ưng với giải đãi, tức có tinh tấn mà bị rơi vào trì trệ, không chân chánh phát siêng tinh tấn tương tục, nên gọi là đồng hành giải đãi.

Lại 5 tướng đây nên biết tổng nhiếp tất cả tướng tu. Lạc đẳng trì tức là do đây đẳng trì nhanh chóng được thành tựu viên mãn.

Lại nữa, ở 5 xứ giải thoát, như chỗ thích hợp nên biết 4 chủng tăng thượng tam-ma-địa là: dục, tinh tấn, tâm, quán.

Nếu có Bí-sô nương ý lạc thanh tịnh và dục mãnh lợi, vì muốn chứng đắc thông tuệ thù thắng bậc nhất, theo chư Như Lai và đệ tử Phật mà ân trọng cung kính lắng nghe chánh pháp. Từ nghe, không gián đoạn thứ lớp chứng đắc thắng tam-ma-địa. Nên biết đây gọi là Dục tăng thượng tam-ma-địa.

Lại, Bí-sô như pháp đã nghe, như pháp đã có được, khởi nhiều dụng công, phát tinh tấn mạnh mẽ, hoặc chân chánh vì người tuyên thuyết khai

thị, hoặc dùng âm từ thắng diệu đọc tụng. Từ thứ lớp nhân duyên đây không gián đoạn, năng theo đó thành tựu thắng tam-ma-địa. Nên biết đây gọi là Tinh tấn tăng thượng tam-ma-địa.

Lại có Bí-sô ở nơi các tướng hiền thiện tam-ma-địa khéo nắm giữ tư duy, quán xanh bầm cho đến xương, mấu xương, lấy làm ngằn mé. Do sở duyên đây, thứ lớp sanh khởi thắng tam-ma-địa. Nên biết đây gọi là Tâm tăng thượng tam-ma-địa.

Lại có Bí-sô như pháp đã nghe, như pháp đã có được, một mình ở chốn không nhàn, tư duy thọ lượng quán sát sâu chắc. Do nhân duyên đây, dần dần sanh khởi thắng tam-ma-địa. Nên biết đây gọi là Quán tăng thượng tam-ma-địa.

Lại có cách nói khác, đó là do 4 môn khởi tam-ma-địa: 1. Do môn từ người sanh khởi vui muốn mãnh lợi lắng nghe chánh pháp; 2. Do môn từ người nên có được sự dạy răn dạy trao không điên đảo, phát khởi gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân trọng, nhưng chưa nhập căn bản thắng tam-ma-địa, muốn thú nhập những điều chánh dạy trao; 3. Do môn đã nhập căn bản thắng tam-ma-địa, vì muốn triển chuyển chứng đắc vị thắng tam-ma-địa

cao hơn, tâm hỷ lạc; 4. Do môn đa văn trì văn, tự mình năng ở nơi pháp như lý quán sát, bình đẳng quán. Nên biết trong đây do môn thứ nhất khởi Dục tăng thượng tam-ma-địa. Do môn thứ hai khởi Tinh tấn tăng thượng tam-ma-địa. Do môn thứ ba khởi Tâm tăng thượng tam-ma-địa. Do môn thứ tư khởi Quán tăng thượng tam-ma-địa. Còn lại phân biệt nghĩa và phân biệt hành đoạn, tướng đây nên biết như *Thanh văn địa* đã thuyết.

Lại nữa, lấy tu các Thần túc làm chỗ nương, sẽ năng chánh dẫn phát các thánh thần thông. Ngoại đạo không có việc tu các thần túc mà năng chánh dẫn phát các thánh thần thông.

Lại, các bậc thánh dẫn phát sở hữu thần thông tối thắng, tùy vui muốn mà kéo dài các hành thọ, hoặc trụ một kiếp, hoặc hơn một kiếp. Đó là chủng tánh bổ-đặc-già-la bất định, quá một kiếp gọi là Vật Loại. Nên biết loại đây chỉ trụ nội pháp.

Lại các bậc thánh biến hóa thần thông, ở nơi 4 sự việc đây không thể biến hóa: 1. Căn; 2. Tâm; 3. Pháp sở hữu của tâm; 4. Nghiệp và nghiệp dị thục.

Lại, các bậc thánh tánh biến hiện thần thông,

không thể chuyển biến nghiệp thuận thọ lạc khiến tự tánh thay đổi thành thuận thọ khổ. Như thuận thọ lạc so với thuận thọ khổ, thì nghiệp thuận thọ khổ so với thuận thọ lạc nên biết cũng vậy. Nếu nghiệp năng thuận thọ không phải khổ lạc nên biết vẫn rốt ráo là thuận không phải khổ lạc.

Lại, các bậc thánh trụ giữ thần thông, không thể trụ giữ nghiệp thuận thọ không phải khổ lạc khiến thành không thọ. Còn lại nên biết cũng vậy.

Lại khi các bậc thánh lúc biến hiện thần thông, không thể chuyển biến nghiệp thuận thọ hiện pháp khiến thành nghiệp thuận thọ hậu pháp, và không thể chuyển biến nghiệp thuận thọ hậu pháp khiến thành nghiệp thuận thọ hiện pháp.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Kiến lập, cảnh sở hành
Tuệ căn là tối thắng
Nên biết sau an trụ
Ngoại phẩm dị sanh thảy.

Nói tóm lược do nghĩa 6 xứ tăng thượng, nên biết kiến lập 22 căn. Những gì là sáu? 1. Nghĩa năng thủ cảnh giới tăng thượng; 2. Nghĩa kế thừa

gia tộc tăng thượng; 3. Nghĩa nhân duyên nuôi mạng, sự nghiệp gia hạnh sĩ dụng mỗi mỗi riêng khác tăng thượng; 4. Nghĩa thọ dụng các nghiệp cũ đã tạo làm đời trước, quả ái, phi ái và tạo nghiệp mới tăng thượng; 5. Nghĩa hướng đến ly dục thế gian tăng thượng; 6. Nghĩa hướng đến ly dục xuất thế gian tăng thượng.

Trong đây nên biết từ nhãn căn là đầu tiên, cho đến ý căn là rốt sau, sáu căn như vậy đối với năng thủ cảnh giới có nghĩa tăng thượng.

Hai căn nam và nữ đối với con cháu kế tự gia tộc có nghĩa tăng thượng.

Một chủng mạng căn đối với ái mạng, tức nhân duyên mạng sống, sự nghiệp gia hạnh sĩ dụng mỗi mỗi riêng khác, có nghĩa tăng thượng.

Từ căn lạc là đầu tiên cho đến căn xả là rốt sau, năm căn như vậy đối với sự thọ dụng nghiệp đã tạo làm trước kia cảm quả ái, phi ái và tạo nghiệp mới, có nghĩa tăng thượng.

Từ tín căn là đầu tiên cho đến tuệ căn là rốt sau, năm căn như vậy đối với năng hướng đến ly dục thế gian có nghĩa tăng thượng.

Căn chưa biết sẽ biết, căn đã biết, căn biết

đầy đủ, ba căn vô lậu như vậy đối với năng hướng đến ly dục xuất thế gian tối cực rốt ráo, có nghĩa tăng thượng. Tất cả nghĩa mà thế gian có thể hiện thấy được chỉ là tỷ lượng, nên biết nghĩa rốt ráo không ra khỏi 22 căn, nên tất cả căn nhiếp vào 22 căn đây.

Lại nữa, hoặc có một loại khởi suy nghĩ như vầy: "Nếu bên trong không có ngã nương gá sáu căn môn hành sáu cảnh giới, thì sáu căn sở hành riêng biệt, cảnh giới riêng biệt. Như vậy sáu căn đây chỉ năng lãnh thọ tự sở hành cảnh của chính nó, ai năng lãnh thọ tánh cảnh sở hành của sáu căn đó?". Nên biết do loại đây chẳng thể thông đạt đạo lý duyên khởi, nên ở nơi các hành khởi tà phân biệt. Lý duyên khởi thế nào? Nếu thầy tu Du-già, ở nơi nội sáu căn như lý duyên theo, tinh cần gia hạnh tu bốn niệm trụ, tức lúc bấy giờ bốn niệm trụ đây lãnh thọ tánh cảnh sở hành của sáu căn, tức đây đối với kia do thanh tịnh nên gọi là xuất ly.

Lại vì siêng tu bốn Niệm trụ, nên ban đầu thông đạt lý đế, thu được bảy Giác chi, tức lúc bấy giờ các Giác chi đây vì là chân thật, nên lãnh thọ

tánh cảnh sở hành của Niệm trụ.

Lại do tu tập Giác chi là nhân duyên khởi minh giải thoát, tức lúc bấy giờ minh giải thoát như vậy lãnh thọ giác chi rồi khéo tu tập, từ đây về sau chẳng lại tu tánh cảnh sở hành, như thật đã đoạn tất cả phiền não. Tức lúc bấy giờ ở nơi các phiền não đoạn, Niết-bàn tịch diệt, lìa tăng thượng mạn. Do xa lìa tăng thượng mạn nên hiện tại đây thật có rốt ráo minh giải thoát, như thật lãnh thọ rồi, đắc tánh cảnh sở hành của minh giải thoát. Do đây lìa khỏi tất cả sở hữu pháp hữu vi, nên biết cũng lìa khỏi minh giải thoát. Ở trong Niết-bàn, thi thiết hai chủng năng thủ, sở thủ đều không chỗ có, vì tất cả hý luận vĩnh viễn xa lìa trừ diệt; cho đến các pháp hữu vi khá có thể được, triển chuyển hỏi đáp, thi thiết kiến lập năng thủ, sở thủ, ngôn luận sai khác đều vĩnh viễn diệt trừ. Trong pháp vô vi cứu cánh Niết-bàn, tất cả sự hỏi đáp ngôn luận sai khác đều không như lý. Cho nên, nên biết ở trong vô ngã nên chánh hiển thị chỉ có tạp nhiễm, chỉ có thanh tịnh.

Lại nữa, nếu có các bổ-đặc-già-la sĩ phu chủng loại thông tuệ, các căn nhạy bén, do lực tư trạch

tác ý như lý tư duy các pháp, nên đối với Niết-bàn được chánh tin hiểu sâu chắc. Vì tin chắc nên phát siêng tinh tấn tăng thượng. Vì tăng thượng nên năng ở nơi cảnh giới sở duyên thân, thọ an trụ chánh niệm; cũng vì tăng thượng nên năng ở nơi sở duyên khiến tâm nhất thú hướng; cũng vì tăng thượng nên ở nơi tất cả pháp như thật rõ biết, như thật quán thấy. Do nhân duyên đây năng đến rốt ráo. Cho nên tuệ kia hoặc ban đầu, hoặc về sau đều có nhiều tăng ích. Do đây nên nói Tuệ căn rất là thù thắng.

Lại nữa, nương Vô thượng Bồ-đề của chư Phật mà đắc chánh tín cho đến chánh tuệ. Nếu pháp đây người thế gian cũng không có, nên biết đây trụ ngoại phẩm dị sanh. Nếu pháp đây chỉ có thế gian, không có xuất thế, nên biết đây trụ nội phẩm dị sanh, chẳng phải ngoại dị sanh. Nếu pháp đây có xuất thế, nên biết tất cả riêng trụ phẩm khác, chẳng thuộc các phẩm loại dị sanh kia.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Tư trạch, giác tuệ thảy
Các nước cùng các vua

A-la-hán, hữu học
Chất trực đi sau cùng.

Nói tóm lược tức là trong tất cả ác hành hiện pháp và hậu pháp đã thấy sâu quá hoạn, nên chánh tư trạch dứt trừ các ác hạnh, tu các thiện hạnh, gọi là lực tư trạch. Nên biết lực đây năng thành hai sự: 1. Năng đến đường thiện trời người; 2. Năng đến hiện pháp Niết-bàn.

Lại đây năng cùng lực tu tập nhiếp lấy tu các Niệm trụ làm chỗ nương. Do đây làm chỗ nương, năng chánh tu tập pháp Bồ-đề phần như bốn Niệm trụ... Nên biết tu đây gọi là lực tu tập.

Lại, lực tư trạch năng cùng 3 xứ hổ thẹn làm bạn. Những gì gọi là ba xứ tàm quý?

1. Hổ thẹn với người. Tức khởi nghĩ đây: "Nếu ta làm ác, sẽ bị thế gian có tha tâm trí, chư Phật Thế Tôn, hoặc Thánh đệ tử, hoặc chúng chư thiên tin lời Phật dạy sẽ cùng chê trách". Đây gọi là lực tư trạch xứ thứ nhất.

2. Hổ thẹn với mình. Tức khởi nghĩ đây: "Nếu ta làm ác, nhất định sẽ bị nhiều chê trách. Đâu có bậc thiện nhân nào lại làm ác hạnh". Đây gọi là lực tư trạch xứ thứ hai.

3. Hổ thẹn nơi pháp. Tức khởi nghĩ đây: "Nếu ta làm ác ắt sẽ bị chướng ngại. Ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da tu phạm hạnh, nếu có hủy phạm ắt là hoại phạm hạnh". Đây gọi là lực tư trạch xứ thứ ba.

Hổ thẹn như vậy nên biết lấy 3 chỗ làm tăng thượng: 1. Thế gian tăng thượng; 2. Tự mình tăng thượng; 3. Pháp tăng thượng.

Lại nữa, do lấy hành tự lợi và hành lợi tha làm tăng thượng, nên biết kiến lập có 4 chủng lực: 1. Lực giác tuệ; 2. Lực tinh tấn; 3. Lực không tội; 4. Lực nhiếp thọ.

Vui lợi mình: Năng đến hiện pháp Niết-bàn gọi là nghĩa tự lợi. Năng đến đường thiện người trời, cũng gọi là nghĩa tự lợi. Nên biết trong đây nương nghĩa tự lợi thứ nhất kiến lập hai lực là giác tuệ và tinh tấn. Do hai lực này nên có phương tiện phát khởi Chánh cần. Nương nghĩa tự lợi thứ hai kiến lập lực không tội. Do ba lực đây, tất cả nghĩa tự lợi đều được rốt ráo.

Vui lợi tha: Còn lại là nghĩa lợi tha. Do tăng thượng đây nên kiến lập lực nhiếp thọ. Nên biết các tướng "Nhiếp sự" đây như *Bồ-tát địa* đã biện rõ.

Lại nữa, nương nơi đất nước và vua, hoặc nam hoặc nữ, hoặc chồng hoặc vợ, hoặc người ngu hoặc người trí, hoặc chúng tại gia hoặc chúng xuất gia, nên biết kiến lập có mười chủng lực, như đối với các quốc vương thì có lực tự tại... Hết thảy lực như vậy kinh đã rộng thuyết.

Lại nữa, các A-la-hán thành tựu tám lực, như thật lãnh thọ tham sân si thảy vĩnh viễn tận không sót thừa, không tạo các ác, tu tập các thiện, cũng có nghĩa là tâm hướng đến viễn ly, xuất ly, Bát-niết-bàn. Cho nên nhàm chán trái lìa hậu hữu, nhàm chán trái lìa nhân duyên, không tạo nghiệp ác. Lại quán các dục giống như than nóng, nên nhàm chán trái lìa các dục, nhàm chán trái lìa nhân duyên, không tạo nghiệp ác. Do hai lực đây nên không tạo các ác. Vì không tạo ác, lại do 6 môn nên tu tập các thiện, đó là: Niệm trụ, Chánh đoạn, Thần túc, Căn lực, Giác chi và Đạo chi.

Lại nữa, chư Phật Như Lai nương hành tự lợi và hành lợi tha có sự sai biệt lớn so với các đệ tử. Như có lời rằng: "Các bậc hữu học thành tựu năm lực, còn Như Lai thành tựu mười lực". Nếu thành tựu năm lực hành hạnh tự lợi hữu học, thì các

Thánh đệ tử thu được quả tối thượng A-la-hán. Nếu từ đây không gián đoạn, thì tất cả nghĩa tự lợi đều được rốt ráo. Như Lai đã thành tựu A-la-hán rồi, hành hạnh lợi tha thành tựu mười lực, tức lấy lợi tha làm nghĩa tự lợi. Nếu khi tất cả việc giáo hóa đã rốt ráo, nhập Vô dư y Bát-niết-bàn giới, nên biết bấy giờ ở nơi sở tác mới được viên mãn. Hoặc tu hành hạnh A-la-hán, hoặc vì lợi tha tức hành nghĩa tự lợi, hai nhân duyên đây so với các đệ tử đều rất thù thắng hơn cả. Mười lực Như Lai như *Bồ-tát địa* đã rộng phân biệt.

Lại nữa, có bổ-đặc-già-la tánh chất trực, tự mình quý thích không siểm không cuống. Vì chứng nghĩa tự lợi có bốn chủng tướng, nếu nương pháp ác thuyết Tỳ-nại-da tức liền bị gián đoạn trì trệ, cần yếu nương pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da tức không gián đoạn, không bị trì trệ.

Những gì là 4 tướng? 1. Thuyết dạy chánh pháp; 2. Dạy răn dạy trao; 3. Như lý thông đạt; 4. Đối với chánh pháp đã nghe, được chân thật chứng.

Đó là các thắng giải làm chỗ nương, năng xa lìa không nhân, ác nhân, khai thị đúng lý nghĩa chánh nhân. Được các bậc dạy răn dạy trao không

điên đảo, văn nghĩa dạy khéo năng thuận theo gia hạnh đoạn nhiếp lấy pháp không điên đảo, năng khiến chứng đắc pháp do thắng giải làm chỗ nương. Nếu các thiện nam tử đã tự mình tôn trọng quý thích, đã tương tục điều phục, có sự kham năng, đến nhập trong nội pháp Tỳ-nại-da, được chánh tuyên thuyết, được chánh khai ngộ, thì năng nhanh chóng hướng đến thắng tiến, như lý thông đạt pháp nên thông đạt, cũng năng chân thật chứng pháp nên chứng. Lấy bốn Niệm trụ làm chỗ nương, ở nơi pháp hữu vi mà các bậc thông tuệ cùng chấp nhận là có, hoặc chấp nhận là không, đều chân chánh rõ biết; ở nơi pháp vô vi cho đến Hữu đảnh đều là hữu thượng, năng chánh rõ biết là hữu thượng; đối với Niết-bàn vô thượng, như thật rõ biết là vô thượng. Như vậy gọi là như lý thông đạt. Lại lấy bốn Niệm trụ làm chỗ nương, do tâm tĩnh định nên chánh tu tập bảy Giác chi rồi, tác chứng rốt ráo minh giải thoát. Như vậy gọi là được chân thật chứng.

Các thiện nam tử kia nếu tự mình thích nhập vào pháp ác thuyết Tỳ-nại-da, thì đối với bốn xứ đây đều không thể có được, nên gọi là dừng lại.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Lập, sai biệt, thực, thứ lớp
An lạc trụ, tu ở sau.

Do hai phẩm Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na sai biệt, nên kiến lập Giác chi, tướng đây nên biết như *Thanh văn địa* đã thuyết.

Lại nữa, vì tự tánh sai biệt, vì tướng sở duyên, nhân duyên sai biệt, nên biết 14 chủng tướng sở duyên, nhân duyên sai biệt của bảy Giác chi. Nghĩa rộng phân biệt nên biết như *Tam-ma-hí-đa địa* và *Thanh văn địa* đã thuyết.

Lại nữa, ở trong pháp năng thuận theo Giác chi, lược có 2 chủng tác ý không điên đảo, nên biết cộng chung với Giác chi làm thức ăn. Những gì là hai? 1. Chánh tác ý; 2. Luôn tác ý. Trái với tướng đây nên biết là không phải thức ăn.

Lại nữa, ở đầu, giữa và sau nếu tùy khuyết một chi, như thật rõ biết khiến không được viên mãn. Như sắc loại đây, sở y, năng y, lưu chuyển, an lập, tùy theo sự sanh khởi ấy thứ tự mà thuyết. Trong đây niệm là sở y, trạch pháp là năng y, còn lại tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Lại nữa, nếu có Bí-sô phương tiện tu tập các Giác chi, do bốn nhân duyên khiến Bí-sô không trụ an ổn. Những gì gọi là 4 chủng nhân duyên? 1. Vì tất cả phiền não phẩm loại thô trọng đều chưa lìa; 2. Vì có các tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha hiện tại tiền; 3. Vì có các tùy phiền não phẩm Tỳ-bát-xá-na hiện tại tiền; 4. Đạo chưa điều thiện mà lại xao lãng. Trái với 4 tướng đây là 4 chủng nhân duyên khiến trụ an ổn.

Đối với 2 chủng sau, Bí-sô thiện xảo phải như thật hiểu rõ thông đạt, an trụ chánh biết đó là do các tác ý có gia hạnh nên tinh tấn thái quá và do trước sau có tăng giảm nên chuyển vận không quân bình. Do hai duyên đây nên gọi là đạo không điều thiện. Trái với hai nhân duyên đây nên gọi là đạo điều thiện. Như Chuyển luân vương ở bốn châu được đại tự tại thành tựu bảy báu, như vậy Tâm vương ở bốn Thánh đế được đại tự tại thành tựu bảy báu Giác chi chân tịnh, nên biết cũng vậy. Trong đây, ở nơi hai phẩm Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na chuyển vận song song, hàng phục vượt qua tất cả phiền não oán đối, do nghĩa đây nên Niệm giác chi ban đầu giống như xe báu. Cảnh tướng sở

tri lượng vô biên, trí thể năng tri cũng tùy theo đó rộng lớn, do nghĩa đây nên Trạch Pháp giác chi giống như voi báu. Nương đây nhanh chóng năng đi đến đạt được thắng xứ sai khác, do nghĩa đây nên Tinh Tấn giác chi giống như ngựa báu. Duyệt ý không tội thật thù thắng hơn cả, do nghĩa đây nên Hỷ giác chi giống như nữ báu. Thân tâm sáng sạch, có sự kham năng, do nghĩa đây nên Khinh An giác chi như thần châu báu. Năng biện biệt tất cả sự vui thích mong cầu, do nghĩa đây nên Định giác chi như thần kho báu. Năng hàng phục tất cả quân pháp nhiễm ô, năng xuất tất cả quân pháp thanh tịnh, năng hướng đến vô tướng an ổn, do nghĩa đây nên Xả giác chi như tướng quân báu.

Lại nữa, các bậc tu hành đắc bảy báu Giác chi, ví như đại vương có kho y phục thượng diệu thọ dụng ở ba thời khác nhau, ba phần an trụ bảy Giác chi kia nên biết cũng vậy. Các bậc tu hành chưa từng an trụ chỉ một Giác chi.

Nói ba thời là phần đầu ngày, phần giữa ngày và phần cuối ngày.

Nói ba phần là phẩm Xa-ma-tha, phẩm Tỳ-bát-xá-na và phẩm cả hai đây. Ở trong phần đầu

trụ bốn Giác chi, ở trong phần thứ hai trụ bốn Giác chi, ở trong phần thứ ba an trụ đầy đủ bảy Giác chi.

Lại ở nơi bảy Giác chi, đối với các ngoại đạo không oán ghét, không chống đối, hằng đem ý vui làm lợi ích chuyển đến, lìa hệ buộc tất cả phiền não, nên gọi là không oán, không địch, không hại, không có tai họa. Bậc tu hành ở nơi bảy Giác phần đây đều như thật rõ biết, nếu tùy lúc hiện tiền, tùy lượng hiện tiền, gọi là trụ; nếu lúc thối bỏ ra khỏi, gọi là diệt. Vị kia do trụ chánh biết như vậy, gọi là trụ không tội, không có ái vị, tâm lìa nhiễm vị.

Lại nữa, nên biết lược do 2 nhân duyên tu tập các Giác chi đồng hành với 21 chủng tưởng: 1. Đồng hành y cứ vào nghĩa tương ưng; 2. Đồng hành y cứ vào nghĩa không gián đoạn.

Tu đồng hành với tưởng vô thường... cho đến tu đồng hành với tưởng chết, thì y cứ vào nghĩa tương ưng. Tu đồng hành với tưởng bất tịnh... cho đến tu đồng hành với tưởng quán không, thì y cứ vào nghĩa không gián đoạn. Tu đồng hành với từ... nên biết cũng vậy.

Lại ở trong tất cả hành quá khứ, vị lai, hiện

tại, có các hành ái nhiễm, hoặc lười biếng giải đãi, hoặc thân kiến, tuy đã đoạn diệt mà tập khí tùy trói buộc, ngã mạn hiện hành, hoặc do tham ái vui muốn chủng chủng việc mỹ diệu ở thế gian, hoặc do phiền não tùy miên sót thừa, hoặc do mong cầu lợi dưỡng, hoặc do mong cầu kế sanh nhai, hoặc do các dục ái, hoặc do các hữu ái, hoặc theo hư vọng phân biệt phát khởi 4 chủng dục tham: 1. Tham sắc đẹp; 2. Tham hình dáng; 3. Tham xúc mịn màng; 4. Tham hầu hạ... Cho nên năng khiến sanh khởi quá hoạn không như lý, cũng khiến tâm đây vượt khỏi quỹ phạm mà chuyển.

Để đối trị kia, tùy chỗ thích hợp tu Giác chi đồng hành với 21 tưởng sai biệt. Vì đối trị bốn chủng chướng, nên tu tưởng hành vô nguyện, từ tưởng vô thường cho đến tưởng tất cả thế gian không đáng vui. Vì muốn đối trị một chủng chướng, nên tu tưởng hành không, hoặc tưởng khổ vô ngã. Vì muốn đoạn diệt chướng phiền não tùy miên sót thừa, nên tu tưởng hành vô tướng đối với ba cõi. Vì muốn đối trị mong cầu lợi dưỡng và dục ái, tu tưởng lỗi lầm tai họa của các dục. Vì muốn đối trị mong cầu kế sanh nhai và hữu ái, tu tập tưởng chết. Vì

muốn đối trị đuổi theo hư vọng phân biệt phát sanh bốn dục tham, nên tu tưởng bất tịnh đi đầu, cho đến tưởng quán không rốt sau. Lại tất cả đây từ tưởng xanh bầm, cho đến tưởng quán không, nên biết đều nhiếp thuộc tưởng bất tịnh. Lại ở trong đây tưởng xanh bầm đi đầu, tưởng trương sình rốt sau, đối trị tham sắc đẹp. Tưởng ăn thức ăn, tưởng phân rã đỏ lòm, tưởng phân tán, đối trị tham hình dáng. Tưởng hài cốt, tưởng móc xương, đối trị tham xúc mịn màng. Tưởng quán tâm thức không, thây chết không, đối trị tham hầu hạ. Lại ở trong đây tu từ, rốt ráo cho đến biến tịnh... tướng đây nên biết đã thuyết trong *Tam-ma-hí-đa địa*.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Đầu nội ngoại lực
Thanh tịnh sai biệt
Dị môn, Sa-môn
Sau Bà-la-môn.

Vì muốn sanh khởi tám Thánh đạo chi, trong tất cả lực hoặc nội hoặc ngoại, có hai chủng lực so với lực khác thù thắng hơn cả. Những gì là hai? 1. Ở ngoại lực khéo biết lực thức là thù thắng hơn cả;

2. Ở nội lực, lực chánh tư duy là thù thắng hơn cả. Nên biết trong đây, trước hết xa lìa các chướng ngại tu nghiệp phước, nên không bị thiếu thốn y phục, thức ăn uống... gọi là ngoại lực khác. Trừ tưởng tương ưng chánh tư duy, riêng có chi phần đoạn khác, gọi là nội lực khác. Bậc thiện tri thức bên ngoài, tức từ vị kia được nghe chánh pháp vô thượng, do đây gọi là từ người nghe âm. Chánh tư duy bên trong, tức là lắng nghe không gián đoạn, năng phát khởi chánh kiến làm đạo dẫn đầu.

Lại nữa, chánh kiến kia... nếu tại hữu học, vì vô lậu nên gọi là thanh tịnh; nếu tại vô học, vì thanh tịnh tương tục nên gọi là sáng sạch; nếu tại thế gian, vì xa lìa vô lượng kiến theo ngoại đạo, xa lìa các ác tà hành, nên gọi là không có một mảy trần. Xa lìa mảy trần, chỗ phát khởi các nghiệp hậu hữu tạp nhiễm, cho nên gọi là lìa tùy phiền não. Nói tóm lược, tất cả tám Thánh đạo chi nhiếp vào hai xứ: 1. Thế gian; 2. Xuất thế gian. Thế gian đây, ba lậu, bốn thủ đuổi theo trói buộc nên không thể tận khổ; nếu là tánh thiện thì năng đến đường thiện. Xuất thế gian trái với tướng kia, năng tận các khổ.

Lại, tám Thánh đạo chi là chánh kiến... nghĩa phân biệt rộng như *Thanh văn địa* và phần *Nhiếp dị môn* đã thuyết; đầy đủ bảy chủng định như *Tam-ma-hí-đa địa* đã thuyết.

Lại nữa, vì chánh kiến làm tiền dẫn tám Thánh đạo chi, tập hợp chánh lý gọi là Pháp. Vì năng diệt tất cả các phiền não, gọi là Tỳ-nại-da. Vì lìa bỏ xa các pháp ác, cùng noi theo tất cả Thánh hiền, gọi là thánh. Vì năng tùy thuận đi đến các đường thiện, gọi là thiện. Vì hướng đến Niết-bàn, gọi là phải tu. Vì các bậc trí giả xưng khen, tán thán, gọi là thiện tai. Trái với tướng đây nên biết là tà kiến làm dẫn đầu sở hữu tám chi tà đạo sai khác. Vì đọa ở phẩm vô minh tối tăm, gọi là hắc. Vì đến các nẻo ác, gọi là vô nghĩa. Vì tánh bất thiện, gọi là hạ liệt. Vì trong sanh hiện pháp phải chịu sợ hãi cùng oán ghét, gọi là có tội. Vì các bậc có trí chê trách xa lìa, gọi là phải xa lìa.

Lại nữa, nay nương "sở hữu nghĩa Sa-môn bậc nhất" an lập tám Thánh đạo chi như vậy là nghĩa Sa-môn. Vì nghĩa đây nên trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da giả gọi là xuất gia thọ tánh Sa-môn. Lại đây quyết định sẽ rốt ráo không bị hoại mất, gọi là

nghĩa bậc nhất. Nếu đây là giả danh, tức không như vậy. Những người thành tựu nghĩa tánh Sa-môn bậc nhất đây, nên biết cũng gọi là thắng nghĩa Sa-môn. Lại kia theo đuổi cầu quả Sa-môn đây, tức là nghĩa sẽ rốt ráo đoạn trừ tham sân si... nên gọi kia là nghĩa Sa-môn.

Nghĩa Sa-môn đây lại có 2 chủng: 1. Kiến lập tướng chung không có sự riêng khác; 2. Kiến lập hoặc có sở tác, hoặc không có sở tác, hành hướng, trụ quả sai biệt. Tất cả như vậy tổng có 4 chủng: 1. Tánh Sa-môn; 2. Đây là Sa-môn; 3. Nghĩa Sa-môn; 4. Quả Sa-môn. Đạo lý Bà-la-môn sai biệt nên biết cũng vậy.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Chướng tùy hoặc, tầm thảy
Quả, dục, tế, thân nhọc
Trụ học cùng tác ý
Trí không chấp đi sau.

Nay nương "niệm hơi thở ra vào sai biệt" mà tu tập. Nghĩa phân biệt rộng có 16 hạnh, tướng đây như *Thanh văn địa* đã thuyết.

Lại các thầy Du-già siêng tu hành niệm hơi

thở ra vào như vậy, bấy giờ có 5 pháp chướng ngại: 1. Đối với ngoại duyên, nơi tâm tán loạn; 2. Hơi thở ra vào chuyển có khó khăn; 3. Trạo cử ác tác triền hiện tại tiền; 4. Hôn trầm thụy miên triền hiện tại tiền; 5. Vui cùng đạo tục thế gian chung sống hỗn tạp. Năm pháp như vậy đối với người chưa đắc định muốn cầu tâm định và người đã đắc định càng tăng trưởng hơn, nên biết tất cả năng làm chướng ngại. Lúc bị sự nhiễm ô của các tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha khiến thân phát khởi hôn trầm, tâm sanh yếu nhược, nếu bấy giờ chánh tu tập niệm hơi thở ra vào, năng khiến thân tâm khinh an và thân tâm thô trọng đồng hành hôn trầm yếu nhược thảy đều xa lìa. Lúc bị sự nhiễm ô của các tùy phiền não phẩm Tỳ-bát-xá-na khiến phát sanh chủng chủng tầm tứ vọng tưởng, đó là tầm tứ dục... tầm tứ bất chánh và tầm tứ phần vô minh khiến phát khởi chủng chủng vọng tưởng, như các tưởng dục... Nếu bấy giờ chánh tu tập niệm hơi thở ra vào, năng khiến tầm tứ... thảy đều lặng dứt. Vì muốn đối trị các vọng tưởng phần vô minh kia, nên thuần tu tưởng phần minh sẽ khiến nhanh chóng được viên mãn.

Lại nữa, các thầy Du-già chánh siêng tu tập niệm hơi thở ra vào, ở nơi tầm tứ duyên các hành quá khứ, năng khiến không gián đoạn phát sanh đẳng trì, nếu có gián đoạn khuyết hở cũng nhanh chóng được tổn giảm. Ở nơi duyên tầm tứ các hành vị lai, năng khiến không gián đoạn phát sanh đẳng trì, nếu có gián đoạn khuyết hở cũng nhanh chóng được dừng dứt. Ở nơi duyên tầm tứ các hành hiện tại, năng khiến không bị gián đoạn phát sanh đẳng trì, nếu có gián đoạn khuyết hở cũng nhanh chóng được tịch tĩnh.

Lại nếu nói lược thì do năng vĩnh viễn đoạn trừ 6 chủng kiết, nên biết kiến lập 2 chủng, 4 chủng và 7 chủng các quả lợi ích thù thắng như kinh đã rộng thuyết.

Những gì là 6 kiết? Là hai kiết thuận hạ phần và thuận thượng phần; hai kiết kiến đạo sở đoạn và tu đạo sở đoạn; hai phần vị kiết hoặc khởi hoặc sanh. Mỗi mỗi riêng biệt như vậy nói chung có sáu chủng kiết. Như thứ lớp đây kiến lập 2 chủng, 4 chủng, 7 chủng các quả lợi ích thù thắng.

Lại nữa, tu tập niệm hơi thở ra vào sai biệt lược có 2 chủng: 1. Hữu thượng; 2. Vô thượng.

Hữu thượng: Như có người một mình ở chốn a-lan-nhã, dụng tâm tĩnh định, như lý quán sát "Mạng căn hệ thuộc hơi thở vào, hơi thở ra"; hoặc "Ta ở hơi thở vào, về sau không có hơi thở ra; hoặc ta ở hơi thở ra, về sau không có hơi thở vào, như vậy mạng căn tức phải đoạn diệt. Nhưng ở trong hành vô thường có việc thật hy hữu kỳ lạ, tức hơi thở vào diệt rồi, mạng căn của ta trụ, lại đến khi hơi thở ra sanh; hơi thở ra diệt rồi, mạng căn của ta trụ, lại đến khi hơi thở vào sanh". Người kia do duyên theo như vậy, nên thâm tâm chán lìa. Ở nơi cảnh ba đời, chỗ phát sanh ái khuể mà tịnh tu tâm đây, gọi là hữu thượng.

Vô thượng: là tu 16 hạnh.

Lại nữa, trụ niệm hơi thở ra hơi thở vào như vậy, vì duyên sắc gió vi tế làm cảnh giới, gọi là vi tế trụ. Vì khiến dứt tuyệt tất cả tầm tứ loạn, gọi là không lưu tán. Vì phát sanh thân tâm rộng lớn, thu được diệu khinh an, gọi là không bị chế phục.

Lại nữa, tu tập niệm hơi thở vào ra như vậy, khiến thân không mỏi mệt. Khéo năng trừ khiển tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha, khiến mắt không mỏi mệt. Khéo năng trừ khiển tùy phiền não phẩm

Tỳ-bát-xá-na, theo đó quán sát lạc Niết-bàn, gọi là tùy quán lạc; theo đó lãnh thọ lạc ở Đệ tam tĩnh lự địa, gọi là lãnh thọ lạc. Trụ vô nhiễm, không hãi sợ, gọi là an lạc trụ.

Lại nữa, nơi xứ đây nếu có người khởi nghĩ như vầy: "Như Lai và bậc thấp nhất đắc tuệ giải thoát, quả A-la-hán là không có sự sai khác". Đây tức nương vào sự giải thoát mà phát khởi tư duy: "Giải thoát của Như Lai và tuệ giải thoát quả A-la-hán, chỗ có giải thoát không sai khác".

Lại có người khởi nghĩ lầm lạc như vầy: "Như Lai sở hữu trụ lìa các cái và bậc ở trong nội pháp thấp nhất, hoặc các hữu học, hoặc các dị sanh do lực tinh tấn nên an trụ hàng phục đoạn dứt đối với năm cái đây, gọi là trụ lìa cái. Trụ lìa cái của đây, trụ lìa cái của kia, vì như giải thoát là không có sự sai biệt, hay là có sai biệt?". Nên biết hai trụ lìa cái như vậy có sự sai biệt rất lớn. Các bậc hữu học tuy hiện hành tâm trụ lìa cái, nhưng tùy miên của cái kia chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nên lớp lớp các cái tương tục làm gián đoạn tâm, phải lớp lớp lực tác ý khích lệ sách tấn mới năng khiển trừ. Như Lai vì đã rốt ráo đoạn trừ các cái nên trụ lìa các cái, cho nên so

với trụ lìa các cái của kia có sự sai biệt rất lớn, chẳng phải như giải thoát tức không có sự sai biệt.

Lại nữa, vị thầy tu Du-già lấy niệm hơi thở ra vào làm chỗ nương mà tu tập bốn Niệm trụ. Vì như lý tác ý lấy làm chỗ nương, nên ở nơi nội tâm, các sở hữu phi lý tác ý chưa đoạn, như thật rõ biết đây là phi lý; ở nơi nội tâm, sở hữu như lý tác ý, như thật rõ biết đây là như lý. Đã rõ biết rồi, ở nơi nội tâm chỗ có phi lý tác ý, một hướng xa lìa; ở nơi nội tâm chỗ có như lý tác ý, một hướng tu tập. Vì muốn khiến kia vĩnh viễn đoạn diệt, nên tiếp tục tùy quán bốn pháp là thân, thọ, tâm, pháp như bốn đường lớn; phi lý tác ý như bụi đất, vì không bền chắc, vì không chân thật, vì khiến tâm mê loạn; như lý tác ý như cỗi xe bốn phương đi đến. Xe duyên bốn môn cảnh giới là thân... mà vận chuyển, năng tổn hại kia như tổn hại đống bụi đất phi lý tác ý, cũng khiến tất cả tương tục thanh tịnh.

Lại nữa, người tinh cần tu tập niệm các hơi thở ra vào, do chánh tu tập bốn chủng niệm trụ vô ngã... nên tất cả thảy đều bình đẳng; ở nơi thân như lý tác ý: "Chủng loại năng thủ là thân". Như tác ý ở nơi thân, thì tác ý vô ngã cũng vậy. Cho

nên nói: "Kia là một phần thân năng tu niệm trụ thân" như vậy đều chẳng thể có được. Như tu niệm trụ thân, thì nói rộng cho đến tu niệm trụ pháp nên biết cũng vậy. Giáo "Tu niệm trụ" của chư Phật như vậy, trong pháp ngoại đạo đều không chỗ có, cho nên nói giáo "Tu niệm trụ" đây gọi là chẳng phải sở chấp của tất cả ngoại đạo.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Đầu tiên tôn trọng giới
Thanh tịnh giới viên mãn
Hiện hành, học thắng lợi
Học sai khác đi sau.

Học có 3 chủng: tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học. Kiến lập 3 học sai khác như vậy, nên biết tướng đây như *Thanh văn địa* đã thuyết.

Lại nói tóm lược, trong các sở học đây phải nên rõ biết sở hữu tà hạnh, phải nên rõ biết sở hữu chánh hạnh.

Tà hạnh: Như có người không tôn trọng giới, trôi nổi mà xuất gia, tuy xuất gia mà không lấy giới làm tăng thượng. Như ở nơi tịnh giới, thì ở nơi

định, ở nơi tuệ nên biết cũng vậy. Nếu kia có phạm tội không sót (tội vô dư), đối với người như vậy Thế Tôn nói: "Người kia chứng các quả Sa-môn là điều không thể". Cho nên nên biết người kia ở nơi ba học một hướng hủy phạm.

Chánh hạnh: Đây có 3 chánh hạnh là phẩm hạ, phẩm trung và phẩm thượng.

- Chánh hạnh phẩm hạ: Như có người tôn trọng tịnh giới, cũng lấy tịnh giới làm tăng thượng. Trái với tướng trước, nhưng ở nơi định, nơi tuệ không sanh tôn trọng, không lấy làm tăng thượng. Người đây không phạm tội không sót, mà có phạm ít, tùy ít tội. Đối với người đây, Như Lai không nói: "Người kia chứng quả Sa-môn là điều không thể".

- Chánh hạnh phẩm trung: Như có người ở nơi giới, ở nơi định đều tôn trọng, cũng lấy làm tăng thượng.

- Chánh hạnh phẩm thượng: Như có người đã kiến đế, ở nơi ba chủng học thảy đều tôn trọng, không đợi tư trạch, chứng quả Sa-môn.

Như tôn trọng giới, thì trong đây thứ lớp hủy phạm cũng vậy, nên biết cho đến chỗ có các vị dị sanh.

Hai hạnh là tà và chánh như vậy triển khai làm 4 chủng, tức 4 chủng đây hợp làm 2 hành. Hai và bốn đây đều ngang nhau. Nên biết trong đây nếu người có định học, tất có giới học; nếu người có tuệ học, tất có định học. Nhưng người có giới học chưa hẳn quyết định có định học, tuệ học. Nếu thầy Du-già tôn trọng các học, nên biết gọi là sở tác đầy đủ, ngoài ra chỉ gọi là sở tác một phần.

Lại nữa, ở nơi điều luật của tánh tội năng xa lìa, nên biết đây gọi là môn tịnh giới viên mãn thứ nhất. Ở nơi sở hữu thiện pháp nhiếp thọ tịnh giới như năng mật hộ các căn môn... thọ trì tương tục, triển chuyển không gián đoạn, gọi là thiện pháp viên mãn. Ở nơi điều luật của giá tội năng xa lìa, gọi là biệt giải thoát viên mãn. Lại nương Giới mà bậc thánh yêu thích, hoặc nương năm chủng thiện xảo như uẩn thiện xảo... và nương luật nghi Biệt giải thoát, thọ trì sở hữu cấm giới thế tục, theo thứ lớp đó nên biết gọi là môn tịnh giới viên mãn sai biệt thứ hai.

Lại nữa, nay nương "Thanh tịnh giới", lược có 2 chủng sở học sai biệt: 1. Thọ trì chẳng phải Chỉ nhiếp thọ giới, chỗ có thân ngữ như pháp hiện

hành nhiếp lấy học xứ; 2. Thọ trì Chỉ nhiếp thọ giới, nhiếp lấy học xứ. Đây lại có 2 chủng: 1. Hoặc sở thuyết Tỳ-nại-da, chẳng phải sở thuyết Biệt giải thoát; 2. Hoặc sở thuyết Tỳ-nại-da, cũng là sở thuyết Biệt giải thoát. Vậy nên tất cả lược chung mà nói có 3 học xứ: 1. Tăng thượng hiện hành; 2. Tăng thượng Tỳ-nại-da; 3. Tăng thượng Biệt giải thoát.

Lại nữa, ở trong trụ học thắng lợi thì tuệ làm thượng thủ, giải thoát làm kiên cố và niệm làm tăng thượng, tu tập ba học nhanh chóng được viên mãn. Tướng đây như phần *Nhiếp thích* đã biện rộng.

Lại nữa, an trụ đầy đủ giới... nên biết tướng đây như *Thanh văn địa* đã biện. Lại tức tịnh giới đây vì đối trị tất cả ác phạm giới, vì mật hộ căn môn làm chỗ nương, nên gọi là luật nghi. Vì trước tiên khéo lãnh thọ, nên gọi là viên mãn. Vì sau khéo giữ gìn, nên gọi là thanh tịnh. Vì cảm quả đáng yêu thích, nên gọi là thiện. Vì không nhiễm ô, nên gọi là vô tội. Vì đối với các hữu tình năng khéo thuận theo Từ tâm định, nên gọi là không hại. Vì khéo thuận theo tánh Sa-môn, nên gọi là

tùy thuận. Vì hướng đến chứng tánh *Thanh* mà bậc thánh yêu thích, gọi là thuận chứng thanh. Vì trọn không thuận theo giới cấm thủ, gọi là không tùy thuận. Vì cùng người đồng pháp đồng phận, gọi là đồng sắc loại. Vì ở nơi chánh tu tập tăng thượng tâm, tuệ làm chỗ nương, thuận theo đó mà chuyển, nên gọi là thuận chuyển. Vì đối với người không não hại, chuyển làm nhiêu ích; vì chánh xa lìa tự khổ hạnh, nên gọi là không nhiệt não. Vì ở nơi điều thọ trì không chuyển đổi hối hận, gọi là không thiêu não. Vì đối với các hủy phạm, trọn không hiện hành; đối với điều mình đã phạm, như pháp hối trừ, gọi là không hối não. Như vậy gọi là chỗ có sai biệt của tăng thượng giới học.

Ba trụ làm chỗ nương, chỗ có sai biệt của tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học là do vì thiên trụ và phạm trụ sai khác, nên biết tăng thượng tâm học sai khác; do các pháp sở hữu như Giác phần... thánh trụ sai khác, nên biết tăng thượng tuệ học sai khác. Trong đây bốn tĩnh lự, bốn vô sắc... gọi là Thiên trụ. Bốn vô lượng định gọi là Phạm trụ. Bốn thánh đế trí, bốn chủng niệm trụ, cho đến bốn chủng dấu tích hành đạo chi, bốn dấu

tích pháp thắng Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na... nên biết tất cả đều gọi là Thánh trụ.

Lại có bốn chủng pháp, hoặc hành, hoặc trụ không tạp nhiễm, khiến người tu quán hoặc ở nơi cảnh giới du hành ra vào, hoặc ở nơi sở duyên an tâm tĩnh định, lìa các tạp nhiễm, an ổn mà trụ. Sao gọi là bốn? 1. Ở nơi cảnh giới thuận theo thọ hỷ, có các tạp nhiễm hỷ, thâm tâm buông bỏ; 2. Ở nơi cảnh giới thuận theo thọ ưu, có các nhiễm ô ưu, thâm tâm buông bỏ; 3. Ở nơi các tùy phiền não phẩm Tỳ-bát-xá-na, tịnh tu nơi tâm; 4. Ở nơi các tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha, tịnh tu nơi tâm. Ở nơi bốn chủng đây, hoặc hành hoặc trụ, lìa các tạp nhiễm, an ổn trụ pháp. Nên biết bốn chủng kia là chỗ đặt để nương tựa của dấu vết pháp, như chỗ thích hợp tức là không tham, không sân, chánh niệm, chánh định.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Trước an lập chứng tịnh
Có biến đổi làm đầu
Đường trời, dụ gương sáng
Ký biệt đi sau cùng.

Đệ tử Như Lai đầy đủ chánh kiến, lược do 2 pháp năng chánh nhiếp thọ chứng tánh Thanh, nên biết kiến lập 4 chủng chứng tịnh.

Đó là nghĩa Sa-môn nhiếp lấy tín giới. Vì cớ sao? Vì đối với người năng thuyết, đối với nghĩa Sa-môn, đối với người đồng pháp, đối với năng chứng đắc trợ bạn Sa-môn chỗ có tịnh tín căn bản thâm sâu vững chắc, tuy sanh trong các đời khác cũng không bị dẫn đoạt, không hư cuống, gọi là chứng tánh Thanh và tịnh giới. Vì ở nơi tất cả điều năng đi đến đường ác, pháp ác bất thiện, thành tựu luật nghi "rốt ráo không làm", cho nên cũng được gọi là chứng tánh Thanh.

Việc đây như thế nào? Nên biết trong đây nương tựa tịnh tín, ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da sanh sâu tín hiểu. Do tịnh tín chứng tánh Thanh đây, giả sử sanh trong đời khác, đối với pháp Phật thiện thuyết Tỳ-nại-da cũng được rốt ráo không động chuyển. Lại do chán sợ các khổ ác đạo, nên thọ trì tịnh giới, đối trị ác hạnh. Do nhiếp thọ giới chứng tánh Thanh đây, nên sanh trong đời khác cũng không tạo ác khiến đọa trong các đường ác, sẽ rốt ráo không thối chuyển cho

đến Niết-bàn.

Như vậy, vì ở nơi pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, rốt ráo không khuynh động làm nơi nương tựa, vì rốt ráo không đi vào tất cả đường ác làm nơi nương tựa, nên thù thắng hơn cả chỉ nói dụng Tín giới là chứng tánh Thanh, chẳng phải pháp tinh tấn, niệm, định... khác không là pháp chứng tánh Thanh. Đây gọi là nghĩa môn sai biệt thứ nhất.

Lại tín giới đây làm chỗ nương của tăng thượng giới, định, tuệ học. Do thuyết Tín giới chính là thanh tịnh, nên hiển nghĩa ba học đều được thanh tịnh. Do nhân duyên đây chỉ lấy hai đây làm chứng tịnh. Đây gọi là nghĩa môn sai biệt thứ hai. Chứng tịnh như vậy vì khéo năng tươi nhuần pháp bạch tịnh ở tất cả đọa giới, gọi là phước tươi nhuần; vì năng dẫn các Thánh đạo thù thắng, gọi là thiện tươi nhuần; vì năng dẫn đoạn trừ phiền não sót thừa, gọi là năng dẫn lạc.

Lại nữa, các Thánh đệ tử thành tựu chứng tịnh một hướng quyết định năng đến các cõi thiện, vẫn còn lãnh thọ ba chủng khổ nặng phát sanh do nơi cõi thiện kia có các đại xoay vần biến đổi không quân bình, nhưng không hãi sợ các đường

ác. Sao gọi là lãnh thọ ba chủng khổ nặng? 1. Bệnh khổ; 2. Già khổ; 3. Đoạn diệt quân ma tử khổ. Cho nên có nói rằng: "Bốn đại chủng khá có sự biến đổi, chẳng phải các Thánh đệ tử thành tựu bốn chủng chứng tịnh khá có sự biến đổi".

Lại nữa, nếu chư thiên nghĩa thanh tịnh bậc nhất gọi là tối thắng không có não hại, bởi lẽ thân ngữ ý rốt ráo không có sự não hại. Tức nương tánh cõi trời thanh tịnh như vậy, thuyết bốn chứng tịnh đây gọi là đường trời.

Lại bốn chứng tịnh làm chỗ nương, các Thánh đệ tử nương 3 chủng môn tu sáu tùy niệm: 1. Vì đoạn trừ sự sanh khởi nhiễm não do các tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha; 2. Vì đoạn trừ sự sanh khởi nhiễm não do các tùy phiền não phẩm Tỳ-bát-xá-na; 3. Tuy không bị nhiễm não, mà ở vị lai vì đoạn hai tùy phiền não có thể sanh khởi.

Nên biết trong đây hôn trầm thùy miên gọi là tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha. Lỗi lầm vui thích các dục đồng hành trạo cử tham... khiến sanh tầm tứ dục bất thiện, các pháp tạp nhiễm khiến tâm lưu tán, gọi là các tùy phiền não phẩm Tỳ-bát-xá-na. Lại do chỗ đắc tùy niệm lý thắng nghĩa đế, gọi

là nghĩa uy dũng. Do chỗ đắc tùy niệm lý thế tục đế, gọi là pháp uy dũng.

Lại nữa, ví như có người cầm gương sáng để xem mặt mình là sạch hay không sạch. Như vậy các Thánh đệ tử của Như Lai cầm giữ gương sáng chứng tịnh vi diệu, vì thật xem soi chỗ có các tướng nhiễm tịnh của thân mình.

Lại nữa, nếu có người thành tựu bốn chủng chứng tịnh, duy chỉ tự nương nơi bốn chủng chứng tịnh vì người ký biệt, không nương nơi vị thượng, nơi năng thuận hoan hỷ, nơi tu tập tùy niệm. Do nhân duyên đây nên biết ký biệt chứng quả Dự lưu, vì sự tu đạo chưa hướng đến vị thượng.

Hoặc ở nơi vị thượng, nơi năm chủng tùy niệm, nơi năng thuận hoan hỷ mà vì người ký biệt. Do nhân duyên đây, nên biết ký biệt chứng quả Nhất Lai.

Vì tam-ma-địa chưa thành tựu viên mãn, vì ở nơi đạo ly dục chưa viên mãn, vì đối với chư thiên kia chưa hiện thấy, nên cầu ly dục mà tu tập các pháp năng thuận hoan hỷ. Do hoan hỷ đây làm chỗ nương nên phát sanh khinh an. Do khinh an nên thân lãnh thọ lạc. Do thọ lạc nên tâm được chánh

định, nhưng ở nơi tĩnh định chưa được thành tựu viên mãn. Nếu ở nơi vị thượng, nơi sáu chủng tùy niệm mà vì người ký biệt. Do nhân duyên đây, nên biết ký biệt chứng quả Bất hoàn.

Quả A-la-hán chỉ có đạo xuất thế mới năng hướng đến chứng đắc, mà sở hữu tùy niệm chỉ là thế gian. Cho nên chứng quả Bất hoàn trở lên, lại không ký biệt tùy niệm như vậy.

Lại bốn chứng tịnh trong quả Dự lưu chỉ gọi là tịnh. Ở nơi các quả học khác gọi là tịnh viên mãn. Ở nơi quả tối thượng gọi là thanh tịnh viên mãn bậc nhất.

Như vậy đã lược dẫn cảnh trí của luận đây tùy thuận tương ưng tông yếu Ma-đát-lý-ca của các kinh. Ngoài ra tất cả những chi tiết liên quan đến cảnh trí luận đây đều phải nên rõ biết.

Quyển 99

Thứ 5. NHIẾP TRẠCH CHUNG SỰ ĐIỀU PHỤC

Phần 1

Như vậy đã thuyết Ma-đát-lý-ca của sự Kinh. Sao gọi là **Ma-đát-lý-ca của sự Tỳ-nại-da**? Đó là từ bốn chủng Kinh như trước đã nói, thì *Kinh Biệt Giải Thoát* chỗ có rộng thuyết Ma-đát-lý-ca triển chuyển truyền lại điều Như Lai tuyên thuyết, điều Như Lai hiển bày, điều Như Lai tán thán, gọi là Ma-đát-lý-ca của Tỳ-nại-da. Nay Ta sẽ thuyết ít phần tướng chung của Ma-đát-lý-ca Tỳ-nại-da.

Ốt-Đà-Nam nói:

Lợi, tụ, nhiếp, tùy hành
Nghịch, thuận, khéo tịch tĩnh
Biết khắp, tín, chẳng tín
Lực thảy đi theo sau.

Như Lai quán thấy 10 chủng lợi ích thù thắng nên vì các đệ tử chế lập học xứ trong Tỳ-nại-da, đó là nhiếp thọ Tăng-già khiến Tăng tinh cần ân

trọng... cho đến nói rộng tướng đây như phần *Nhiếp thích* đã thuyết. Nếu năng nhiếp thọ bốn đại tánh thảy, chánh tín xuất gia, nhập vào cộng trú cùng với chúng xuất gia, nên biết gọi là nhiếp thọ Tăng-già. Đã xuất gia, hướng đến cuộc sống không gia đình rồi, vì người kia mà tuyên thuyết lý giáo pháp thẳm sâu có nhân duyên, có xuất ly, có sở y, có dũng mãnh, có thần biến... nên biết gọi là khiến Tăng tinh cần ân trọng. Các cú "có nhân duyên"... sai biệt, như trong *Bồ-tát địa* đã biện rõ. Như vậy gọi là sai biệt thứ nhất.

Do 5 chủng tướng gọi là khiến Tăng an lạc: 1. Khiến thuận theo đầy đủ chánh đạo không khuyết giảm; 2. Khiến loại trừ bổ-đặc-già-la dị pháp; 3. Khiến khéo trừ khiển chỗ phát sanh ác tác; 4. Khiến khéo hàng phục các phiền não triền; 5. Khéo vĩnh viễn hại diệt phiền não tùy miên.

Nên biết trong đây lực an lạc thứ nhất tăng thượng, khiến người chưa tịnh tín sanh khởi tịnh tín, người đã tịnh tín càng thêm tăng trưởng. Lực an lạc thứ hai tăng thượng nên điều phục thâu nhiếp bổ-đặc-già-la tà ác. Lực an lạc thứ ba tăng thượng khiến người tàm quý trụ an lạc. Lực an lạc

thứ tư tăng thượng khiến khéo phòng hộ các lậu ở hiện pháp. Lực an lạc thứ năm tăng thượng năng khiến vĩnh viễn hại diệt các lậu đương lai. Như vậy tự mình đã thu được an lạc cho đến an trụ rồi, khiến người chưa nhập dễ nhập, lại muốn khiến nhiều người an trụ phạm hạnh lâu dài vững chắc, cho đến nói rộng đều nên rõ biết.

Tóm lại, chánh hiển thị việc đầu tiên là nhiếp thọ, kế đến là nhiếp thọ chân chánh; đã nhiếp thọ rồi, lại khiến trụ an lạc và hiển thị ở vị lai người chưa nhiếp thọ khiến phương tiện dễ nhập. Như vậy gọi là sai biệt thứ hai.

Lại nữa, lược có 5 chủng tụ tội nhiếp lấy tất cả tội. Những gì là năm? 1. Tụ tội vượt hơn người (tội tha thắng); 2. Tụ tội chúng dư; 3. Tụ tội đọa tử; 4. Tụ tội biệt hối; 5. Tụ tội ác tác. Nếu tập thô, không xác định, như chỗ thích hợp tức thuộc trong số các tụ tội như thế.

Lại có 4 chủng tụ tội hoàn tịnh. Những gì là bốn? Trừ tụ tội vượt hơn người, các tụ tội còn lại đều có thể hoàn tịnh, cho nên có 4 chủng tụ tội hoàn tịnh. Tụ tội ban đầu tuy có thể hoàn tịnh, nhưng chỉ nương hai bổ-đặc-già-la, chẳng phải tất

cả tụ tội không có sự sai khác, chẳng phải đều có thể hoàn tịnh, cho nên không một hướng lập tụ tội vượt hơn người ở trong tụ tội hoàn tịnh.

Lại nếu lược thuyết thì có 15 chủng lỗi phạm, nhiếp khắp tất cả việc phạm trong tụ tội, nên biết kiến lập các chỗ phạm. Những gì là mười lăm? 1. Lỗi lầm do sự việc trầm trọng; 2. Lỗi lầm do triền mãnh lợi; 3. Lỗi lầm do tâm thiếu thốn không biết đủ; 4. Lỗi lầm bị người chê trách nghi ngờ; 5. Lỗi lầm khiến người không tịnh tín càng tăng bất tín, người có tịnh tín khiến thay đổi; 6. Lỗi lầm nhiều các tài bảo, nhiều các sự nghiệp; 7. Lỗi lầm nhiễm trước; 8. Lỗi lầm não người; 9. Lỗi lầm phát khởi tật bệnh; 10. Lỗi lầm chướng ngại đến các đường thiện, chướng ngại Sa-môn; 11. Lỗi lầm do đối với điều nên bỏ xa giữ gì thì không chân chánh bỏ xa giữ gìn, đối với điều không nên bỏ xa giữ gìn mà trở lại bỏ xa giữ gìn; 12. Lỗi lầm do đối với người không nên nương tựa mà lại nương tựa, đối với người nên nương tựa mà lại không nương tựa; 13. Lỗi lầm do đối với người phải cung kính mà không cung kính, đối với người không nên cung kính mà trở lại sanh cung kính; 14. Lỗi lầm do đối với điều

phải che giấu mà không che giấu, đối với điều không nên che giấu mà lại che giấu; 15. Lỗi lầm do đối với điều phải nên huân tập thân cận mà không huân tập thân cận, đối với điều không nên huân tập thân cận mà trở lại huân tập thân cận.

Nên biết trong đây người mới bắt đầu sự nghiệp tu tập, đối với bốn tội vượt hơn người, tuy có lỗi lầm do sự việc trầm trọng mà không có lỗi lầm do triền mãnh lợi, vì người kia ý vui thích xấu ác không mãnh lợi. Mãnh lợi ác đây tức là đối với hạnh Sa-môn không tâm đoái hoài nghĩ đến.

Hoặc người bắt đầu sự nghiệp tu tập, rõ biết pháp đây năng chướng Sa-môn, lực ý lạc mạnh mẽ cho dù nhân duyên mạng sống cũng không trái phạm, nên biết người kia không chỗ phạm. Chế lập chỗ phạm không phải chỉ riêng xét *sự việc trầm trọng,* mà cần yếu nương vào *lực ý lạc tăng trưởng mạnh mẽ.*

Hoặc có người tuy phạm mà không một niệm khởi tâm che giấu, người kia cũng có thể ra khỏi, đối với quả Sa-môn liền có thể kham năng. Ngoài ra, tất cả người phạm vượt hơn người cũng có lỗi lầm do sự việc trầm trọng, cũng có lỗi lầm do các

phiền não triền mãnh lợi, không tàm không quý. Nên biết trong tụ tội vượt hơn người kia, do cả hai lỗi lầm đều nặng nên thành pháp không thể ra khỏi và thành pháp không Bát-niết-bàn.

Hoặc đối với y bát... Thế Tôn khai mở cho phép nên tác tịnh, giữ gìn thọ dụng. Nhưng người kia đều xả bỏ tất cả, hoặc không tác tịnh mà vẫn lấy thọ dụng. Hết thảy tội như vậy bởi nương lỗi lầm do tâm thiếu thốn không biết vui đủ, nên chế lập chỗ phạm.

Hoặc không phải quyến thuộc của Bí-sô-ni mà thọ y và cho y, hoặc cùng Bí-sô-ni kia một mình ở chỗ vắng, hoặc lại phi thời đến giáo thọ mà không được sự đồng ý chấp thuận của các Bí-sô Tăng, hoặc vào lúc khác cùng các thiếu nữ đi chung đường. Hết thảy loại như vậy, nên biết đây gọi là lỗi lầm bị người chê trách nghi ngờ.

Hoặc phi oai nghi mà vào tụ lạc khất thực, thọ dụng; chẳng như pháp tắm giặt, rửa tay, rửa đồ dùng... Hoặc không được người mời thỉnh, trước bữa ăn đi vào nhà người. Hoặc không đúng lúc mà sau khi ăn dạo chơi xóm làng. Hết thảy loại như vậy gọi là lỗi lầm khiến người không tịnh tín càng

thêm bất tín, người có tịnh tín khiến thay đổi.

Hoặc tích trữ vàng bạc, vô số phẩm loại báu vật, mua bán các loại cây rừng, chăn nuôi gia súc, tích trữ xa xí phẩm, ngọa cụ tinh diệu... nên biết gọi là lỗi lầm nhiều các tài bảo, nhiều các sự nghiệp.

Hoặc cố xuất tinh, hoặc lại dùng tay xúc chạm người nữ, hoặc nhân làm mai mối nên tâm bị biến chất nhiễm ô, hoặc vì làm đẹp nên đến thân thuộc truy cầu y phục thượng diệu... nên biết đây gọi là lỗi lầm nhiễm trước.

Hoặc không căn cứ, chỉ mượn việc khác để hủy báng Bí-sô, hoặc dùng lời nói... tất cả mọi việc để ly gián người, nên biết đây gọi là lỗi lầm não người.

Hoặc tự đem lông dê đi quá hơn ba do-tuần, hoặc mang vác nặng, hoặc leo cây quá đầu người... nên biết đây gọi là lỗi lầm phát khởi tật bệnh.

Hoặc vì phá hoại hòa hợp Tăng, nên phương tiện rất mạnh mẽ sắp đặt các việc... nên biết đây gọi là lỗi lầm chướng ngại đến các đường thiện.

Hoặc không làm như điều đã nói, nên biết đây gọi là lỗi lầm chướng ngại Sa-môn.

Hoặc vất bỏ ngọa cụ, y Tăng-già-lê ở nơi vắng

vẻ, phơi trần dưới mặt trời mà đi, hoặc tà thọ dụng... nên biết đây gọi là lỗi lầm đối với điều nên bỏ xa, giữ gìn mà không bỏ xa, giữ gìn và ngược lại.

Hoặc cùng với Bí-sô tà kiến khích lệ cùng chung sống... làm nơi nương tựa... nên biết đây gọi là lỗi lầm đối với việc chẳng nên làm nơi nương tựa lại cùng làm chỗ nương và ngược lại.

Hoặc đối với bậc thầy chỉ dạy đáng quý trọng mà lại xem thường, oán đối, trách cứ, cáu giận, trừng mắt ác nhìn, không cung kính lắng nghe lãnh thọ Kinh Biệt Giải Thoát... nên biết đây gọi là lỗi lầm đối với người phải cung kính mà không cung kính và ngược lại.

Hoặc bổ-đặc-già-la chưa thọ Cụ túc giới mà tuyên bố đã đắc chân pháp quá vượt hơn người; hoặc lại che giấu chỗ phạm tội thô ác của Bí-sô, nên biết đây gọi là lỗi lầm nên che giấu mà không che giấu, không nên che giấu mà lại che giấu.

Hoặc có thọ dụng các sự y phục... bất tịnh phi pháp, nên biết đây gọi là lỗi lầm không nên tập gần mà lại tập gần và ngược lại.

Như vậy đã thuyết 15 lỗi lầm, nên biết ở trong mỗi một chỗ phạm tội kia hoặc có một chủng, hoặc

có hai chủng, hoặc có nhiều chủng.

Lại nữa, lược có 5 pháp thâu nhiếp Tỳ-nại-da. Những gì là năm? 1. Tánh tội; 2. Giá tội; 3. Chế; 4. Khai; 5. Hành.

1. Tánh tội: Vì tánh đây bất thiện, năng làm tạp nhiễm tổn não đối với bản thân, năng làm tạp nhiễm tổn não đối với người. Đối với những việc như vậy mà không có sự ngăn chặn dừng dứt, chỉ hiện hành tức đi vào các đường ác. Nếu không có sự ngăn chặn dừng dứt, chỉ hiện hành tạo tác tức năng chướng ngại chánh hạnh Sa-môn. Nếu có hiện hành sự việc như vậy thảy gọi là tánh tội.

2. Giá tội: Chư Phật Thế Tôn hoặc vì quán hình trạng tướng mạo của kia không như pháp, hoặc vì muốn khiến chúng sanh tôn trọng chánh pháp, hoặc vì thấy việc làm hiện hành của kia thuận theo pháp tánh tội, hoặc vì tùy thuận hộ tâm người, hoặc vì quán xét sự hiện hành kia năng chướng ngại đi đến đường thiện, chướng ngại thọ mạng tánh Sa-môn, cho nên chân chánh ngăn dứt. Nếu có hiện hành sự việc như vậy thảy gọi là giá tội.

3. Chế: Có việc làm hoặc năng đi vào các đường

ác, hoặc năng chướng ngại đi đến đường thiện, hoặc năng chướng ngại chỗ được lợi dưỡng như pháp, hoặc năng chướng ngại thọ mạng, hoặc năng chướng ngại hạnh Sa-môn. Hết thảy loại như vậy, Như Lai ngăn chặn khiến không hiện hành, nên gọi là chế.

4. Khai: Nên biết tướng đây trái với tướng chế đã thuyết ở trước.

5. Hành: Lược có 3 hành: 1. Có phạm; 2. Không phạm; 3. Hoàn tịnh. Ba chủng như vậy lược nhiếp làm hai: 1. Tà hạnh; 2. Chánh hạnh.

Nên biết có phạm gọi là tà hạnh. Nên biết không phạm, hoàn tịnh, gọi là chánh hạnh. Trong đây sao gọi là phạm các tội? Đó là đối với điều nên làm mà không làm, điều nên gia hạnh mà không gia hạnh, điều không nên làm mà lại làm, điều không nên gia hạnh mà lại gia hạnh, nên phạm các tội.

Lại nói lược do 4 nhân duyên nên phạm các tội: 1. Do không hiểu biết; 2. Do phóng dật; 3. Do phiền não mạnh mẽ; 4. Do khinh mạn.

1. Do không hiểu biết nên phạm các tội: Như có người đối với chỗ phạm tội không lắng nghe suy

xét kỹ, không khéo lãnh thọ hiểu biết. Kia không hiểu rõ, không nhận thức, không có huệ hiểu biết, nên đối với chỗ phạm đây khởi tưởng không phạm mà phạm các tội. Như vậy gọi là do không hiểu biết nên phạm các tội.

2. Do phóng dật nên phạm các tội: Như có người đối với chỗ phạm tội tuy có huệ hiểu biết, cũng có nhận thức, cũng có hiểu rõ, mà thường quên mất chánh niệm, trụ không chánh biết. Do người kia không trụ chánh niệm như vậy, cũng không hiểu biết mà phạm các tội. Như vậy gọi là do phóng dật nên phạm các tội.

3. Do phiền não mạnh mẽ nên phạm các tội: Như có người đối với chỗ phạm đây tuy có hiểu rõ, cũng có huệ hiểu biết, cũng có nhận thức, mà bản tánh kia tham sân si... rất mạnh mẽ. Do người kia tham sân si quá mạnh mẽ, tuy biết việc đó không được làm mà bị phiền não triền bức bách, không được tự tại nên phạm các tội. Như vậy gọi là do phiền não mạnh mẽ nên phạm các tội.

4. Do khinh mạn nên phạm các tội: Như có người đối với chỗ phạm tội tuy có hiểu rõ, có huệ hiểu biết, có nhận thức, mà tín hiểu rất thấp kém,

nhân hành thiện đời trước không mạnh mẽ. Do tín hiểu rất thấp kém, nên đối với tánh Sa-môn, đối với Bát-niết-bàn không lòng nhớ nghĩ. Đối với Phật, Pháp, Tăng không cung kính, không kiêng sợ, cũng không biết tàm quý. Đối với sở học không lấy việc thực hành cho là vui. Do khinh mạn nên theo ý muốn mà rộng phạm các tội. Như vậy gọi là do khinh mạn nên phạm các tội.

Nên biết trong bốn nhân duyên trên, do không hiểu biết, do phóng dật mà phạm các tội, là không nhiễm ô. Do phiền não mạnh mẽ, do khinh mạn mà phạm các tội, gọi là nhiễm ô.

Lại do 5 nhân duyên nên chỗ phạm thành ba phẩm nặng, trung và nhẹ sai khác. Những gì là năm? 1. Do tự tánh; 2. Do hủy phạm; 3. Do ý lạc; 4. Do sự; 5. Do tích tập.

1. Do tự tánh: Tụ tội vượt hơn người là tội thuộc phẩm nặng. Tụ tội chúng dư là tội thuộc phẩm trung. Tụ tội còn lại là tội thuộc phẩm nhẹ.

Lại có cách nói khác: Tụ tội vượt hơn người và tụ tội chúng dư là tội thuộc phẩm nặng. Tụ tội đọa tử và biệt hối là tội thuộc phẩm trung. Tụ tội ác tác là tội thuộc phẩm nhẹ.

Như vậy nên biết do tự tánh nên các chỗ phạm thành ba phẩm nặng, trung và nhẹ sai khác.

2. Do hủy phạm: Do không hiểu biết và do phóng dật mà phạm các tội là tội thuộc phẩm nhẹ. Do phiền não mạnh mẽ mà phạm các tội là tội thuộc phẩm trung. Do khinh mạn mà phạm các tội là tội thuộc phẩm nặng. Như vậy nên biết do hủy phạm nên các chỗ phạm tội thành ba phẩm nhẹ, trung và nặng sai khác.

3. Do ý lạc: Do tham, sân, si triền phẩm hạ mà phạm các tội là tội thuộc phẩm nhẹ. Do tham sân si triền phẩm trung mà phạm các tội là tội ở thuộc phẩm trung. Do tham sân si triền phẩm thượng mà phạm các tội là tội thuộc phẩm nặng. Như vậy nên biết do ý lạc nên các chỗ phạm tội thành ba phẩm nhẹ, trung và nặng sai khác.

4. Do sự: Tuy hiện hành tương tợ như chỗ phạm ý lạc, mà do sự việc chẳng phải cùng một dạng loại, nên chỗ phạm thành ba phẩm nhẹ, trung và nặng sai khác. Như do sân triền, nên đối với các chúng sanh như thú bàng sanh... nghĩ đến việc sát hại sanh mạng, phát sanh tội đọa tử. Tương tự như vậy, tức do sân triền, hoặc đối với người, hoặc

đối với hình dáng người, chẳng phải cha, chẳng phải mẹ, cố ý nghĩ đến việc sát hại, phát sanh tội vượt hơn người, nhưng đây chưa phải tội vô gián. Tương tự như vậy, tức do sân triền, nên đối với người như cha mẹ, cố nghĩ đến việc sát hại, phát sanh tội vượt hơn người, cũng là tội vô gián. Như vậy nên biết do sự khác nhau nên các chỗ phạm tội thành ba phẩm nhẹ, trung và nặng sai khác.

5. Do tích tập: Như có người phạm một tội mà không thể như pháp nhanh chóng hối trừ. Như vậy cho đến hoặc hai, hoặc ba, cho đến hoặc năm. Đây nên biết do tích tập nên thành tội thuộc phẩm nhẹ. Từ đây về sau hoặc phạm cho đến mười tội, hoặc phạm hai mươi, hoặc phạm ba mươi, cho đến hoặc phạm các tội có thể đếm được mà không như pháp nhanh chóng hối trừ. Như vậy nên biết do tích tập nên thành tội thuộc phẩm trung. Nếu chỗ phạm tội đây số vô lượng không thể biết rõ "Ta nay đã hủy phạm bao nhiêu tội trọng như vậy", nên biết do tích tập nên thành tội thuộc phẩm nặng.

- Sao gọi là *nên làm*? Nếu đối với điều *nên làm* kia mà không làm và không gia hạnh, tức liền

thành hủy phạm.

Chỗ *nên làm* đây lược có 5 chủng: 1. Đối với việc thôn xóm đáng nên làm; 2. Đối với việc đạo tràng đáng nên làm; 3. Đối với các việc phẩm thiện đáng nên làm.

Đối với việc thôn xóm đáng nên làm: hoặc vì việc y phục của mình mà vào thôn xóm, hoặc vì việc Phật Pháp Tăng, hoặc vì việc đồng phạm hạnh, hoặc vì người chưa tín khiến sanh tín, người đã tín khiến càng thêm tăng trưởng... nên vào thôn xóm.

Các việc phẩm thiện đáng nên làm lại có 2 chủng: 1. Tư lương đáng nên làm: như 13 chủng tư lương trong *Thanh văn địa* đã thuyết; 2. Thanh tịnh đáng nên làm: như tu tác ý trong *Thanh văn địa* đã thuyết.

Trái với tướng đây như chỗ thích hợp tức là 5 việc không nên làm, năng chướng ngại 5 việc nên làm.

- Sao gọi là *không phạm*? Là 5 nhân duyên khiến không chỗ phạm. Những gì là năm? Do an trụ mật hộ căn môn, ăn uống biết lượng, đầu đêm cuối đêm thường không ngủ nghỉ, siêng tu chánh hạnh thù thắng, an trụ chánh biết, gọi là nhân

duyên thứ nhất.

Ở nơi hạnh Sa-môn, phát khởi tinh cần nhớ nghĩ phẩm thượng; đối với Đại sư, các bậc trí giả đồng phạm hạnh, sanh khởi quý trọng cung kính phẩm thượng; ở nơi tội hiện hành, phát khởi tàm quý mãnh lợi tăng thượng, gọi là nhân duyên thứ hai.

Giữ gìn ít tài vật, ít sự, ít nghiệp, không nhiều việc vội bạo, gọi là nhân duyên thứ ba.

An trụ vui đủ, năng khéo rõ biết việc kia là phạm, không phạm; không cùng người thế gian giao du phóng túng; chuyên tâm tu phẩm thiện từng không khuyết hở gián đoạn, gọi là nhân duyên thứ tư.

Người mới bắt đầu sự nghiệp tu tập, tâm ngu si cuồng loạn, bị ưu não bức bách, gọi là nhân duyên thứ năm.

Nên biết do 5 nhân duyên đây, ngay từ lúc ban đầu không phạm các tội.

- Sao gọi là *hoàn tịnh*? Như có người tùy theo chỗ phạm tội mà sanh khởi 5 chủng ác tác. Người kia liền nhiếp vào 5 chi *hành không phóng dật,* lấy đây làm chỗ nương. Do nương 5 chủng tướng

như vậy, nên dứt trừ được 5 chủng ác tác đã sanh khởi kia.

- Sao gọi là *năm chủng sanh khởi ác tác*? 1. Sanh khởi ác tác: "Do nhân duyên ta hủy phạm tịnh giới, về sau nhất định tự mình trách lấy mình"; 2. Sanh khởi ác tác: "Do nhân duyên ta hủy phạm tịnh giới, nhất định sẽ bị chư thiên quở trách"; 3. Sanh khởi ác tác: "Do nhân duyên ta hủy phạm tịnh giới, nhất định sẽ bị Đại sư, các bậc có trí đồng phạm hạnh cùng quở trách"; 4. Sanh khởi ác tác: "Do nhân duyên ta hủy phạm tịnh giới, nhất định khắp các phương chỉ hiển hiện lưu bố danh ác, xưng ác, tiếng ác, tụng ác"; 5. Sanh khởi ác tác: "Do nhân duyên ta hủy phạm tịnh giới, thân hoại rồi sau nhất định sẽ đọa trong các đường ác".

Tướng của 5 chi nhiếp lấy *hành không phóng dật* nên biết như *Thanh văn địa* đã thuyết, đó là tiền tế đồng hành, hậu tế đồng hành, trung tế đồng hành, sở tác lúc đầu và tùy hành.

- Sao gọi là *do 5 chủng tướng trừ khiển 5 chủng sanh khởi ác tác kia*? 1. Khởi nghĩ: "Thế Tôn sở thuyết chánh pháp đều có nhân duyên, cũng có ra khỏi xa lìa, tuy đã phạm tội nhưng đều

có thể hoàn tịnh", do đây trừ khiển sự sanh khởi ác tác kia; 2. Do không hiểu biết, phóng dật, phiền não thiêu đốt mạnh mẽ và khinh mạn, nên phạm các tội, tức liền khởi nghĩ: "Ta đã đoạn trừ sự không hiểu biết cho đến khinh mạn. Ta đã sanh khởi chánh trí cho đến tôn kính", do đây trừ khiển sự sanh khởi ác tác; 3. Khởi nghĩ: "Ta đã sanh khởi, quyết định đương lai không phạm ý lạc", do đây trừ khiển sự sanh khởi ác tác; 4. Khởi nghĩ: "Ta đối trước các đồng phạm hạnh có trí đã phát lồ sám hối diệt trừ", do đây trừ khiển sự sanh khởi ác tác; 5. Khởi nghĩ: "Ta ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da của Phật đã xuất gia rồi, tuy trái vượt học xứ mà năng sám hối diệt trừ đã là lành thiện. Nhưng Bạc-Già-Phạm dùng vô lượng môn chê trách sự tương tục phát khởi ác tác là cái, là chướng. Nay ta ở nơi kia nếu trụ nhiều chấp đắm kiên cố không thể trừ khiển, thì chẳng phải là cực lành thiện", do rõ biết như vậy nên trừ khiển sự sanh khởi ác tác. Như vậy gọi là chỗ phạm được hoàn tịnh.

Lại nữa, lược có 5 tùy hành pháp Tỳ-nại-da, Bí-sô siêng học nương Tỳ-nại-da phải thuận hành ở nơi pháp kia. Những gì gọi là năm? 1. An trụ; 2.

Nơi ở; 3. Chỗ nương; 4. Thọ dụng; 5. Yết-ma.

1. An trụ: Bí-sô siêng học nương Tỳ-nại-da, phải nên an trụ 5 chủng tưởng trụ. Những gì là năm? 1. Nếu vào thôn xóm phải an trụ tưởng "vào lao ngục"; 2. Nếu ở đạo tràng, thường an trụ tưởng "mình là Sa-môn". Nên biết trong đây tưởng Sa-môn như vầy: "Hiện nay ta đã xả bỏ hình tướng thế tục, thọ sắc hình riêng khác. Ta đã thọ trì sự hoại sắc..." như kinh đã nói rộng. Quán sát sâu kỹ rõ ràng đạo lý 22 xứ; 3. Nếu khi ăn uống, thường phải an trụ tưởng "vì trị bệnh"; 4. Nếu ở chốn viễn ly, ở nơi mắt nhận biết sắc và tai nhận biết thanh... nên an trụ tưởng "như đui điếc câm ngọng..."; 5. Nếu khi ngủ nghỉ, phải nên khởi tưởng "như hươu chạy trong rừng hoang, đồng trống đáng kinh sợ, khó bảo toàn mạng sống".

Bí-sô siêng học nương Tỳ-nại-da thường phải an trụ năm tưởng trụ đây. Ở nơi tưởng trụ đây đã an trụ thành tựu rồi, giả sử có làm quốc vương, hiện tiền thọ dụng y phục, thức ăn uống, ngọa cụ mà không đọa ở biên hành thọ dụng dục lạc.

2. Nơi ở: Đó là 5 nơi ở: 1. Nơi ở của Bí-sô; 2. Nơi ở của Bí-sô-ni; 3. Nơi ở của ngoại đạo; 4. Nơi ở của Bí-sô tạp nhiễm; 5. Nơi ở của Bí-sô không tạp nhiễm.

Nơi ở của Bí-sô: ở chốn đây có các Bí-sô hạ, trung, thượng tọa cùng cư trú.

Nơi ở của Bí-sô ni: ở chốn đây có Bí-sô-ni hạ, trung, thượng tọa cùng cư trú.

Nơi ở của ngoại đạo: ở chốn đây có nhiều ngoại đạo cùng cư trú, như ngoại đạo lìa hệ buộc, tịnh mạng, bôn ba thâu nhận nhiều y nhiều bát... hết thảy loại như vậy.

Nơi ở của Bí-sô tạp nhiễm: ở chốn đây đều không thực hiện tất cả Yết-ma, hoặc chỉ thực hiện một phần Yết-ma.

Nơi ở của Bí-sô không tạp nhiễm: ở chốn đây thực hiện đầy đủ tất cả Yết-ma.

Lại nơi ở của Bí-sô không tạp nhiễm, nên biết chúng hội an lập đầy đủ trang nghiêm. Nếu nơi ở của Bí-sô tạp nhiễm, nên biết chúng hội an lập hỗn tạp.

Nếu có người vui thích quý trọng sở học Bí-sô, đối với nơi ở Bí-sô tạp nhiễm, phải cố tư duy xả bỏ

lợi dưỡng, xả bỏ cung kính, không nên dừng nghỉ; trừ khi có nguy nạn tạm thời nương ở, hoặc nếu lỡ đường tạm thời dừng nghỉ, hoặc vì muốn cất nhắc chúng Bí-sô kia ra khỏi bất thiện, an đặt nơi thiện mà phải dừng nghỉ.

Đối với nơi ở của chúng Bí-sô-ni, không nên dừng nghỉ, trừ ba nhân duyên như trước đã nói. Nơi ở của ngoại đạo nên biết cũng vậy.

Đối với nơi ở của Bí-sô không tạp nhiễm, tuy chân chánh tư duy quyết dừng nghỉ cư trú cho đến tận hết thọ mạng, mà thường nhớ nghĩ như khách tạm trọ. Nếu có Bí-sô tuy sống nơi các trú xứ như vậy, phải ghi nhớ chủng chủng tưởng lo ngại. Tuy sống ở chốn không cơ hiềm như vậy, mà phải luôn nhớ sự răn nhắc của các bậc có trí đồng phạm hạnh.

3. Chỗ nương: Là 5 chỗ nương. Những gì là năm? 1. Chỗ nương là thôn điền; 2. Chỗ nương là nơi cư trú; 3. Chỗ nương là bổ-đặc-già-la; 4. Chỗ nương là các vật dụng y phục...; 5. Chỗ nương là oai nghi.

Hoặc nương thôn xóm, thành đô, địa phương,

phân sở mà được cư trú an ổn, nên biết gọi là chỗ nương là thôn điền.

Hoặc nương vườn rừng, hoặc các tự viện đã đi qua ở thời hành xứ... mà được cư trú an ổn, nên biết đây gọi là chỗ nương là nơi cư trú.

Hoặc nương những người là thí chủ, Quỹ phạm, Thân giáo, huấn dạy, khiến nhớ nghĩ, dạy răn dạy trao, thuyết chánh pháp, mà được cư trú an ổn, nên biết gọi là chỗ nương là bổ-đặc-già-la.

Hoặc nương thuận theo đạo, tùy theo đó có được đầy đủ y phục hoặc thô, hoặc diệu, thức uống ăn, thuốc trị bệnh và các thứ vật dụng nuôi thân mà được cư trú an ổn, nên biết gọi là chỗ nương là các y phục, vật dụng...

Hoặc nương chỗ đây, tùy theo từng thời gian thân hành bốn oai nghi, được tùy theo ý vui mà trụ an lạc, nên biết gọi là chỗ nương là oai nghi.

Nếu thuận theo chỗ nương như vậy mà an trú, trọn chẳng bị khổ não vô nghĩa, phi thánh dẫn phát những điều mệt mỏi, hư xấu tự tổn hại mình.

4. Thọ dụng: Có 5 chủng thọ dụng bất tịnh và 5 chủng thọ dụng thanh tịnh.

Năm chủng thọ dụng bất tịnh: 1. Thọ dụng vật của tháp mà không do mắc phải trọng bệnh, giả sử gặp phải bệnh nặng nhưng đã có phương kế khác; 2. Thọ dụng các vật của Tăng-già, chẳng phải Tăng trao cho, không ở trong bát, chẳng phải Tăng phân chia cấp cho; 3. Thọ dụng vật riêng của người khác, không phải từ người trao cho, không phải người kia chấp nhận, tùy ý thọ dụng; 4. Thọ dụng vật không phải do tin tưởng giao cho, tức là tất cả sở hữu mà chẳng được sự ủy phó tin giao, thì không được thọ dụng; 5. Thọ dụng các vật bị nhiễm bẩn cấu uế...; hoặc nếu tập quen gần gũi sẽ tổn giảm các thiện pháp, tăng trưởng các bất thiện pháp; hoặc lúc tập quen gần gũi khiến người thế gian sanh khởi chê trách, khiến người thế gian chán ngán xem thường, người chưa sanh tín khiến càng chẳng tín, người đã sanh tín khiến thay đổi. Đây gọi là 5 chủng thọ dụng bất tịnh, Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da phải nên xa lìa.

Trái với tướng đây nên biết là 5 chủng thọ dụng thanh tịnh, Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da được phép thọ dụng. Như vậy nếu Bí-sô tùy hành thọ dụng thanh tịnh, xa lìa thọ dụng bất tịnh, mới

năng khéo đền đáp ân của tín thí.

5. Yết-ma: Tất cả Yết-ma lược có 4 chủng: 1. Đơn bạch Yết-ma; 2. Bạch nhị Yết-ma; 3. Bạch tứ Yết-ma; 4. Ba ngữ Yết-ma.

Bốn Yết-ma đây lược có 2 sự làm chỗ nương: sự thuộc số hữu tình làm chỗ nương và sự thuộc số vô tình làm chỗ nương.

- Sự thuộc số hữu tình làm chỗ nương là các Yết-ma như Yết-ma xuất gia, hoặc Yết-ma thọ Cụ túc, hoặc Yết-ma bổ-đặc-già-la đồng ý, hoặc Yết-ma xuất tội, hoặc Yết-ma cử tội, hoặc Yết-ma đuổi bỏ, hoặc Yết-ma hai chúng thọ an cư, mười đêm, hai mươi đêm, bốn mươi đêm... Như vậy hoặc vì nhiếp thọ hữu tình, hoặc vì chiết phục hữu tình mà thi thiết Yết-ma. Đây gọi là Yết-ma do sự thuộc số hữu tình làm chỗ nương.

- Sự thuộc số vô tình làm chỗ nương là các Yết-ma như Yết-ma thọ trì y bát, hoặc Yết-ma trì y công đức, hoặc hộ y, hoặc không xả y, hoặc Yết-ma kiết giới, hoặc Yết-ma đồng ý tịnh ngũ cốc. Hết thảy loại Yết-ma như vậy, nên biết gọi là Yết-ma do sự thuộc số vô tình làm chỗ nương.

Lại, Yết-ma đây nên biết hoặc có hai chúng cùng làm, hoặc có bốn chúng cùng làm, hoặc có mười chúng cùng làm, hoặc có hai mươi chúng cùng làm, hoặc có bốn mươi chúng cùng làm, hoặc hợp nhiều chúng cùng làm.

- Hai chúng cùng làm: là một Bí-sô đối trước một Bí-sô.

- Ba chúng cùng làm: là Yết-ma biệt hối phát lồ hối trừ, hoặc tội đọa tử, hoặc tội ác tác...

- Bốn chúng cùng làm: là Yết-ma phát lồ hối trừ, như có người phạm tội thô rồi đối trước bốn người mà phát lồ hối trừ.

- Mười chúng cùng làm: là Yết-ma thọ Cụ túc.

- Hai mươi chúng cùng làm: là Yết-ma khiến Bí-sô ra khỏi tội chúng dư và Yết-ma Bí-sô-ni thọ Cụ túc.

- Bốn mươi chúng cùng làm: là Yết-ma khiến Bí-sô-ni ra khỏi tội chúng dư.

- Hợp nhiều chúng cùng làm: là Yết-ma tăng trưởng, hoặc Yết-ma nêu ra sự phóng túng buông lung, hoặc Yết-ma thuộc các chủng loại khác.

Bốn Yết-ma đây do sự việc sai khác nên Yết-ma thành vô lượng chủng sai khác, nếu nói rộng

nên biết như Ma-đát-lý-ca Tỳ-nại-da. Như vậy đã hiểu rõ các Yết-ma, Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da tùy theo đó mà làm các Yết-ma, ở nơi tội đã phạm mà được khéo léo; ở nơi việc ra khỏi, xa lìa tội ấy cũng được khéo léo; tự thân gìn giữ, hộ trì, xa lìa khiến được thanh tịnh lìa các tội trái vượt.

Lại nữa, Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nên biết có 5 pháp học trái nghịch phải nên xa lìa. Lại có 5 chủng pháp học tùy thuận phải nên thọ trì.

Năm pháp học trái nghịch: 1. Chướng ngại; 2. Tương tợ chánh pháp; 3. Bạn ác; 4. Phiền não ngu si, nóng nảy mạnh mẽ; 5. Lực tư lương đời trước kém ít.

1. Chướng ngại: có 5 chướng ngại: a. Chướng ngại tăng thượng giới; b. Chướng ngại tăng thượng tâm; c. Chướng ngại tăng thượng tuệ; d. Chướng ngại đến cõi thiện; e. Chướng ngại lợi dưỡng, thọ mạng và công việc làm.

a. Chướng ngại tăng thượng giới: như có người hoặc là nô tỳ, hoặc do chiếm được, hoặc do lời gởi, nói rộng cùng tương ưng với tất cả pháp chướng

ngại xuất gia. Như vậy gọi là chướng ngại tăng thượng giới.

b. Chướng ngại tăng thượng tâm: có 11 chướng ngại nên biết gọi là chướng ngại tăng thượng tâm, đó là số và chúng hội là ban đầu; phần xứ, cư trú là sau.

c. Chướng tăng thượng tuệ: đối với chánh pháp và vị thầy thuyết pháp không khởi cung kính, khinh miệt chánh pháp và thầy thuyết pháp. Đã tự mình khinh khi, lại keo lẫn pháp, chướng ngại người nghe chánh pháp, khiến họ trái ghét chánh pháp, hủy báng chánh pháp. Hết thảy loại như vậy nên biết đều gọi là chướng ngại tăng thượng tuệ.

d. Chướng ngại an trụ các cõi thiện: có người ác dục, tà kiến, nhiều các phẫn hận, nói rộng cho đến có sắc loại như vậy, lãnh thọ các pháp học, triển chuyển các pháp học thuận theo các đường ác. Nên biết đây gọi là chướng ngại thuận theo đường ác.

e. Chướng ngại lợi dưỡng: tức là theo việc đã làm khiến người chưa tín lại càng tăng thêm bất tín, người đã tín khiến thay đổi không vui với công đức. Mọi lúc đều không tinh siêng tu tập sự nghiệp

phước thí, không vui dẫn nhiếp lợi ích an lạc cho người... hết thảy loại như vậy.

Chướng ngại thọ mạng: tức là không cẩn trọng tránh xa voi ác, nói rộng cho đến chẳng khéo xa lìa những nơi hiểm nguy, có tai hại, có tật dịch; lại không xa lìa các nhân các duyên khiến thọ lượng chưa tận mà bị chết yểu... hết thảy loại như vậy.

Chướng ngại công việc làm: là năng chướng ngại các sự nghiệp như việc y bát... Như vậy tất cả gom chung làm một, nên gọi là chướng lợi dưỡng, thọ mạng, công việc làm.

2. Tương tợ chánh pháp: lược có 2 chủng tương tợ chánh pháp: a. Giáo tương tợ chánh pháp; b. Hành tương tợ chánh pháp.

Nếu ở nơi phi pháp sanh tưởng cho là pháp, hiển thị phi pháp tương tợ cho là pháp, khiến người sanh tưởng là chánh pháp. Như vậy cho đến giáo pháp chân thật, sâu xa mà cho là chẳng phải chánh pháp, lại chỉ bày tương tợ chánh pháp. Vậy nên gọi là giáo tương tợ chánh pháp.

Nếu lại rộng vì người tuyên thuyết khiến thọ học như thế, cũng tự mình hư vọng khởi tưởng cho

là pháp rồi theo đó tu hành, tập quen các tà hạnh, tự kiêu mạn xưng rằng: "Ta năng tu là chánh hạnh". Nên biết đây gọi là hành tương tợ chánh pháp. Vì tuyên thuyết rộng tương tợ chánh pháp, nên tiếp tục thuyết phần trung gian. Ốt-Đà-Nam nói:

Năm chủng, pháp đứng đầu...
Kế căn, các kiến thảy
Phi xứ, ác tác thảy
Bạo ác giới... sau cùng.

Có các kẻ tạo lập văn cú tương tợ giáo pháp Như Lai sở thuyết, ở trong các kinh thiết lập ngụy kinh, ở trong các luật thiết lập ngụy luật. Như vậy gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại do kiến tăng thêm, hoặc do kiến tổn giảm, nên tăng thêm đối với việc không thật có, tổn giảm đối với việc thật có. Do phương tiện đây, nên ở nơi vô thường... chủng chủng nghĩa môn, rộng vì người tuyên thuyết khai thị. Tự mình tu tập hành trì như vậy, lại khiến người tu tập hành trì, cả hai cùng hành. Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại đối với bổ-đặc-già-la tuyên thuyết kinh

điển, tà chấp phân biệt nói chân thật có bổ-đặc-già-la. Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại ở trong chủng chủng pháp giả có, mà tuyên thuyết khai thị là thật có tánh. Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại ở nơi hạnh xa lìa tất cả hý luận, cứu cánh Niết-bàn, mà phân biệt là có, hoặc chẳng phải có, nên thuyết là tánh có, hoặc là tánh chẳng phải có. Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một loại bổ-đặc-già-la tác thuyết như vầy: "Thế Tôn tuyên thuyết khai thị, xưng dương tán thán, khích lệ gia hạnh mật hộ căn môn. Do nhân duyên đây, thà rằng không ngắm nhìn sắc, cho đến không khởi ý tư duy đối với pháp, chứ không thể ở nơi ngắm nhìn các sắc, cho đến dụng ý tư duy các pháp mà bị trói cột nhớ nghĩ". Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại nghe Thế Tôn tuyên thuyết khai thị, xưng khen hạnh an trụ tĩnh lặng chất trực, bèn nói như vầy: "Thà không trách cứ, cũng không có định kiến so lường với người, đối với người nên chê trách thì không chê trách, đối với người nên tán thán cũng không tán thán, mà cũng chẳng có chỗ chê trách

tán thán". Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại nghe Thế Tôn tuyên thuyết khai thị xưng khen hạnh nói lời hòa nhã, nhu nhuyến bèn nói lời như vầy: "Thọ giới im lặng, thảy không nói năng là cực lành thiện". Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại nghe Thế Tôn xưng khen hạnh tiết lượng y phục, vật thực, liền nói lời như vầy: "Trụ đoạn thực, hành lõa thể mới thật là diệu thiện". Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại nghe Thế Tôn tuyên thuyết khai thị, xưng khen hạnh lìa nói tạp, dừng các nói năng và sự nghiệp, liền nói lời như vầy: "Xả bỏ ngọa cụ, tịch tĩnh nhàn cư, không tu tập mới thật là mỹ diệu". Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại nghe Thế Tôn thuyết: "Tâm dẫn dắt thế gian, tâm tạo làm tất cả, tùy theo tâm sanh khởi đều được tự tại mà chuyển"... Đối với nghĩa thú các kinh như vậy, kẻ kia đều không như thật rõ biết. Hoặc có một loại bổ-đặc-già-la do chấp thủ ác nói lời như vầy: "Chỉ có một thức rong ruổi trong sanh tử, không hai không khác". Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có kẻ nói lời như vầy: "Nghe Phật cho phép bổ-đặc-già-la sĩ phu trì giới được thọ dụng trăm vị thức ăn, trăm ngàn y phục không chướng đạo. Giả sử có chánh thọ dụng các phẩm vật đây, cũng không chướng ngại gì".

Lại có một hạng người do chấp thủ ác nói lời như vầy: "Thế Tôn sở thuyết các dục năng chướng ngại đạo. Giả sử chỉ thân cận thôi, thì cũng không đủ công năng làm chướng". Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại nghe Phật thuyết: "Chư A-la-hán ở trong hiện pháp đối với ngôn thuyết thực, uẩn, giới, xứ... không xả, không thủ". Kẻ kia không như thật rõ biết, liền nói lời như vầy: "Như ta hiểu lời Phật thuyết thì A-la-hán Tăng ở nơi sự chết, về sau không còn sự hiểu biết rõ ràng". Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người không như thật rõ biết hai đạo lý đế là thắng nghĩa và thế tục. Trái với hai lý đế nói lời như vầy: "Các uẩn vô ngã, nếu vô ngã làm sao tạo tác các nghiệp khiến ta đạt đến xúc và chứng?". Nên biết cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người bản tánh ngu si, hành nhiều phỉ báng. Kẻ kia đối với chín chủng chánh trụ nội tâm không như thật rõ biết; đối với quán hành đế, quán hành niệm trụ cũng không như thật biết. Do không biết nên vì người tuyên thuyết: "Chỉ cần tác ý tín hiểu chính là phẩm Xa-ma-tha, chỉ cần tác ý tín hiểu chính là phẩm Tỳ-bát-xá-na, chỉ cần tác ý tín hiểu thì năng tự được rốt ráo". Kẻ kia tự mình cũng huân tập hành theo tướng như vậy. Nên biết đây cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người ác tác phi xứ mà không tư duy. Đây cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người đối với việc đọc tụng, quán hành, tác ý đều năng kham nhiệm, khiến tự mình tăng thêm sự vui vẻ, cũng ở nơi việc ấy cho là công đức thù thắng, cho nên vì người tuyên thuyết. Đây cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người ở nơi giới, ở nơi tu có khả năng kham nhiệm, mà ở nơi huệ thí thấy công đức thù thắng, nên du ngoạn các phương. Do đây ở nơi các cấm giới ngăn ngừa, dừng dứt, phần nhiều có hủy phạm, tích chứa gom nhóm tài vật để phụng thí Phật Pháp Tăng. Nên biết đây cũng gọi là

tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người đã được xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, rồi triển chuyển tương dẫn lấy việc lắng nghe làm rốt ráo. Nên biết cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người thấy các Bí-sô phước lớn, dòng tộc lớn có nhiều lợi dưỡng y phục... bèn xả bỏ hạnh thiểu dục đi đến chỗ kia thăm hỏi, hiện tướng thân cận dạy bảo, khiến tân Bí-sô bị tác động nên sanh khởi tà tâm. Nên biết cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người xả bỏ kinh điển tương ưng tánh Không thẳm sâu Như Lai đã thuyết, chuyên vui tập học thuận theo văn chương chú thuật thế gian mà không tự quán xét, cho là thông minh nên ôm lòng ngạo mạn, lại muốn người biết mình là bậc thông minh. Nên biết cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người chiết phục các kẻ bạo ác cùng những kẻ phạm giới, muốn cùng kẻ bạo ác phạm giới kia làm điều không nhiêu ích, phát khởi tư duy ác. Nên biết cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người dối trá tu tập chủng

chủng oai nghi. Nên biết cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người lấy sự hiểu biết văn chương chú thuật thế gian mà mong cầu thu được nhiều lợi dưỡng. Nên biết cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người tổn não người, dùng phi pháp như vậy kiến lập tội phước để thu gom, tích chứa tài bảo. Nên biết cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại tức kia năng dẫn vô nghĩa, dùng các nhân duyên khai thị, kiến lập tương tợ chánh pháp. Nên biết cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Như vậy, tất cả tương tợ chánh pháp đây đều là pháp học trái nghịch.

3. Bạn ác: Tánh tướng bạn ác nên biết như *Thanh văn địa* và *Bồ-tát địa* đã rộng thuyết. Lại nếu nói lược về tướng bạn ác đây, tức là hoặc ở nơi sự phóng dật, hoặc ở nơi các ác hành, hoặc ở nơi các công đức thiện thấp kém mà khích lệ lẫn nhau, nên biết hết thảy loại như vậy đều gọi chung là bạn ác.

4. Phiền não ngu si, nóng nảy mạnh mẽ: Các chủng loại ngu si, tối tăm, thấp hèn, phát khởi phiền não mạnh mẽ lâu dài... đây gọi là phiền não ngu si cháy mạnh.

5. Lực tư lương đời trước kém ít: Đời trước không tu tập thiện pháp như tín... nên nay trong hiện pháp tín... rất yếu kém. Tuy rất chân thành ân trọng, nhưng không đủ lực kham năng khiến trong hiện pháp hoạch đắc Niết-bàn. Đây gọi là tư lương đời trước kém ít, nên trong hiện pháp lực đây yếu nhược.

Như trên gọi là 5 chủng pháp học trái nghịch. Trái với tướng đây nên biết là 5 chủng pháp học tùy thuận. Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da vì muốn thành tựu 5 chủng pháp học tùy thuận kia, nên chân chánh tu tập tất cả học xứ.

Lại nữa, thành tựu 5 chủng pháp tùy thuận như vậy, lại có 5 pháp năng phòng hộ giới uẩn: 1. Chánh xuất gia; 2. Khéo thỉnh hỏi; 3. Quán sát sâu; 4. Tu đối trị; 5. Nhậm trì tín.

Nếu không bị sự lệ thuộc mà cầu xuất gia... như trước nói rộng, chỉ vì quý trọng vui thích sở học,

chỉ vì Niết-bàn mà cầu xuất gia. Nên biết đây gọi là chánh xuất gia.

Đã xuất gia rồi, đối với phạm, không phạm và hoàn tịnh, những điều chưa hiểu rõ, tự đến cung kính thỉnh hỏi Bí-sô trì Kinh, Luật, Luận để quyết nghi, liền được vị kia khai tỏ. Đây gọi là khéo thỉnh hỏi.

Tự mình ba thời quán sát giới, hoặc phần đầu ngày, hoặc phần giữa ngày, hoặc phần cuối ngày, nếu thấy không phạm liền sanh hoan hỷ, đêm ngày tinh cần an trụ tùy học; nếu thấy có phạm tức liền nhanh chóng như pháp hối trừ. Nên biết Đây gọi là quán sát sâu.

Tùy lúc, hoặc vào đầu đêm, cuối đêm, hoặc vào ban ngày, tư duy tu tập đối trị các phiền não tham... không chỉ lắng nghe lời dạy về giới mà sanh vui đủ. Đây gọi là tu đối trị.

Tin hiểu sâu rằng: "Nếu hủy phạm năng chiêu cảm quả phi ái; nếu không hủy phạm sẽ cảm quả khả ái về sau". Đây gọi là nhậm trì tín.

Lại lấy "chánh xuất gia" làm chỗ nương, nên hành 4 việc khác. Đó là nương thỉnh hỏi chân chánh, nên trọn chẳng phạm lỗi do không hiểu

biết mà phạm. Nương quán sát sâu, nên trọn không phạm lỗi do phóng dật mà phạm. Nương tu đối trị, nên trọn không phạm lỗi do phiền não thiêu đốt mạnh mẽ mà phạm. Nương nhậm trì tín, nên trọn không phạm lỗi do khinh mạn mà phạm.

Như vậy vì nương 5 chủng pháp đã nói trên nên năng phòng hộ giới uẩn, cho nên gọi là khéo phòng hộ.

Lại nữa, Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da, do 5 chủng pháp tịch tĩnh nên năng đoạn trừ các ác. Những gì là năm? 1. Nhu hòa dễ cùng cộng trú; 2. Đoạn; 3. Đoạn chi; 4. Cung kính phụng sự; 5. Dứt sự tranh cãi.

1. Nhu hòa dễ cùng cộng trú: Như kinh thuyết thì lược có 6 chủng pháp lạc khả ái.

Nên biết trong đây do nương thân... nên đối với đồng phạm hạnh hiện hành điều không tốt đẹp, không đáng ưa thích. Lại ở trong Tăng-già chung có tài vật, mà thọ dụng không đồng đều. Lại có giới, kiến, pháp không đồng phận. Tất cả do tánh không nhu hòa, tâm thường xoay vần triển chuyển cấu khinh mạn, nên khó thể cùng cộng trú.

Như vậy gọi là chỗ đối trị với pháp lạc khả ái.

Trái với tướng trên là pháp lạc khả ái. Do nhân duyên 3 chủng phẩm bạch đây, nên biết kiến lập 6 chủng pháp lạc khả ái. Do phẩm bạch thứ nhất kiến lập ba chủng đầu. Do phẩm bạch thứ hai kiến lập chủng thứ tư. Do phẩm bạch thứ ba kiến lập chủng thứ năm và thứ sáu.

Lại ở trong đây phương tiện khiến các nghiệp thân, ngữ, ý của người có được lợi ích an lạc đáng vui, chánh kiến hiện tiền, gọi là bạn thiện từ. Hoặc vật khiến thọ dụng thanh tịnh, nên biết vật đây gọi là lợi dưỡng như pháp. Hoặc vật đây không nương tà mạng mà có, không phải phương tiện phi pháp mà thu được, gọi là như pháp mà có được. Hoặc vật đã đặt ở trong bát, nên biết vật đây gọi là ở trong bát. Hoặc vật tuy chưa đặt trong bát mà sắp muốn đặt, nên biết vật đây gọi là thuộc về bát. Hoặc vật thực thu được không tinh diệu, không quá nhiều, phải cùng ăn; ăn thức ăn được xếp bày trước mặt, không riêng lén ăn, cho đến chỉ vừa đủ no bụng; cũng cùng phân chia, trọn không cố ý giấu riêng mà ăn, cũng chẳng đóng cửa mà ăn; không được sợ người đói thiếu đến cầu xin phải

chia sớt. Nên biết đây gọi là thọ dụng bình đẳng.

Phân biệt *Giới mà bậc Thánh yêu quý* sai khác, tướng đây như phần *Nhiếp Dị Môn* đã thuyết.

Phân biệt *chánh kiến xuất thế* sai khác, tướng đây như phần *Nhiếp sự* đã thuyết.

Lại do 2 tướng thành tánh khả lạc: 1. Hiểu rõ người kia có đức nên tôn trọng; 2. Người kia có ân huệ nên ý vấn an thăm hỏi. Lại tánh khả lạc có 2 tướng khác: 1. Chưa sanh khiến được sanh; 2. Đã sanh khiến càng tăng rộng.

Nên biết trong đây tôn trọng tăng thượng, đó là thể của người kia có đức. Ý vấn an thăm hỏi tăng thượng, đó là nhiếp hai thứ là tài và pháp. Hai kia tăng thượng, đó là khéo hòa hợp. Hòa hợp tăng thượng, đó là tâm không nhiễu não. Xa lìa chỗ có nhiễu não tham... gọi là không trái. Phương tiện hòa hợp chung làm một việc, gọi là không tranh. Nước hòa cùng sữa gọi là tánh một hướng.

2. Đoạn: là chỗ có 4 luân của cõi trời, người.

Lại xứ sở viên mãn, dạy dẫn viên mãn, chánh hạnh viên mãn và tư lương viên mãn làm chỗ nương, nên biết kiến lập bốn luân trời người.

- Xứ sở viên mãn: là chỗ có 5 chủng diệu hảo gọi là xứ sở viên mãn, nếu nói rộng thì như *Thanh văn địa* đã thuyết.

- Dạy dẫn viên mãn: là bậc thiện hữu chân chánh, nếu nói rộng thì như *Thanh văn địa* và *Bồ-tát địa* đã thuyết.

- Chánh hạnh viên mãn: do 5 chủng tướng tự phát chánh nguyện. Những gì là năm? 1. Đối với điều chánh dạy trao, năng kính thuận giữ gìn; 2. Hạnh không trái nghịch; 3. Như thật hiển bản thân; 4. Ở nơi vị thầy dạy trao, tùy thu được y phục, uống ăn, ngọa cụ tinh diệu hay thô xấu, cũng sanh vui đủ; 5. Hai chủng gia hạnh không gián đoạn, ân trọng, vui đoạn vui tu, cho đến tu tập 4 chủng đối trị ái thủ của Bí-sô.

- Tư lương viên mãn: đó là bổ-đặc-già-la đời trước làm nghiệp phước. Vì lực thiện căn đời trước tăng thượng, nên biết có 5 tướng quả lợi ích thù thắng:

1. Do lực đời trước làm việc phước tăng thượng, nên an trụ 2 chủng quả báo khả ái bên trong và bên ngoài.

Quả báo khả ái bên trong là trường thọ sống

lâu, diệu sắc đoan nghiêm, không bệnh ít não; không làm tôi tớ, không làm bán nữ; trí huệ mãnh lợi, phát lời uy nghiêm, đầy đủ dòng tộc con cháu.

Quả báo khả ái bên ngoài là sanh vào nhà phú quý, được giàu có lớn, được bảo hộ lớn, có nhiều kẻ hầu người hạ, như kinh đã rộng thuyết. Đây gọi là tướng quả lợi ích thù thắng thứ nhất của việc làm phước đời trước.

2. Do lực đời trước làm phước tăng thượng, nên khéo được an trú ở những xứ tốt lành, không bị các võng lượng, dạ xoa, phi nhân, thần giữ nhà... năng làm chướng ngại. Tức là đối với tài sản, địa vị không bị chướng ngại, hoặc đối với thọ mạng không bị chướng ngại. Đây gọi là tướng quả lợi ích thù thắng thứ hai của việc làm phước đời trước.

3. Do lực đời trước làm phước tăng thượng, nên đối với thiện pháp tâm tánh năng thú nhập, tu tập không lười biếng. Đây gọi là tướng quả lợi ích thù thắng thứ ba của việc làm phước đời trước.

4. Do lực đời trước làm phước tăng thượng, nên đối với ác hạnh tự mình chân thành thấy hổ thẹn sâu. Tuy đã làm ác, lúc nào cũng phát khởi tâm ăn năn mãnh lợi. Do nhân duyên đây khiến

việc làm ác hiện tiền trở nên mỏng nhẹ, ở đời đương lai năng vĩnh viễn xa lìa ác kia. Đây gọi là tướng quả lợi ích thù thắng thứ tư của việc làm phước đời trước.

5. Do lực đời trước làm phước tăng thượng, nên tất cả sự nghiệp phương tiện gia hạnh, ý hướng, kỹ năng đều triển chuyển mạnh mẽ hưng thạnh. Phàm làm việc phước thí đều được kính thuận, dùng ít công lực mà có nhiều thành tựu. Đây gọi là tướng quả lợi ích thù thắng thứ năm của việc làm phước đời trước.

Như vậy bốn chủng trời trên các trời, người trên các người, chỗ có bánh xe Chỉ Quán thắng diệu luân chuyển, tùy khuyết một chủng thì xe đây không chuyển.

3. Đoạn chi: là 5 đoạn chi. Đó là nương nghĩa đã biện mà sanh sâu tin hiểu, đối trước Sư trưởng như thật hiển hiện chính mình, thân có dũng mãnh, tâm có dũng mãnh, kham năng lãnh thọ hiểu biết pháp nghĩa là thiện thuyết hay ác thuyết. Tùy theo thứ lớp ấy nên biết kiến lập 5 chủng đoạn chi. Tùy khuyết một chi, đoạn không thành tựu viên mãn.

4. Cung kính phụng sự: Trước hết cần phải cung kính phụng sự Đại sư, vì đây là bậc năng tuyên thuyết giáo pháp tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học. Kế đến phải kính trọng pháp đã thuyết đây. Kế đến khi tu tập tùy pháp hành pháp, phải cung kính nương tăng thượng giới và học xứ tương ưng Tỳ-nại-da. Kế đến phải cung kính nương dạy răn dạy trao tăng thượng tâm và tăng thượng tuệ, tùy từng thời gian mà tu cúng dường tài và cúng dường pháp, trong đây nên biết cúng dường tài pháp tức là cùng cộng trú và cùng thọ dụng. Kế đến ở nơi tĩnh lự mà tu tập tam-ma-địa. Từ đây không gián đoạn theo đó không ái vị, thông đạt lý đế, vĩnh viễn tận các lậu, không phóng dật. Như vậy nên biết 7 chủng thứ lớp "Cung kính phụng sự" sai khác.

Lại có 3 tướng sự cung kính, đó là: năng biết rõ công đức lợi ích thù thắng của bậc có đức mà phát khởi tôn trọng; tùy theo điều đã hiểu rõ dụng ba chủng thân, ngữ, ý chánh hạnh mà tu cung kính; xếp đặt chủng chủng tràng phan bảo cái mà vì cúng dường.

5. Dứt tranh cãi: là 7 pháp dứt sự tranh cãi.

Hoặc có các đồng phạm hạnh cử tội một đồng phạm hạnh khác, tức hiện tiền đối diện, đem việc thật, không đem việc chẳng thật mà nói, cho đến nói rộng. Trước người kia chưa hiểu nên phạm, lúc đã thông hiểu liền không phạm lại. Vì Bí-sô đó không phạm trở lại, nên các Bí-sô thấy, nghe, nghi kia không được nêu lại việc phạm trước. Như vậy sự tranh cãi liền được chấm dứt.

Lại có Bí-sô khi thấy Bí-sô khác phạm tội liền ngăn chặn. Nhưng ở thời sau, người phạm tội kia quên mất lỗi mình đã phạm trước. Bí-sô thấy người kia phạm rồi, liền nhớ lại chỗ phạm của kia, nên nêu cử chất vấn rằng: "Ông có tự nhớ chỗ từng phạm chăng?". Người kia bèn đáp: "Tôi đều không nhớ". Vì người kia đã không thể nhớ, nên không thể tự mình hối trừ. Ngược lại nếu người kia nói: "Tôi nhớ", tức kia liền tự hối nên nói: "Sẽ năng lìa ác tác". Người kia đã bị người cử tội, nên tín thuận theo người đã cử tội, đến trong chúng Tăng cầu xin nhớ nghĩ tưởng Tỳ-nại-da cùng với thanh tịnh. Bấy giờ chúng Tăng chấp nhận cho Bí-sô kia thanh tịnh. Người phạm tội kia được xa lìa ác tác, vậy

nên các Bí-sô không được nêu lại việc phạm trước. Như vậy sự tranh cãi được chấm dứt.

Lại có Bí-sô do điên cuồng nên hiện hành nhiều tội phi pháp Sa-môn, chẳng tùy thuận pháp. Người kia do sự điên cuồng đây, nên chẳng thành phạm. Nhưng có một loại Bí-sô vô trí không hiểu biết, cho là người kia thành phạm mà chưa cử phát. Các Bí-sô vì ngăn ngừa kia sẽ lại phạm ở vị lai, nên dạy răn khiến tự tâm người kia nhớ lại không còn si cuồng, dạy bảo Bí-sô kia trở lại cầu xin chúng Tăng, người kia nghe rồi tức liền cầu xin. Bấy giờ chúng Tăng nên đoạn trừ chỗ phạm của kia. Bổ-đặc-già-la như vậy thành không phạm. Tăng hòa hợp đứng thẳng xướng và thanh tịnh. Bí-sô không hiểu biết đã nghe việc đây rồi, các Bí-sô khác chẳng được nêu lại việc phạm trước. Như vậy sự tranh cãi liền được chấm dứt.

Lại có Bí-sô ở trong chúng Tăng cử tội Bí-sô. Người năng cử khởi tưởng người kia có phạm. Người bị cử lại khởi tưởng không phạm. Do tưởng không phạm bèn tự xưng nói: "Tôi không phạm". Người năng cử nói: "Ông chẳng từng làm việc như vậy như vậy ư ?". Người kia chân thật nói: "Tôi chưa

từng làm". Người năng cử lại nói: "Ông trước đã phạm, nay tiếp tục phạm nên cử phát mà không tự rõ biết, lại nói là không phạm". Bấy giờ chúng Tăng liền vì đó mà tìm cầu tánh thật của sự việc kia là phạm hay không phạm. Nếu thấy thật phạm rồi, phải như pháp đoạn trừ. Như vậy sự tranh cãi liền được chấm dứt.

Lại ở trụ xứ này có nhiều chúng Bí-sô, đối với chỗ phạm tội sanh nghi ngờ nên tranh cãi lẫn nhau, hoặc nói có phạm, hoặc nói không phạm, hoặc nói là nặng, hoặc nói là nhẹ. Ở trụ xứ khác có số chúng vượt hơn chúng ở trú xứ trước, trong chúng đây có nhiều bậc thông huệ thọ trì Kinh Luật Luận. Chúng trước nên tập trung đến đây để thỉnh hỏi quyết nghi rốt ráo. Như vậy sự tranh cãi liền được chấm dứt.

Lại Bí-sô đã phạm tội rồi, đối với lỗi ác tác triền của bản thân, bị kích phát quá độ nên sanh buồn não cho đến tiều tụy. Vì lo sợ người cử phát, liền như pháp hối trừ. Do đây tất cả sự tranh cãi đều được chấm dứt.

Có nhiều Bí-sô xoay vần cử tội lẫn nhau, mỗi mỗi riêng bị sự chấp thủ của kiêu mạn, không

muốn triển chuyển đối diện nhau phát lồ sám hối, dẫn đến việc hai bộ chia lìa, sống ở hai nơi riêng biệt. Mỗi bộ đều nói lời đây: "Kia đã không chấp nhận đến trước chúng ta phát lồ hối diệt, thì cớ sao chúng ta phải đi đến chúng kia mà phát lồ hối diệt?". Bấy giờ, hai bộ kia đây, mỗi bộ nên cử một người có trí dẫn đầu chúng, cùng nhau dàn xếp, cùng đến chúng khác phát lồ hối diệt chỗ phạm. Như vậy sự tranh cãi liền được chấm dứt.

Như vậy sự tranh cãi lược có bốn chủng, nên biết trừ diệt cũng có bốn chủng. Sao gọi là 4 chủng sự tranh cãi? 1. Sự tranh cãi do người cử phát; 2. Sự tranh cãi do nghi ngờ lẫn nhau; 3. Sự tranh cãi do tự mình cử phát; 4. Sự tranh cãi do cử phát lẫn nhau.

Những gì gọi là 4 chủng trừ diệt? 1. Trừ diệt do nguyện ra khỏi chỗ phạm; 2. Trừ diệt do thí cho thanh tịnh; 3. Trừ diệt do chấp nhận tìm tánh thật; 4. Trừ diệt do mỗi bên tự phát lồ.

Quyển 100
Thứ 5. NHIẾP TRẠCH SỰ ĐIỀU PHỤC
Phần 2

Lại nữa, Bí-sô siêng học nương Tỳ-nại-da nên chân chánh biết khắp 5 xứ đây. Những gì là năm? 1. Biết khắp sự; 2. Biết khắp tội; 3. Biết khắp bổ-đặc-già-la; 4. Biết khắp dẫn nhiếp nghĩa lợi; 5. Biết khắp tổn não.

1. Biết khắp sự: Có năm sự uẩn... như *Thanh văn địa* đã thuyết.

2. Biết khắp tội: Bí-sô siêng học nương Tỳ-nại-da, do 5 chủng tướng biết khắp chỗ phạm: ***a.*** Biết khắp nhân duyên phạm tội; ***b.*** Biết khắp đẳng khởi phạm tội; ***c.*** Biết khắp sự việc phạm tội; ***d.*** Biết khắp gia hạnh phạm tội; ***e.*** Biết khắp rốt ráo phạm tội.

a. Biết khắp nhân duyên phạm tội: Biết khắp hoặc nhân duyên do tham, hoặc nhân duyên do

sân, hoặc nhân duyên do si, nên hủy phạm các tội.

b. Biết khắp đẳng khởi phạm tội: Hoặc có tội do thân khởi hết thảy, chẳng phải do ngữ, chẳng phải do tâm; hoặc lại có tội do ngữ khởi hết thảy, chẳng phải do thân, chẳng phải do tâm; hoặc lại có tội do tâm khởi hết thảy, chẳng phải do thân, chẳng phải do ngữ; hoặc có tội do thân, do tâm khởi hết thảy, chẳng phải do ngữ; hoặc lại có tội do ngữ, do tâm khởi hết thảy, chẳng phải do thân; hoặc lại có tội do thân, do ngữ khởi hết thảy, chẳng phải do tâm; hoặc lại có tội do thân, do ngữ, do tâm khởi hết thảy, không riêng do tâm.

Đã phạm các tội, nên đối trước người khác mà phát lồ hối trừ, hoặc chỉ tự mình thành khẩn phòng hộ sâu, như trường hợp Bí-sô phát khởi chủng chủng tầm tư dục, tầm tư bất thiện...

c. Biết khắp sự việc phạm tội: Các sự việc phạm tội lược có 2 chủng: 1. Sự thuộc trong số hữu tình; 2. Sự thuộc trong số vô tình.

d. Biết khắp gia hạnh phạm tội: Chỗ phạm tội có 2 gia hạnh: 1. Sự nghiệp gia hạnh chẳng phải chỗ nên làm; 2. Sự nghiệp gia hạnh chỗ nên làm.

e. Biết khắp rốt ráo phạm tội: Nếu đối với việc nào đó thi thiết phương tiện thực hiện, thì thực hiện cho đến rốt ráo, chẳng ở trung gian mà thối lui. Dụng duyên đây thì chỗ phạm viên mãn.

Ở trong phương tiện của các tập tội thô là vượt hơn người và chúng dư, cũng phạm tội đọa tử và ác tác. Ở trong phương tiện kia và trong mỗi tụ mà được rốt ráo. Ở trong các phương tiện tội đọa tử, cũng là phạm ác tác. Bốn chủng tụ tội gọi là tội còn sót (tội hữu dư). Tụ tội tha thắng gọi là tội không sót (tội vô dư).

Hoặc chỗ phạm tội do có trí, nên gọi là không tích tập; hoặc vì theo người mà hiển phát, nên cũng gọi là không tích tập. Trái với tướng đây tức không gì không phải tích tập.

Hoặc chỗ phạm tội đã phạm rồi mà đối trước người như pháp phát lồ, phương tiện hối trừ, gọi là đã trình bày nói rõ. Trái với tướng đây gọi là chưa trình bày nói rõ.

Hoặc chỗ phạm tội đã phạm rồi sẽ hối trừ, gọi là có mong muốn. Trái với tướng đây gọi là không mong muốn.

Hoặc chỗ phạm tội mà chư Phật Thế Tôn ở

trong Biệt giải thoát Tỳ-nại-da kiến lập là phạm, gọi là có chế lập. Trái với tướng đây gọi là không chế lập.

Hoặc chỗ phạm tội, hoặc thuộc phạm vi một loại bổ-đặc-già-la, hoặc lại thuộc phạm vi thời gian nào đó không xác định, không sai khác so với tướng chung chế lập đã nói ở trước, nên biết tội đây gọi là đẳng vận. Trái với tội đây gọi là chẳng phải đẳng vận.

3. Biết khắp bổ-đặc-già-la: Do 5 tướng nên biết sai biệt: *a.* Do hành sai biệt; *b.* Do chúng sai biệt; *c.* Do tăng giảm sai biệt; *d.* Do chứng đắc sai biệt; *e.* Do quán sát sai biệt.

Do hành sai biệt: năng biết khắp do hành tham... có sai biệt, nên chỗ phạm có sự sai biệt. Tướng sai biệt kia như *Thanh văn địa* đã thuyết.

Do chúng sai biệt: năng biết khắp do 7 chúng là Bí-sô, Bí-sô-ni... sai biệt, nên chỗ phạm có sự sai biệt.

Do tăng giảm sai biệt: Như có một loại bổ-đặc-già-la hoặc quý tộc xuất gia, hoặc phú tộc xuất gia, hoặc dung nhan đoan chánh xuất gia... Ngoài

ra, có loại chẳng như vậy. Lại có một loại bổ-đặc-già-la đa văn uyên bác, có lời nói đầy đủ viên mãn, có đại trí đại phước, vững chắc mãnh lợi phòng hộ giới thanh tịnh, ít có chỗ phạm khiến sanh nhiều ác tác, năng khéo rõ biết lúc phạm tội và lúc ra khỏi tội. Ngoài ra, có loại chẳng như thế. Nếu năng biết khắp các sự việc như vậy, nên biết gọi là biết khắp tăng giảm có sai biệt, nên chỗ phạm có sự sai biệt.

Do chứng đắc sai biệt: Năng biết khắp từ bổ-đặc-già-la tùy tín hành cho đến rốt sau là bổ-đặc-già-la câu phần giải thoát có 7 chủng sai biệt; từ Dự lưu hướng, Dự lưu quả cho đến rốt sau là A-la-hán quả có 8 chủng sai biệt. Phân biệt các bổ-đặc-già-la sai biệt như vậy, tướng đây như *Thanh văn địa* đã biện.

Do quán sát sai biệt: Bổ-đặc-già-la năng cử tội phải khéo léo quán sát người bị cử tội, rồi mới cử tội khiến người kia nhớ lại, khởi quán như vầy: "Bổ-đặc-già-la bị cử tội đối với ta có lòng kính quý không?", tướng đây nên biết như kinh đã nói rộng. Bổ-đặc-già-la bị cử tội đây cũng phải khéo léo quán sát người năng cử tội: "Người cử tội ta là ngu phu

điên cuồng si khờ, cử tội phi pháp, muốn làm việc tổn hại đối với ta", tướng đây nên biết như kinh đã nói rộng; hoặc: "Người cử tội ta là bậc trí không cuồng, không ngốc nghếch, chỗ có phẩm bạch...", tướng đây nên biết như kinh đã rộng thuyết. Lại đối với bổ-đặc-già-la kham cử tội, nên chân chánh quán sát: "Nên khai cử chăng?". Như vậy gọi là bổ-đặc-già-la quán sát sai biệt.

Tất cả như vậy gọi là biết khắp bổ-đặc-già-la.

4. Biết khắp dẫn nghiếp nghĩa lợi: Năng biết khắp lược có 3 chủng dẫn nhiếp nghĩa lợi. Những gì là ba? *a.* Dẫn nhiếp nghĩa lợi lợi dưỡng của thân mình; *b.* Dẫn nhiếp nghĩa lợi khiến thân người ra khỏi tội; *c.* Dẫn nhiếp nghĩa lợi khiến Tăng-già đuổi bỏ người phạm giới, an lạc.

Dẫn nhiếp nghĩa lợi lợi dưỡng của thân mình: Hoặc bản chất của các lợi dưỡng là thanh tịnh, gọi là chân thật. Hoặc các lợi dưỡng thanh tịnh được tích trữ để sử dụng, chẳng phải vô dụng, gọi là năng dẫn nghĩa lợi. Hoặc các lợi dưỡng chẳng quá thời gian cho phép mà được đem thọ dụng, gọi là đúng thời. Hoặc các lợi dưỡng khác Bí-sô cũng hiện

dẫn nhiếp, gọi là có bạn. Có bạn đây chẳng phải dẫn phá Tăng, gọi là lìa phá Tăng. Nếu đầy đủ 5 chi dẫn nhiếp nghĩa lợi lợi dưỡng như trên, lúc thọ dụng phải nên an trụ chánh niệm, dụng tâm vô nhiễm, thì dẫn nhiếp nghĩa lợi lợi dưỡng như vậy gọi là không tội.

Dẫn nhiếp nghĩa lợi thân người ra khỏi tội: Hoặc xem thấy chỗ phạm tội của người kia thật sự hiện hành, gọi là chân thật. Hoặc lại tự biết "ta năng khiến kia ra khỏi bất thiện, an đặt nơi thiện", gọi là năng dẫn nghĩa lợi. Hoặc lúc người đang chân chánh gia hạnh như thuyết pháp, cung kính phụng sự bậc tôn trưởng, chăm sóc nuôi dưỡng bệnh... thì không nên cử tội, gọi là đúng thời. Hoặc cử tội kia, các Bí-sô khác cùng làm trợ bạn, gọi là có bạn. Nhưng nhân duyên có bạn chẳng phải năng dẫn phá Tăng, gọi là lìa phá Tăng thanh tịnh. Nếu đầy đủ năm chi dẫn nhiếp nghĩa lợi khiến thân người ra khỏi tội như vậy, phải nên an trụ chánh niệm, tâm không nhiễm ô, như bạn thiện từ đem lời nhu nhuyến mà dẫn nhiếp người ra khỏi tội, gọi là không tội.

Như dẫn nhiếp nghĩa lợi người ra tội, thì dẫn

nhiếp nghĩa lợi khiến Tăng-già đuổi bỏ người phạm giới, an lạc nên biết cũng vậy. Nhưng đây có sự sai biệt. Nếu nhân bị quở trách đuổi bỏ mà người bị đuổi đây không làm chướng ngại người năng đuổi, hoặc không nhân đây phá hoại vườn của Tăng, cũng không nhân đây tổn hoại tháp và tổn hại đồng phạm hạnh khác, như vậy gọi là năng dẫn nghĩa lợi.

Trái với tất cả tướng trên nên biết gọi là dẫn nghĩa không lợi.

5. Biết khắp tổn não: Là 5 chủng tổn não ở hiện pháp, chỉ có kẻ phàm phu hướng đến, kẻ ngu si hướng đến, bậc trí tránh xa. Kẻ phàm phu ngu si kia tuy thật chẳng phải cuồng mà việc làm như cuồng, cho đến chỉ có hư dối trôi nổi, không tăng trưởng các việc làm có nghĩa lợi ích.

a. Có một loại thương tiếc người chết, dùng nhiều tướng biểu hiện tự bức bách, tự đè nén, tiếc thương quá mức kẻ đã chết. Đây gọi là tổn não ở hiện pháp thứ nhất mà phàm phu hướng đến, cho đến nói rộng.

b. Có một loại kiếm sống rất khó khăn, nên

tà khổ bức mình lấy đây nuôi sống. Đây gọi là tổn não ở hiện pháp thứ hai mà phàm phu hướng đến, cho đến nói rộng.

c. Có một loại vì tánh tham cấu keo lẫn, cất giấu tích trữ chủng chủng tài bảo, các vật dụng nuôi thân, mà chỉ dùng chút ít phần nhỏ nhặt để tự nuôi sống thân. Đây gọi là tổn não ở hiện pháp thứ ba mà phàm phu hướng đến, cho đến nói rộng.

Sao gọi là cấu keo lẫn? Là 8 chủng cấu keo lẫn: 1. Cấu keo lẫn do thói quen keo kiệt tham lam đã có từ trước, không thường huân tập hạnh huệ thí; 2. Cấu keo lẫn do hiện pháp ôm lòng ái luyến quý trọng thân mạng phẩm thượng; 3. Cấu keo lẫn do thường cộng trú với người có tánh keo lẫn và học theo thói của kia, không xuyên suốt huân tập bi, tâm bi yếu kém; 4. Cấu keo lẫn do thấy các ruộng thí có ít công đức, hủy phạm chánh hạnh; 5. Cấu keo lẫn do đối với tài vật khởi tưởng khó được; 6. Cấu keo lẫn do ba thời ưu hối; 7. Cấu keo lẫn do đối với các tài bảo chỉ thấy công đức, không thấy quá hoạn; 8. Cấu keo lẫn do tà thí, hồi hướng. Nên biết đây gọi là 8 chủng cấu keo lẫn.

d. Có một dạng người yêu thích cõi trời, muốn

cầu sanh thiên, nhưng không như thật biết con đường sanh kia, nên tự bức hại thân mình như đoạn ăn uống, nhảy vào lửa, lên núi cao gieo mình nhảy xuống... Đây gọi là tổn não ở hiện pháp thứ tư mà phàm phu hướng đến, cho đến nói rộng.

e. Có một dạng người thích thanh tịnh mà không như thật biết con đường thanh tịnh. Lại dùng pháp khổ để được thanh tịnh và dùng vô lượng môn tự bức hại mình. Đây gọi là tổn não ở hiện pháp thứ năm mà phàm phu hướng đến cho đến nói rộng.

Như vậy là 5 chủng tổn não ở hiện pháp, Bí-sô siêng học nương Tỳ-nại-da nên chánh biết khắp, nên chánh xa lìa.

Lại nữa, Bí-sô siêng học nương Tỳ-nại-da thành tựu 5 pháp khiến người chưa tín sanh tín, người đã sanh tín càng thêm tăng trưởng. Những gì là năm? 1. Giới viên mãn; 2. Chánh kiến viên mãn; 3. Quỹ tắc viên mãn; 4. Tịnh mạng viên mãn; 5. Xa lìa triển chuyển đấu tranh viên mãn.

- *Giới viên mãn* lược có 10 chủng, tướng đây như *Thanh văn địa* đã biện, đó là lúc ban đầu khéo thọ trì, không quá trì trệ, không quá phấn tấn, cho

đến nói rộng.

- *Chánh kiến viên mãn* lược có 5 chủng: 1. Tăng ích, tức là đã vĩnh viễn đoạn thân kiến và biên chấp kiến; 2. Tổn giảm, tức là đã vĩnh viễn đoạn trừ loại bỏ tà kiến; 3. Chấp thủ kiến, tức là đã vĩnh viễn đoạn các kiến thủ và giới cấm thủ; 4. Đã vĩnh viễn đoạn hư vọng kế chấp kiến "kiết tường"; 5. Đã vĩnh viễn đoạn các kiến điên đảo hư vọng kế chấp cho là có hữu vi, chẳng phải hữu vi.

- *Quỹ tắc viên mãn* cũng có 5 chủng: hoặc nương thời nên làm các việc; hoặc nương phẩm thiện nên làm các việc; hoặc nương oai nghi nên làm các việc; chỗ có quỹ tắc thuận theo thế gian và Tỳ-nại-da, nói rộng nên biết như *Thanh văn địa*.

- *Tịnh mạng viên mãn* cũng có 5 chủng: năng xa lìa năm pháp khởi tà mạng giả dối... tướng đây như *Thanh văn địa* đã thuyết.

- *Xa lìa triển chuyển đấu tranh viên mãn* lược có 6 chủng, vì xa lìa 6 chủng căn bản đấu tranh. Trong đây 6 chủng căn bản đấu tranh, đó là phẫn, hận... như kinh đã nói rộng. Lại nương sáu xứ nên kiến lập 6 căn bản đấu tranh. Những gì là sáu xứ? 1. Tướng không làm nhiêu ích; 2. Vui ẩn giấu lỗi

trái vượt của mình, chấp giữ kiêu mạn; 3. Vui muốn lợi dưỡng cung kính hiện hành; 4. Hành hủy phạm tăng thượng giới; 5. Hành hủy phạm tăng thượng tâm; 6. Hành hủy phạm tăng thượng tuệ.

Nên biết nương xứ thứ nhất kiến lập căn bản đấu tranh thứ nhất, cho đến nương xứ thứ sáu kiến lập căn bản đấu tranh thứ sáu. Đó là có một loại bổ-đặc-già-la có hiểu biết rộng, nên từ người mà thu được nhiều lợi dưỡng. Do nhân duyên hủy phạm giới, đối với điều mình phạm vui muốn ẩn giấu, không muốn người biết. Có các Bí-sô đã rõ biết rồi, ở nơi có một, hai, hoặc nhiều chúng mà cử việc phạm đây. Do đây nên kia một hướng ưu buồn nhiễu não thân tâm. Lại do chấp giữ kiêu mạn ẩn chứa bên trong, nên sanh nhiều nhiệt não, tự nghĩ: "Chớ để kia ở nơi chúng khác nhân việc trước mà trách cứ đối với ta". Như vậy người kia trước ẩn giấu điều đã phạm gọi là che đậy, lại thêm phát khởi kiêu mạn phiền não. Hợp hai sự việc đây lại, gọi là vui ẩn giấu lỗi trái vượt của mình, chấp giữ kiêu mạn. Do đây kiến lập căn bản đấu tranh.

Lại có Bí-sô vui muốn cung kính lợi dưỡng hiện hành, thấy có người nhiều tài bảo, nhiều

người biết đến, đầy đủ đại phước, liền gần gũi nương dựa ân cần phụng sự. Không phải vì quý, không phải vì kính, cũng không phải vì vui pháp, chỉ chuyên vì nhân duyên lợi dưỡng cung kính. Kẻ kia tư duy như vầy: "Nhiếp giữ chất trực, nhẫn nhục, nhu hòa làm thầy y chỉ, ta ở nơi kia được tùy ý tự tại, kia thấy ta như vậy sẽ cho ta nhiều thứ, mà kỳ thật ta không làm gì cả". Lại tư duy như vầy: "Nhiếp giữ huệ nhanh nhẹn, vui thích tu phước, cùng những người đồng phạm hạnh lấy làm trợ bạn. Chỗ có công việc của Tăng và các việc khác đều nhờ kia làm, ta riêng lẫn tránh chỗ kín mà được yên thân". Khi hủy phạm cấm giới, các đồng phạm hạnh chánh nạn hỏi, thì không phân minh, liền giả dối mượn việc khác để nói. Như vậy gọi là hành giả dối, hành cuống siểm. Do nhân duyên đây khởi các tranh cãi. Ngoài ra, tùy chỗ thích hợp nên biết tướng đây. Trái với tướng đây có 5 chủng pháp khiến người chưa tín chuyển tăng bội không tín, khiến người đã tín trở lại thay đổi.

Lại nữa, Bí-sô siêng học nương Tỳ-nại-da thành tựu 5 lực, thì ở nơi tất cả chủng thân, khẩu, ý đều hành chánh gia hạnh. Những gì là năm? 1. Lực gia

hạnh; 2. Lực ý lạc; 3. Lực khai sáng; 4. Lực chánh trí; 5. Lực chất trực.

Nếu thân khẩu ý ở tất cả phần đều vui tu học, chân chánh khéo léo tu học các học xứ, lại đối với điều được học thật sự cung kính, chỉ vì tự điều phục, chỉ vì Bát-niết-bàn, nên biết gọi là lực gia hạnh.

Đã hủy phạm rồi, do ý lạc nên nhanh chóng trở lại ra khỏi xa lìa, như vậy gọi là lực ý lạc.

Đối với học xứ, thời thời thỉnh hỏi các bậc trì ba tạng Kinh, Luật, Luận; đã tự mình quý kính, cũng năng khai thị khuyên bảo người khác tu học như thế. Như vậy gọi là lực khai sáng.

Đã từ người được nghe rồi, nếu những lời dạy ấy là chân thật Tỳ-nại-da, thì nhiếp thọ không điên đảo; nếu lời dạy ấy là giả ngụy Tỳ-nại-da, tương tợ chánh pháp, là lời ác trái với pháp tánh, thì cũng như thật rõ biết. Tuy không đến kia cúi mình thỉnh hỏi những điều chưa hiển rõ, nhưng vì lắng nghe nhiều, nên đối với điều Phật Thế Tôn tuy không ngăn dứt, cũng không khai hứa, mà năng tự tư duy "So với tánh Sa-môn thì đây năng thuận theo, đây năng trái nghịch". Đã rõ biết rồi, tùy chỗ

thích hợp mà năng chân chánh tu hành, năng chân chánh xa lìa. Như vậy nên biết gọi là lực chánh trí.

Đã có lực tin hiểu lìa các cuống siểm, thì không chút phần sanh khởi phân biệt hư vọng. Chẳng thể ở trong chỗ khai hứa ít phần, mà lại khởi hiện hành khiến tăng thêm nhiều phần; chẳng thể ở trong chỗ khai hứa nhiều phần, mà lại khởi hiện hành khiến tổn giảm ít phần. Đối với tất cả sự việc hiện hành đây đều không tăng thêm, cũng không tổn giảm. Thực hành như vậy, ban đầu tự mình phát sanh hỷ lạc, về sau khiến mình người trụ nơi an lạc, tu hành chánh hạnh, không khiến người bị mê hoặc. Như vậy nên biết gọi là lực chất trực.

Lại nữa, nương sở học gia hạnh Tỳ-nại-da, nên biết có 5 phẩm loại bổ-đặc-già-la sai biệt:

1. Có một loại bổ-đặc-già-la đối với pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da nương pháp xuất gia, ban đầu sắp phát khởi hướng đến, tuy muốn phát khởi hướng đến, nhưng chưa xuất gia liền sanh phiền não tầm cầu tà dục. Do duyên đây bèn không xuất gia.

2. Có một loại đã xuất gia rồi, vì phiền não thiêu đốt mạnh mẽ, nên suy nghĩ hủy phạm giới

luật. Do nhân duyên đây phát sanh nhiều các ưu buồn hối tiếc, nên sanh phiền não tầm cầu tà dục.

3. Có một loại đã xuất gia rồi, ở trong pháp xuất gia mà không sanh hỷ lạc, sắp muốn phát khởi hướng đến xả sở học; cũng ở nơi việc xuất gia mà phát sanh ưu buồn hối tiếc, khởi nghĩ đây: "Ta không còn vui thích đối với việc xuất gia". Người kia do 2 duyên trên mà phát sanh phiền não tầm cầu tà dục.

4. Có một loại bổ-đặc-già-la đã xuất gia rồi, không vì nhân duyên nuôi mạng khó mà cố nghĩ trái vượt sở học, cho đến suốt đời vui muốn xuất gia siêng tu phạm hạnh. Người kia không do hai duyên khiến phát sanh phiền não tầm cầu tà dục.

Bốn chủng bổ-đặc-già-la như vậy thuộc loại dị sanh.

5. Có một loại là các hữu học chưa đắc giải thoát, lấy đây làm chỗ nương về sau đạt được tâm tuệ giải thoát bậc nhất, như thật rõ biết thông đạt thăng tiến. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ năm.

Bổ-đặc-già-la thứ năm đây có sự khác biệt so với bốn loại trước, tức do thuộc hàng hữu học giải thoát điều thiện mãnh lợi, về sau thông đạt thăng

tiến giải thoát, nên biết đây đã thấy dấu vết đế.

Trong đây, theo thứ tự đã thuyết thì ba bổ-đặc-già-la trước phải chánh trừ khiển phiền não tầm cầu tà dục phát sanh do phát khởi hướng đến, do ưu buồn hối tiếc, do hai duyên; lại phải chánh rõ biết đối với thượng giải thoát. Còn bổ-đặc-già-la thứ tư chỉ cần chánh rõ biết đối với thượng giải thoát sau. Nếu bốn bổ-đặc-già-la làm được như vậy, thì tất cả đều ngang nhau không sai khác.

Lại nữa, ở trong ba học, nên biết lược có 3 chủng tà hạnh. Có một loại bổ-đặc-già-la trước vì cầu Niết-bàn mà vui xuất gia, nhưng xuất gia rồi về sau trôi nổi vui đắm vị diệu dục cõi trời, chỉ phòng hộ giới, thọ trì giới hồi hướng cõi trời cho là vui đủ. Đây gọi là bổ-đặc-già-la ngoại kiết tà hạnh nơi tăng thượng giới thứ nhất.

Lại có một loại bổ-đặc-già-la chẳng ở nơi phòng hộ giới mà sanh vui đủ, năng hướng đến chứng đắc các cõi giới cao hơn, nên theo đuổi một tĩnh định. Lại ở nơi định đây sanh sâu nhiễm vị, không cầu tiến hiện quán thánh đế. Đây gọi là bổ-đặc-già-la nội kiết tà hạnh nơi tăng thượng tâm thứ hai.

Lại có một loại bổ-đặc-già-la là hữu học đã

thấy dấu vết đế, do trụ phóng dật nên trong hiện pháp không Bát-niết-bàn. Nên biết đây gọi là bổ-đặc-già-la tà hạnh nơi tăng thượng tuệ thứ ba.

Như vậy, đã lược dẫn cảnh trí của luận đây tùy thuận tương ưng với tông yếu Ma-đát-lý-ca của sự Điều phục. Ngoài ra tất cả những chi tiết liên quan đến cảnh trí luận đây đều phải nên hiểu rõ.

BIỆN NHIẾP THỨ TỰ SỰ BẢN MẪU

Như vậy đã thuyết Ma-đát-lý-ca của sự Tỳ-nại-da. Sao gọi là **sự Ma-đát-lý-ca**? Hoặc Ma-đát-lý-ca của Kinh, hoặc Ma-đát-lý-ca của Luật, lược chung làm một gọi là *Ma-đát-lý-ca*. Tuy lại không có Ma-đát-lý-ca khác, nhưng vì nói lược thâu nhiếp tạp pháp lưu chuyển, hoàn diệt, tạp nhiễm, thanh tịnh, mà nay Ta lại thuyết phân biệt pháp tướng Ma-đát-lý-ca. Ốt-Đà-Nam nói:

Cần yếu dụng khác giải thích khác
Chẳng được tức đây giải thích đây

Đầu tiên tóm lược sự "Thứ tự"
Về sau sẽ rộng biện "Thứ tự".

Nếu vì người mà tuyên thuyết các pháp, trước cần dùng môn này để nêu chung, sau lại dùng môn khác để giải thích chi tiết, như vậy gọi là thuận theo chánh lý. Không được trước dùng môn đây để nêu chung, sau trở lại lấy môn đây để giải thích chi tiết. Như trước nêu chung: "Sao là hữu vi?", về sau giải thích chi tiết nói: "Chỗ gọi là năm uẩn", như vậy gọi là thuận theo chánh lý. Không được trước nêu chung: "Sao là hữu vi?", sau lại giải thích riêng nói: "Chỗ gọi là hữu vi". Như vậy tất cả nên tùy theo đó mà hiểu rõ.

Lược do hai tướng nên biết kiến lập phân biệt pháp tướng Ma-đát-lý-ca: 1. Trước lược thứ tự sự; 2. Tức nương chỗ lược thứ tự sự như vậy, sau sẽ biện rộng.

1. Lược thứ tự sự: Tức nói lược thứ tự của sự phẩm lưu chuyển, tạp nhiễm và sự phẩm hoàn diệt, thanh tịnh.

Sự phẩm lưu chuyển, tạp nhiễm: là sự tự tánh,

sở y, sở duyên và trợ bạn của sáu thức thân, hoặc sự uẩn giới xứ, hoặc sự các duyên khởi xứ phi xứ, hoặc sự ba thọ, hoặc sự ba đời, hoặc sự bốn duyên, hoặc sự các nghiệp, hoặc sự phiền não, hoặc sự ba cõi là Dục giới...; hoặc sự mười hữu, đó là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu, địa ngục hữu, bàng sanh hữu, quỷ hữu, trời hữu, người hữu, nghiệp hữu, trung hữu, do ly dục đường thiện, đường ác riêng khác chiêu dẫn hướng đến các hữu có sự sai khác; hoặc sự mười một thức trụ, hợp chung mà nói đó là bốn thức trụ và bảy thức trụ; hoặc sự cư trú của chín hữu tình như kinh đã rộng thuyết; hoặc sự năm đường, hoặc sự bốn sanh, hoặc sự bốn nhập thai, hoặc sự bốn được tự thể, hoặc sự bốn thực, hoặc sự bốn ngôn thuyết, hoặc sự bốn pháp thọ, hoặc sự bốn điên đảo, hoặc sự khổ đế, hoặc sự tập đế. Hết thảy loại như vậy gọi là nói lược thứ tự của sự phẩm lưu chuyển, tạp nhiễm.

Sự phẩm hoàn diệt, thanh tịnh: là sự diệt đế, hoặc sự đạo đế, hoặc sự tam-ma-địa, hoặc sự các trí, hoặc sự đây chỗ dẫn dắt các công đức, hoặc sự bảy chánh pháp, hoặc sự bảy chánh tác ý quán sát, hoặc sự ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, hoặc sự bốn

dấu vết hành, hoặc sự bốn dấu vết pháp, hoặc sự Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, hoặc sự bốn tu định, hoặc sự ba phước nghiệp, hoặc sự ba học, hoặc sự bốn quả Sa-môn, hoặc sự bốn chứng tịnh, hoặc sự bốn thánh chủng, hoặc sự ba thừa, hoặc sự bốn hỏi đáp. Hết thảy loại như vậy gọi là nói lược thứ tự sự phẩm hoàn diệt, thanh tịnh. Biện rộng kiến lập hết thảy sự như vậy, tùy chỗ thích hợp đã thuyết ở trước, tướng đây nên biết trong các địa kia và các phần nhiếp đã thuyết.

Tóm lại mà nói tất cả sự gom chung trong 5 sự: 1. Sự tâm; 2. Sự pháp sở hữu của tâm; 3. Sự sắc; 4. Sự tâm không tương ưng hành; 5. Sự vô vi.

2. Biện rộng thứ tự của sự: Lược do 4 tướng mà biện rộng sự kia. Những gì là bốn? 1. Vì dị môn sai biệt; 2. Vì thể tướng sai biệt; 3. Vì giải thích từ sai biệt; 4. Vì phẩm loại sai biệt.

Dị môn, thể tướng, giải thích từ sai biệt, tướng đây nên biết như phần *Nhiếp thích* đã thuyết.

Phẩm loại sai biệt lại có 8 chủng: **a**. Kiến lập tánh có, chẳng phải có; tánh khác, chẳng phải khác sai biệt; **b**. Kiến lập giới địa sai biệt; **c**. Kiến

lập thời phần sai biệt; **d**. Kiến lập nơi chốn, phương hướng sai biệt; **e**. Kiến lập tương tục sai biệt; **f**. Kiến lập phần vị sai biệt; **g**. Kiến lập phẩm phần sai biệt; **h**. Kiến lập đạo lý sai biệt. Do 8 chủng sai biệt như vậy thảy, nên đối với tất cả sự phẩm loại sai biệt phải tùy theo đó mà hiểu rõ.

a. Tánh có, chẳng phải có; tánh khác, chẳng phải khác sai biệt: Nếu nói lược thì có 3 chủng có: 1. Thật có; 2. Giả có; 3. Thắng nghĩa có.

Thật có: là các pháp tiêu biểu có danh khả đắc, có sự khả đắc. Danh đây ở nơi sự vô ngại mà chuyển, chẳng phải có lúc chuyển được hoặc có lúc không chuyển được. Nên biết danh đây lược thuyết thật có. Như ở trong các tụ pháp như tụ sắc kiến lập các tướng thành, nhà, quân, rừng, cỏ, cây, y phục, thức ăn... nhưng tướng đây chỉ tùy chuyển ở nơi tụ đây, không dùng ở nơi tụ sắc khác. Các tướng khác mà ở tất cả xứ khác thảy đều tùy chuyển, thì tướng đây được nói là thật có, nên biết tướng khác được nói là giả có.

Giả có đây lược có 6 chủng: 1. Tụ tập giả có; 2. Nhân giả có; 3. Quả giả có; 4. Sở hành giả có; 5. Phần vị giả có; 6. Quán đãi giả có.

Tụ tập giả có: Vì thuận theo thế gian dùng lời nói để dễ dàng hiểu rõ. Như ở nơi tướng chung năm uẩn... mà kiến lập tưởng ngã, hữu tình, bổ-đặc-già-la, chúng sanh... tưởng đây chỉ có thể hiển rõ tụ đây, vậy nên nói là tụ tập giả có.

Nhân giả có: Đời vị lai pháp hành có thể sanh. Do chưa sanh, nên tuy không phải thật có, mà có nhân đây nên có thể sanh, gọi là nhân giả có.

Quả giả có: Chỗ gọi là trạch diệt, là quả đạo, nên không thể thuyết là không, nhưng chẳng phải thật có, nói chung là vì đoạn tất cả phiền não, ở đời đương lai rốt ráo chẳng sanh mà giả lập.

Sở hành giả có: Đời quá khứ các hành đã diệt, sở hành cảnh hiện tiền chỉ do tạo tác nhớ nghĩ, cho nên gọi là sở hành giả có, bởi lẽ đã tàn diệt nên chẳng phải thật có.

Phần vị giả có: là các tâm không tương ưng hành như sanh... như trước phần *Ý địa* đã nêu ra, biện rõ, giải thích. Tức ở nơi các hành đây do nương trước và sau, có và chẳng phải có, đồng loại

và khác loại, tương tục và phần vị mà giả lập sanh... Chẳng phải sanh... đây lìa ngoài các hành mà có tự thể chân thật riêng biệt khá có được.

Quán đãi giả có: là hư không vô vi, như hư không, phi trạch diệt... vì đối đãi với các cõi sắc mà giả kiến lập. Nếu nơi thị xứ cõi sắc chẳng phải có, giả nói hư không; như vậy chẳng phải lìa ngoài pháp sắc không chỗ hiển, riêng có thật thể hư không khả đắc. Chẳng phải "không chỗ hiển" mà được gọi là thật có. Quán đãi các hành không đồng sanh khởi, ở trong đời vị lai pháp chẳng sanh, lập là phi trạch diệt. Chỗ hiển không sanh giả nói là có. Chẳng phải chỗ hiển không sanh mà được gọi là thật có.

Thắng nghĩa có: Trong đây, tất cả danh lời, tất cả thi thiết thảy đều vĩnh viễn đoạn trừ, lìa các hý luận, lìa các phân biệt. Vì khéo phương tiện thuyết là pháp tánh, chân như, thật tế, không, vô ngã... như trong *Bồ Tát Địa* phẩm "Chân Thật Nghĩa", phần thứ 4 "Sự chân thật sở hành của trí do phiền não chướng thanh tịnh". Trái với tướng trên đây nên biết là chẳng phải có.

Lại do 4 chủng riêng, không riêng, nên kiến lập tánh khác, không khác: 1. Do nhân khác, không khác; 2. Do sở y khác, không khác; 3. Do tác dụng khác, không khác; 4. Do thời phần khác, không khác.

Các pháp nhân... hoặc tướng khác biệt khá có được, tức là đây khác so với kia; hoặc tướng không khác biệt khá có được, tức là trước, sau và hiện tại không khác. Thời phần khác tức là tất cả hành chỉ sát-na trụ, tức tự thể đây so trở lại với tự thể, gọi là không khác, qua sát-na sau gọi là khác. Do kia làm chủng mà đây được sanh, gọi là nhân. Nếu do nhãn... và đại chủng... làm chỗ nương dựa mà chuyển, gọi là sở y. Nếu tất cả hành mỗi mỗi có công năng riêng biệt, gọi là tác dụng.

Như vậy gọi là kiến lập phẩm loại tánh có, chẳng phải có; tánh khác, chẳng phải khác sai biệt thứ nhất.

b. Kiến lập giới địa sai biệt: là ba cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới sai biệt.

Dục giới: dưới từ địa ngục Vô gián, trên vượt qua Tha hóa cho đến cung Ma. Trong đây các hành

đều do nhân phiền não Dục giới sanh ra, ở nơi ba đời và phiền não kia làm nơi nương tựa, bị sự theo đuổi trói buộc của phiền não phẩm thô trọng, bị sự hệ buộc của kia. Lại tất cả phiền não trong Dục giới hoàn toàn chưa ly dục, không phải nhiếp thuộc định địa. Tất cả phiền não ở Sắc giới, Vô sắc giới một phần ly dục nhiếp thuộc định địa. Tướng phiền não khác nên biết như trước.

Sắc giới: là bốn tĩnh lự, kể cả tĩnh lự trung gian, có 17 địa.

Vô sắc giới: là bốn Vô sắc địa, như Không xứ...

c. Kiến lập thời phần sai biệt: Ở đời quá khứ có không gián đoạn đã diệt, có cận sát đã diệt, có lâu xa đã diệt. Ở đời vị lai có không gián đoạn sẽ sanh, có cận sát sẽ sanh, có lâu xa sẽ sanh. Ở đời hiện tại có sát-na hiện tại, có chúng đồng phận hiện tại, có tương tục chưa diệt hiện tại.

d. Kiến lập nơi chốn, phương hướng sai biệt: Các pháp có sắc vì nương dựa nơi chốn nên có phương hướng xa gần sai biệt. Các pháp vô sắc vì không có sắc nên không nương dựa nơi chốn; nếu

nương pháp sắc mà được sanh khởi, tức ở xứ đây nói có phương hướng. Đây do tướng chuyển, chẳng phải do nương dựa nơi chốn. Các pháp có sắc đầy đủ do hai chủng là nơi chốn và phương hướng.

e. Kiến lập tương tục sai biệt: Nên biết tương tục lược có 4 chủng. Do căn cảnh của mình và do căn cảnh của người có sai biệt nên lập 4 tương tục: 1. Tự thân mình tương tục; 2. Thân người tương tục; 3. Các căn tương tục; 4. Cảnh giới tương tục. Hai chủng là giả kiến lập; hai chủng là chân thật nghĩa.

f. Kiến lập phần vị sai biệt: Là phần vị khổ, phần vị lạc, phần vị không khổ không lạc, tức là các pháp năng thuận theo ba thọ.

g. Kiến lập phẩm phần sai biệt: Nên biết kiến lập hai phẩm năng trị, sở trị sai biệt, đó là: pháp nhiễm, không nhiễm; pháp thấp kém, thắng diệu; pháp thô, tế; pháp chấp thọ, không chấp thọ; pháp hữu sắc, vô sắc; pháp có thể thấy, không thể thấy; pháp có đối ngại, không đối ngại; pháp hữu vi,

vô vi; pháp hữu lậu, vô lậu; pháp hữu tránh, vô tránh; pháp có ái vị, không ái vị; pháp nương đam mê vui thích, nương ra khỏi xa lìa; pháp thế gian, xuất thế gian; pháp đọa nhiếp, chẳng phải đọa nhiếp.

Pháp nhiễm, không nhiễm: Nên biết trong đây do 5 nhân duyên kiến lập pháp nhiễm: 1. Ở trong ba thọ như chỗ thích hợp chính là tạp nhiễm; 2. Năng khắp nhiếp thọ các phẩm phiền não tánh thô trọng; 3. Năng khắp nhiếp thọ quả phi ái ở hiện pháp, đương lai; 4. Năng khắp liên kết sanh tương tục; 5. Năng khắp chướng ngại tất cả thiện pháp và ở nơi sở tri, chướng ngại trí sanh. Do nhân duyên đây gọi là pháp nhiễm.

Trái với tướng đây nên rõ biết tướng pháp không nhiễm. Pháp không nhiễm đây lược có 2 chủng là thiện và vô ký. Do thối rữa bất tịnh và phiền não bất tịnh, nên gọi là bất tịnh. Do trong đây các sở hữu thọ... đều là khổ, nên gọi là khổ. Do tánh vô thường, nên gọi là chẳng bền chắc. Nếu do đạo lý thắng nghĩa *tánh* thì tánh bất tịnh, tánh khổ, tánh không bền chắc thô uế, gọi là thấp kém. Vượt qua những tánh kia, nên biết gọi là thắng diệu.

Pháp thấp kém, thắng diệu: Do đối đãi nhau

nên lại có hai tướng thấp kém và thắng diệu sai biệt. Đó là đối với Sắc giới thì Dục giới là thấp kém; đối với Vô sắc giới thì Sắc giới là thấp kém; đối với Niết-bàn thì ba giới đều là thấp kém. Hết thảy loại như vậy cần nên rõ biết.

Pháp thô, tế: Vì vi trước sai biệt, vì tịnh uế sai biệt, vì thế dụng sai biệt, nên kiến lập thô, tế của cõi Sắc. Vi, đó là tụ cực vi; trước, đó là tụ còn lại. Tịnh, đó là trung hữu của tụ sắc địa trên; uế, đó là các hữu còn lại của tụ sắc địa dưới. Thế dụng: như ở thị xứ mà thế lực tác dụng của địa đại tăng mạnh, tuy cùng với các tụ khác lượng ngang nhau, mà kia năng vượt hơn địa khác, hiển hiện phần thô khá có được.

Vì phẩm loại hạ, trung, thượng có sai biệt, nên kiến lập sở hữu thô, tế của các pháp Vô sắc sai biệt. Phẩm loại hạ, trung, thượng có sai biệt: tức là các thọ như lạc... các pháp như tín... có phẩm loại hạ, trung, thượng sai biệt.

Pháp hữu sắc, pháp vô sắc do lý thế tục đế và lý thắng nghĩa đế, do dễ hiểu và khó hiểu, nên có hai chủng thô và tế sai biệt.

Pháp chấp thọ, chẳng phải chấp thọ: Các pháp

sắc nhờ sự chấp thọ giữ gìn của tâm, tâm sở. Do đây nương gá lẫn nhau, nên tâm tâm sở cùng kia đồng chuyển an bình, nguy hại. Đồng chuyển sự an nguy, tức là do lực tâm tâm sở vận nhậm giữ gìn nên sắc đây không bị đoạn, không bị hoại, không bị thối rữa. Do sự chấp thọ sắc như vậy, hoặc lúc suy tổn, hoặc lúc tăng thêm thì tâm tâm sở ấy cũng tùy đó suy tổn hay tăng thêm. Trái với tướng đây gọi là chẳng phải chấp thọ.

Pháp hữu sắc, vô sắc: Hữu sắc là năng nương dựa vào nơi chốn, phương hướng; vô sắc là không nương dựa vào nơi chốn, phương hướng. Đây nói trong phạm vi sở duyên lãnh nạp lưu chuyển mà thi thiết kiến lập.

Pháp có thể thấy, không thể thấy: Nếu các sắc được mắt nhận biết và chỗ nương... tức ở tại mắt đây, kia hiện tiền rõ ràng, gọi là có đối ngại. Trái với tướng đây gọi là không thể thấy.

Pháp có đối ngại, không đối ngại: Nếu các sắc năng chướng ngại sự thấy các sắc khác và chướng ngại sự qua lại của sắc khác. Trái với tướng đây gọi là không đối ngại.

Pháp hữu vi, vô vi: Hữu vi tức là có sanh diệt

hệ thuộc vào nhân duyên. Trái với tướng đây nên biết là vô vi.

Pháp hữu lậu, vô lậu: Nếu các pháp do các lậu phát sanh, do sự đuổi theo trói buộc của các lậu thô trọng, do các lậu tương ưng, do các lậu sở duyên; do các lậu quá khứ năng sanh, vị lai năng sanh, hiện tại năng sanh; do các lậu nương nhau, gọi là pháp hữu lậu. Trái với tướng đây nên biết là vô lậu.

Pháp hữu tránh, vô tránh: Vì năng cùng đương lai các khổ sanh... làm nhân sanh, vì ở trong hiện pháp có tánh tội, gọi là pháp hữu tránh. Trái với tướng đây gọi là vô tránh.

Pháp có ái vị, không ái vị: Vì ở môn nội tự thể có ái nhiễm đuổi theo, nên gọi là có ái vị. Trái với tướng đây gọi là không ái vị.

Pháp nương đam mê vui thích, nương ra khỏi xa lìa: Vì ở nơi môn ngoại cảnh giới có ái trước đuổi theo, nên gọi là nương đam mê vui thích. Trái với tướng đây gọi là nương ra khỏi xa lìa.

Pháp thế gian, xuất thế gian: Nếu tất cả pháp là hữu lậu, hữu tránh, có ái vị, nương đam mê vui thích như vậy, gọi là thế gian. Nếu năng trị đây, tức nương thế tục đế khởi tục trí và dẫn phát tục

trí, cũng gọi là thế gian. Trái với tướng đây gọi là xuất thế gian.

Pháp đọa nhiếp, chẳng phải đọa nhiếp: Nếu các thế gian, gọi là pháp đọa nhiếp, vì rơi trong khí hữu tình nhiếp thuộc Dục, Sắc, Vô sắc thế gian. Nếu các xuất thế gian, gọi là pháp không đọa nhiếp, vì không như đọa nhiếp thế gian đã nói trên.

h. Kiến lập đạo lý sai biệt: Là 4 đạo lý: 1. Quán đãi đạo lý; 2. Chứng thành đạo lý; 3. Tác dụng đạo lý; 4. Pháp nhĩ đạo lý. Phân biệt đạo lý sai biệt như vậy, tướng đây nên biết như *Thanh văn địa* đã thuyết.

Như vậy 8 chủng phẩm loại sai biệt và trước đã thuyết về dị môn, thể tướng, thích từ sai biệt. Thứ tự của tất cả sự như trước đã năng chánh biện rộng, biện lược, nên biết đều không vượt quá tất cả sự đã biện ở đây.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Đầu tụ, nhiếp nhau thảy
Thứ đến thành tựu thảy

Tự tánh thảy, nhân thảy
Sau rộng thuyết địa thảy.

Có 9 tụ pháp nhiếp tất cả pháp. Những gì là chín? 1. Tụ pháp thiện; 2. Tụ pháp bất thiện; 3. Tụ pháp vô ký; 4. Tụ pháp kiến sở đoạn; 5. Tụ pháp tu sở đoạn; 6. Tụ pháp không đoạn; 7. Tụ pháp tà tánh định; 8. Tụ pháp chánh tánh định; 9. Tụ pháp bất định.

Tụ pháp thiện: tướng đây đã rộng biện như *Ý Địa*.

Tụ pháp kiến sở đoạn: là tất cả kiến hoặc nương tham sân si mạn kiến... hoặc nghiệp đường ác, hoặc ở nơi các đế sanh khởi do dự nghi ngờ...

Tụ pháp tu sở đoạn: là tất cả pháp phải đoạn còn lại.

Tụ pháp không đoạn: là pháp vô lậu.

Tụ pháp tà tánh định: là nghiệp vô gián và đoạn thiện căn.

Tụ pháp chánh tánh định: là sở hữu các pháp học, vô học.

Tụ pháp bất định: là pháp phi học phi vô học còn lại. Nên biết trong đây sở hữu các pháp tự

tánh nhiếp lẫn nhau, tương ưng tánh khác.

Hoặc lại có một loại bổ-đặc-già-la thành tựu thiện pháp và pháp vô ký, không phải pháp bất thiện, đó là các bậc thánh đã lìa dục tham và đây dị sanh đã lìa dục tham, trừ chủng tử pháp.

Hoặc có một loại bổ-đặc-già-la thành tựu pháp bất thiện và pháp vô ký, không phải các pháp thiện, đó là bổ-đặc-già-la đoạn thiện căn, trừ chủng tử pháp. Hoặc không có loại bổ-đặc-già-la thành tựu pháp thiện và pháp bất thiện, không phải pháp vô ký. Hoặc không có bổ-đặc-già-la chỉ toàn bất thiện, hoặc chỉ toàn vô ký.

Lại trong đây nên biết các pháp tùy chỗ thích hợp hoặc là đắc, hoặc là xả. Đó là có một loại do thọ chỗ được thọ, hoặc do xả chỗ được thọ, hoặc do tà thôi thúc tìm cầu, hoặc do chánh thôi thúc tìm cầu, hoặc do chuyển hình, hoặc do pháp nhĩ, hoặc do ly dục, hoặc do gia hạnh, hoặc do thối thất, hoặc do đắc quả, hoặc do sống chết mà có đắc, xả.

Như trong pháp luật nghi Biệt giải thoát, do thọ pháp Biệt giải thoát luật nghi nên đắc, do xả pháp Biệt giải thoát luật nghi nên xả. Như trong các thiện pháp, do tà thôi thúc tìm cầu nên xả, do

chánh thôi thúc tìm cầu nên đắc. Do chuyển hình nên xả, đó là trong luật nghi Bí-sô và trong luật nghi Bí-sô-ni, hoặc chuyển xả thân Bí-sô thành thân Bí-sô-ni, hoặc chuyển xả thân Bí-sô-ni thành thân Bí-sô. Bấy giờ hoặc Bí-sô, hoặc Bí-sô-ni kia nếu chuyển hình khác hoặc chuyển không hình, thì hoàn toàn xả luật nghi Bí-sô, Bí-sô-ni. Do pháp nhĩ, khi thế gian hoại năng nhập pháp nhĩ sở đắc tĩnh lự. Do ly dục, nên năng đắc sở hữu thiện pháp địa trên. Do gia hạnh, nên năng nương kia dẫn công đức khiến hiện tại tiền. Do thối thất, nên trở lại đắc các pháp hạ liệt trước. Do đắc quả, nên xả các pháp thế gian, được pháp xuất thế gian và thiện pháp thế gian thanh tịnh về sau. Do sống chết, nên lúc sanh cõi dưới thì khi sanh được các pháp thiện, bất thiện, vô ký; hoặc khi sanh cõi trên, chỉ đắc thiện pháp và pháp vô ký. Chỗ xả các hữu, như chỗ thích hợp cũng theo đó hiểu rõ.

Các tâm, tâm sở không chống trái lẫn nhau mà cùng tương ưng, cùng nhiếp lẫn nhau, tức sát-na hành đây trở lại cùng sát-na đây.

Lại không có tất cả các hành, pháp sanh tử vĩnh viễn đoạn trừ.

Lại không các hành trước chưa từng sanh, bỗng nhiên nay khởi.

Lại tất cả hành đều sát-na sanh, sát-na sau sanh ắt không dừng trụ; các hành một sanh, một trụ, một diệt.

Lại tất cả pháp chỉ một tự tánh, không có tự tánh thứ hai khá có được.

Lại quyết định không có hai pháp cùng loại cùng một lúc tương ưng, tức do không có tự tánh thứ hai.

Lại chẳng phải một pháp có tướng khác chia lìa hai chủng tướng tác dụng.

Lại tất cả hành nương cái khác chuyển mà không nương chính mình.

Lại chẳng phải tự tánh cùng với tự tánh đồng nhau, cũng không tùy chuyển cùng nhau.

Lại chẳng phải tức một sát-na tâm đây làm sở duyên sát-na tâm đây.

Lại chẳng phải tức tự tánh sát-na đây làm nhân tự tánh sát-na đây; cũng chẳng phải sanh sau làm nhân sanh trước; cũng chẳng phải đồng loại làm nhân của dị loại, như bất thiện so với thiện, thiện so với bất thiện, mà làm thành nhân

quả dị thục vô ký.

Rộng thuyết địa... Ốt-Đà-Nam nói:

Đầu các địa, các y
Kế đế, trí, gia hạnh
Tam-ma-địa, căn, đạo
Đối trị, hành, tu tập
Pháp hữu lậu, vô lậu
Các quả, các nhân, duyên
Lập bổ-đặc-già-la
Sau biết khắp, cứu cánh.

Có 9 chủng địa. Những gì là chín? 1. Tư lương địa; 2. Phương tiện địa; 3. Quán hành địa; 4. Kiến địa; 5. Tu địa; 6. Hữu học địa; 7. Vô học địa; 8. Thánh giả địa; 9. Dị sanh địa.

Trước nên tu tập tư lương xuất thế. Kế đến vì tận lậu nên siêng tu phương tiện. Kế đến tu tùy thuận quyết trạch thời phần, chánh quán các đế. Kế đến năng chứng nhập chánh tánh ly sanh. Cuối cùng thứ lớp chứng bốn quả Sa-môn. Trong đây ba trước là hữu học địa. Quả thứ tư đây là vô học địa. Chứng ly sanh rồi, dần dần thăng tiến tất cả đạo thế gian, gọi là tu địa. Tức đây tổng nhiếp kiến

địa, học địa và vô học địa, gọi là thánh giả địa. Còn lại tất cả đây gọi là dị sanh địa, tức là tất cả dị sanh hoặc chưa tu gia hạnh, hoặc đã tu gia hạnh, hoặc đã ly dục.

Lại nữa, có 9 y năng tận các lậu. Những gì là chín? Đó là vị chí định, hoặc Sơ tĩnh lự, tĩnh lự trung gian, ba tĩnh lự còn lại và ba vô sắc, trừ Đệ nhất hữu.

Lại nữa, có bốn Thánh đế năng khiến tận các hoặc, tịnh các hoặc.

Lại nữa, có 10 trí năng rõ biết tất cả cảnh giới sở tri: pháp trí, loại trí, thế tục trí, tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sanh trí. Đây rộng phân biệt như *Thanh văn địa*.

Lại nữa, thầy Du-già có 5 gia hạnh: 1. Vì muốn chứng nhập chánh tánh ly sanh; 2. Vì đắc thượng quả; 3. Vì thắng tiến ly dục; 4. Vì muốn chuyển căn; 5. Vì dẫn công đức.

Lại nữa, Du-già có 3 tam-ma-địa: 1. Không tam-ma-địa; 2. Vô nguyện tam-ma-địa; 3. Vô tướng tam-ma-địa.

Lại nữa, có 3 chủng các căn của tất cả hành hướng và trụ quả: 1. Căn chưa biết muốn biết, là

các căn hành hướng quả Dự lưu; 2. Căn đã biết, là các căn trụ quả Dự lưu trở lên đến hành hướng quả A-la-hán; 3. Căn biết đầy đủ, là các căn trụ quả A-la-hán.

Lại nữa, có 9 đạo. Sao gọi là chín? 1. Đạo thế gian; 2. Đạo xuất thế gian; 3. Đạo gia hạnh; 4. Đạo không gián đoạn; 5. Đạo giải thoát; 6. Đạo thắng tiến; 7. Đạo phẩm hạ; 8. Đạo phẩm trung; 9. Đạo phẩm thượng.

Đạo thế gian: do đây nên năng chứng đoạn các phiền não thế gian, hoặc không chứng đoạn; năng đến cõi thiện hoặc đến cõi ác.

Đạo xuất thế: do đây nên năng chứng rốt ráo đoạn các phiền não.

Đạo gia hạnh: vì đoạn các hoặc nên siêng tu gia hạnh.

Đạo không gián đoạn: vì chánh đoạn các hoặc.

Đạo giải thoát: vì đoạn không gián đoạn, tâm đắc giải thoát.

Đạo thắng tiến: từ đây về sau phát gia hạnh thù thắng.

Đạo phẩm hạ: năng đối trị phiền não phẩm thượng.

Đạo phẩm trung: năng đối trị phiền não phẩm trung.

Đạo phẩm thượng: năng đối trị phiền não phẩm hạ.

Lại nữa, có 4 chủng đối trị: 1. Đối trị nhàm chán hoại diệt; 2. Đối trị đoạn diệt; 3. Đối trị nhậm trì; 4. Đối trị phần xa.

Lại nữa, có 16 hành tướng, đó là quán các đế là vô thường... như trước đã biện.

Lại nữa, có 8 chủng tu tập, đối trị như vậy, hành tướng như vậy, tu tập như vậy. Tướng đây nên quán như *Định địa* và *Thanh văn địa* ở trước.

Lại nữa, có 2 phẩm nhiếp tất cả pháp: 1. Pháp hữu lậu; 2. Pháp vô lậu. Hai đây nên biết như trước đã biện.

Lại nữa, có 5 quả: 1. Quả dị thục; 2. Quả đẳng lưu; 3. Quả lìa hệ buộc; 4. Quả sĩ dụng; 5. Quả tăng thượng.

Lại nữa, có 10 nhân: 1. Nhân tùy thuyết; 2. Nhân quán đãi; 3. Nhân dẫn dắt; 4. Nhân nhiếp thọ; 5. Nhân sanh khởi; 6. Nhân dẫn phát; 7. Nhân quyết định khác; 8. Nhân đồng sự; 9. Nhân trái nhau; 10. Nhân không trái nhau.

Lại nữa, có 4 duyên: 1. Nhân duyên; 2. Đẳng vô gián duyên; 3. Sở duyên duyên; 4. Tăng thượng duyên.

Như vậy tất cả nhân, quả và duyên, tướng đây như *Bồ-tát địa* đã biện.

Lại nữa, có 7 chủng bổ-đặc-già-la, đó là tùy tín hành...

Lại nữa, có 6 chủng A-la-hán, đó là pháp thối...

Lại nữa, có 8 chủng bổ-đặc-già-la, đó là hành bốn hướng và trụ bốn quả, nên biết tướng đây kiến lập như *Thanh văn địa*.

Lại nữa, sáu 6 chủng trí biết khắp: 1. Trí biết khắp bất định địa hữu lậu đế; 2. Trí biết khắp định địa hữu lậu đế; 3. Trí biết khắp vô lậu vô vi đế; 4. Trí biết khắp vô lậu hữu vi đế; 5. Trí biết khắp thuận hạ phần kiết; 6. Trí biết khắp thuận thượng phần kiết.

Lại nữa, có 2 chủng rốt ráo: 1. Trí rốt ráo: là tận vô sanh trí, tức là từ đây về sau vì không phải biết đến việc đoạn trừ phiền não; 2. Đoạn rốt ráo: là khắp rốt ráo đoạn các phiền não, do kia đoạn nên chứng tâm giải thoát và tuệ giải thoát rốt ráo viên mãn.

Như vậy đã lược dẫn cảnh trí của luận đây tương ưng thuận theo sở hữu tông yếu Ma-đát-lý-ca. Ngoài ra tất cả những chi tiết liên quan cảnh trí luận đây đều phải nên rõ biết. Vào khắp hành của tất cả Ma-đát-lý-ca, tướng đây nên biết như phần *Nhiếp thích*. Giáo pháp Như Lai số lượng vô hạn, làm sao năng đến được bờ vô biên ấy? Tất cả đều thuận theo phương hướng đây, thuận theo dẫn phát đây, thuận theo nghĩa thú đây. Các bậc thông tuệ đối với tất cả điều trên nên chân chánh tầm tư, nên chân chánh giác liễu.